

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM SMART PSS

PHỤ LỤC

I.	Tổng quan	4
1.	Tổng quan	4
II.	Cài đặt và cập nhật	4
1.	Cài đặt.....	4
2.	Gỡ cài đặt.....	8
III.	CÀI ĐẶT	9
3.	General (Tổng quan)	11
3.1.	Basic	11
3.2.	File	13
3.3.	Alarm prompt.....	13
3.4.	Version	14
4.	Account	15
4.1.	Thêm Role	15
4.2.	Add user	16
5.	DEVICE MANAGER.....	18
5.1.	ADD device	18
5.1.1.1.	Add/Modify Device (thêm/ thay đổi thiết bị)	21
6.	Signal manager (hoặc device cfg).....	21
6.1.	General.....	22
6.1.1.	Network: (Mạng).....	22
6.1.1.1.	TCP/IP:	22
6.1.1.2.	Connect (Kết nối)	22
6.1.1.3.	PPPOE	23
6.1.1.4.	DDNS	24
6.1.1.5.	IP Filter	25
6.1.1.6.	SMTP (Email).....	26
6.1.1.7.	Multicast	27
6.1.1.8.	Alarm Server – (Trung tâm báo động)	28
6.1.2.	Remote —(Từ xa).....	29



6.1.3.	Encode — (Mã Hóa)	30
6.1.3.1.	Âm thanh/ Hình ảnh.....	30
6.1.3.2.	Snapshot	31
6.1.3.3.	Overlay	32
6.1.4.	Image (Hình ảnh).....	34
6.1.5.	PTZ Control (Điều khiển PTZ).....	34
6.2.	Event (sự kiện)	35
6.2.1.	Video detect	35
6.2.2.	Alarm (Báo động).....	40
6.2.3.	Bất thường.....	44
6.3.	Record (Ghi)	47
6.3.1.	Lịch trình	47
6.3.1.1.	Record control (kiểm soát ghi)	49
6.3.2.	Ổ cứng	50
6.3.2.1.	Lưu trữ nội bộ	50
6.3.2.2.	Lưu trữ từ xa	51
6.4.	Disk Maintenance.....	52
6.4.1.	Tài khoản	52
6.4.2.	Maintenance	55
6.4.2.1.	Host.....	55
6.4.2.2.	Date & Time	56
6.4.2.3.	RS232.....	57
6.4.2.4.	Auto Maintenance	58
6.4.2.5.	Version (phiên bản).....	58
6.4.3.	WED	59
7.	Alarm setup (Cài đặt báo động).....	59
7.1.	Cài đặt kế hoạch báo động	59
7.2.	Enable/Disable/Export Scheme.....	62
8.	Cấu hình TV Wall	63
9.	Tour & Task.....	65
10.	PC-NVR	67
IV.	Hoạt động cơ bản	70
1.	Xem trực tiếp	70
1.1.	Xem thời gian thực	70
1.2.	Record (Ghi)	74



1.3. Snapshot	74
1.4. PTZ	75
1.4.1. Preset	77
1.4.2. Tour	77
Cài đặt tour	78
2. Xem lại	79
2.1. Xem lại thiết bị lưu trữ	80
2.2. Xem lại nội bộ	81
2.3. Tải dữ liệu	83
3. Quản lý báo động	83
4. LOG	84
V. MỞ RỘNG	85
1. TV Wall	85
2. E-Map	86
2.1. Thêm E-MAP	86
2.2. Sửa e-map	87
2.3. Xem trước E-map	88
3. Thiết bị hiển thị và điều khiển	89



CHÀO MỪNG.

Cảm ơn bạn đã sử dụng hệ thống giám sát thông minh chuyên nghiệp của chúng tôi(Smart PSS) Sách hướng dẫn này được thiết kế để trở thành một công cụ tham khảo cho hoạt động của hệ thống của bạn.

Ở đây bạn có thể tìm thấy thông tin chi tiết về hoạt động của Smart Pss.

I. Tổng quan

1. Tổng quan

SMART PSS là viết tắt của Smart Professional Surveillance System.

Phần mềm này là để quản lý các thiết bị an ninh giám sát số lượng nhỏ. Nó phát hành với các thiết bị và không hỗ trợ các sản phẩm từ các nhà sản xuất khác. Nó có các tính năng sau đây:

- Xem video thời gian thực của một số kênh camera.
- Xem các file video phát lại từ máy ảnh khác nhau.
- Hỗ trợ nhiều lịch báo động để thực hiện tự động bảo vệ máy tính.
- Hỗ trợ e-bản đồ; bạn rõ ràng có thể xem và quản lý tất cả các vị trí thiết bị.
- Thiết lập kế hoạch tường TV và đầu ra can tường TV video cùng một lúc.
- Hỗ trợ các ứng dụng mở rộng, có thể gửi thông tin báo động cho các chương trình bên ngoài.

2. Hiệu suất

- Hệ thống tồn đã 36 kênh ở chế độ CIF
- Mỗi tối đa máy chủ lưu trữ hỗ trợ để lưu video 16 kênh (không có giới hạn dòng bit)
- Mỗi phương tiện truyền thông dòng máy chủ tối đa nhận 16 kênh video và chuyển 128 kênh video

3. Môi trường

Mục	Môi trường làm việc
OS	Windows XP/Windows 7/ Windows 8/Windows Mac (Smart PSS Mac version).
CPU	2.4GHz or higher.
Display card	Independent car and support directX 8.0c or higher.
Memory	1GB or higher.
Displayer Resolution	1024× 768 or higher.

II. Cài đặt và cập nhật

1. Cài đặt.

Bạn có thể tìm và tải phần mềm Smart Ps strong trang dahua.vn hoặc dahuasecurity.com

1.1.Click đúp vào “General_Smart-PSS_Eng_IS_VX.XX.X.exe” để bắt đầu cài đặt

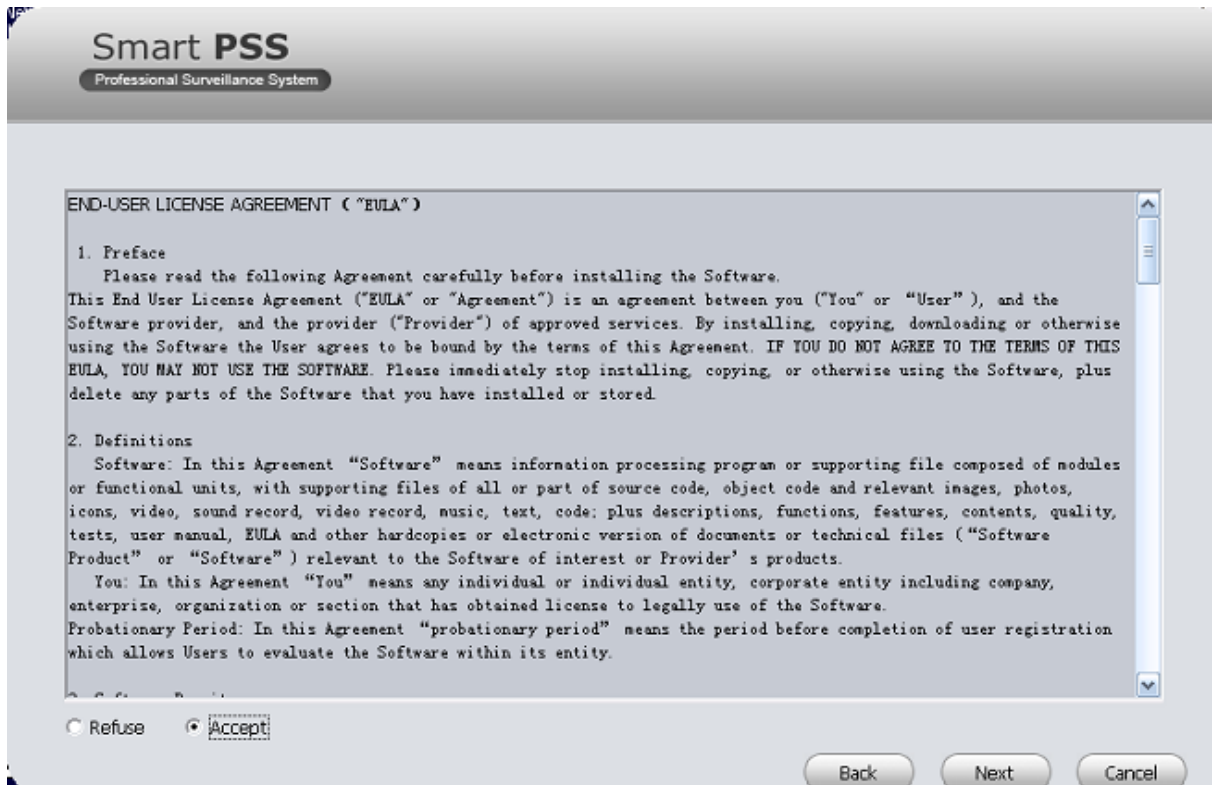


1.2. Chọn ngôn ngữ cài đặt rồi ấn ok để đi tiếp đến giao diện Welcome. Hình 2-2



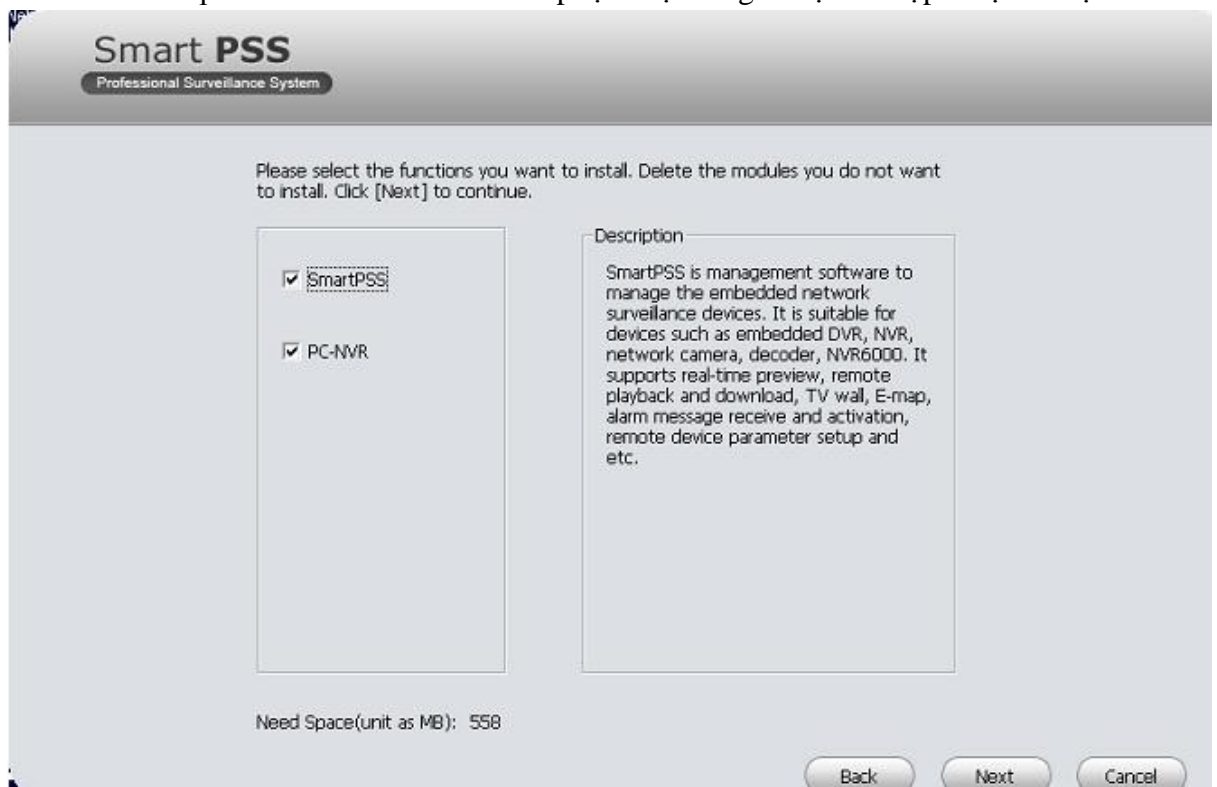
Hình 2-2

1.3. Click vào next để hiển thị giao diện như hình 2-3



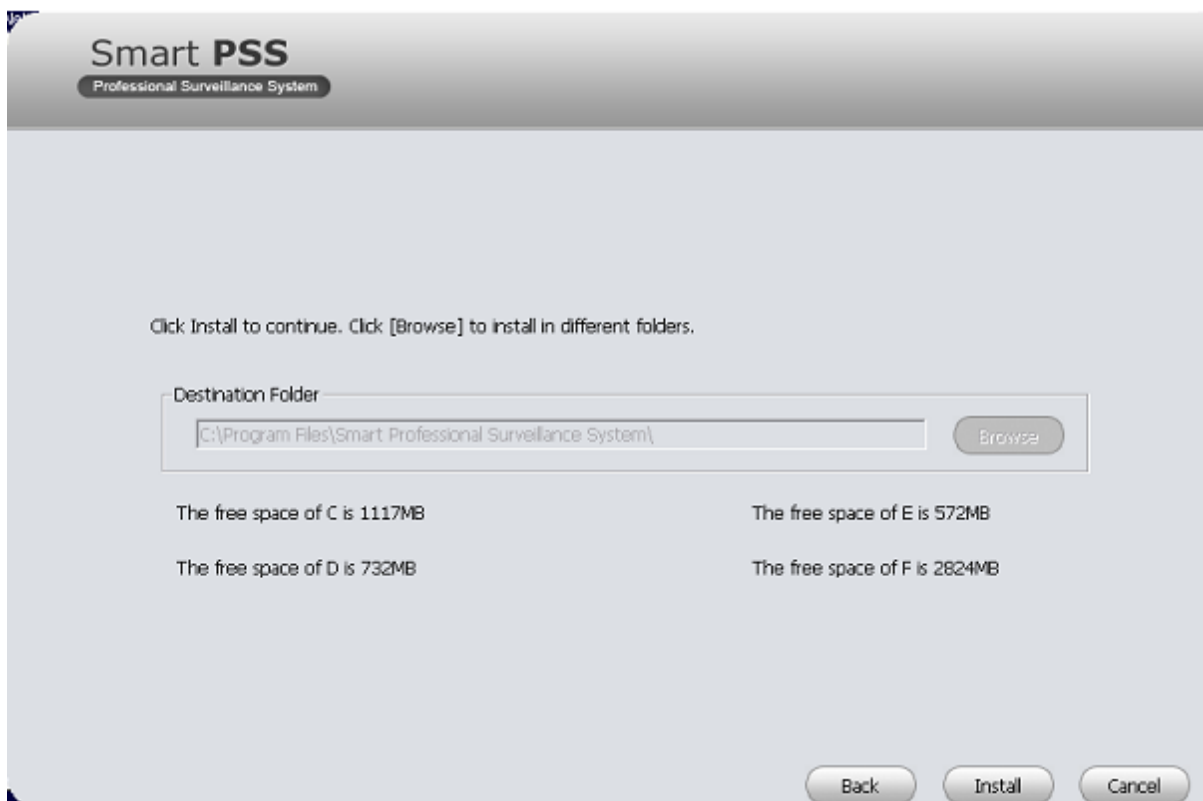
Hình 2-3

1.4. Click vào Accept sau đó ấn vào Next để tiếp tục. Hệ thống sẽ bật lên hộp thoại cài đặt



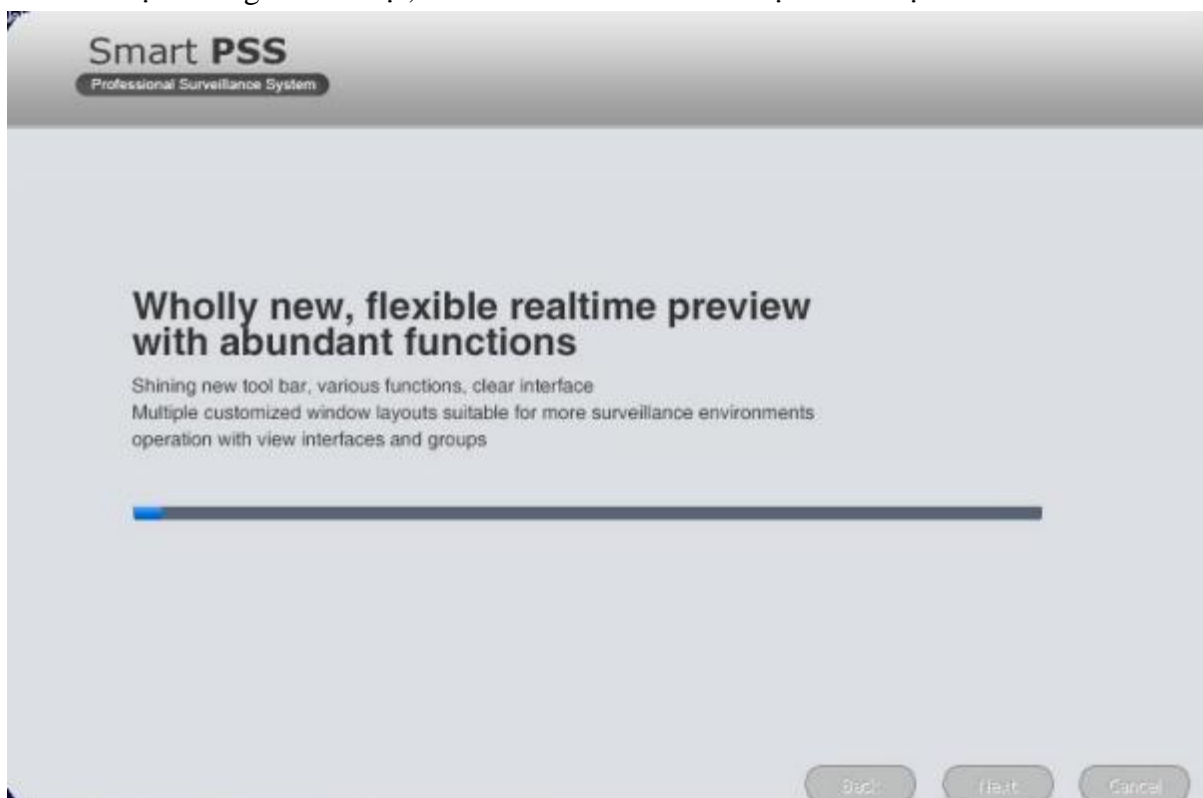
Hình 2-4

1.5. Check Smart Pss rồi ấn next. bạn có thể thấy có một giao diện yêu cầu bạn chỉ định đường dẫn cài đặt



Hình 2-5

1.6. Sau khi chọn đường dẫn cài đặt, ấn nút next để bắt đầu cài đặt. Giao diện như hình 2-6



Hình 2-6

1.7. Trong suốt quá trình cài đặt bạn có thể ấn nút cancel để hủy cài đặt. Sau khi cài đặt xong bạn có giao diện như hình 2-7

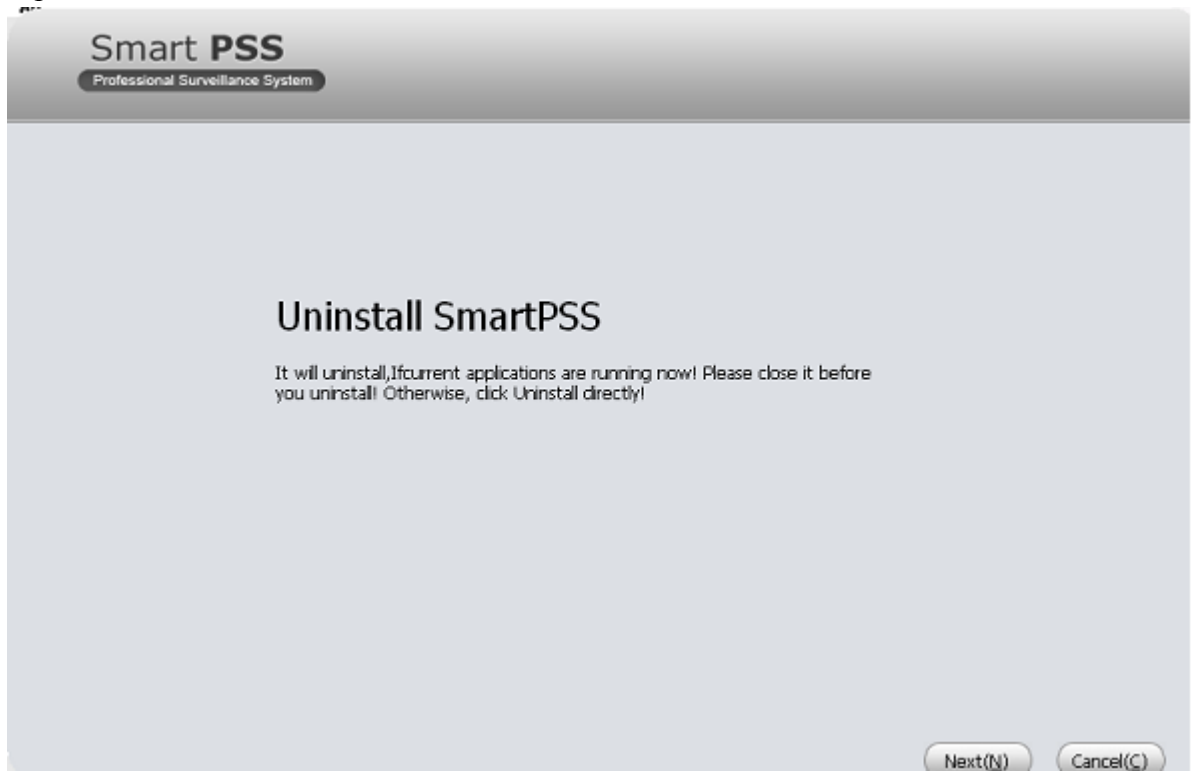


Hình 2-7

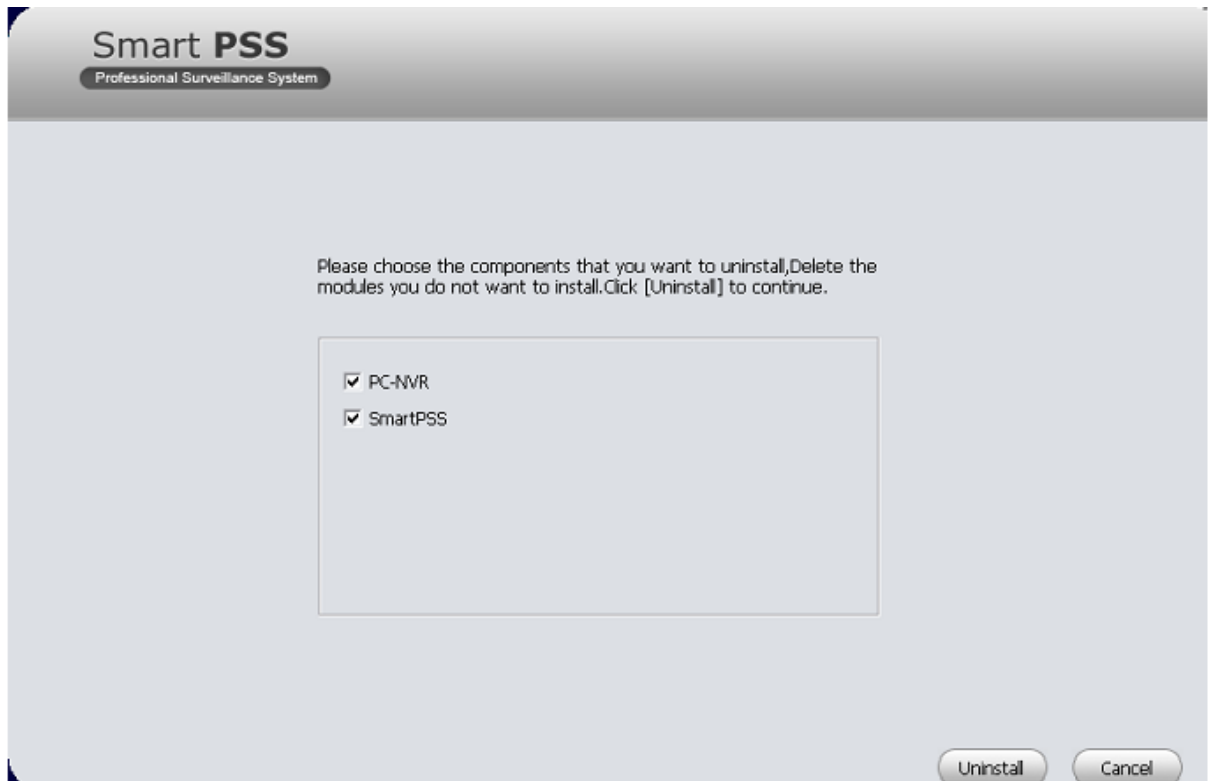
1.8.ấn Finish để hoàn tất cài đặt.

2. Gỡ cài đặt.

2.1.Từ Start -> All programs->Smart PSS, chọn mục Uninstall Smart PSS. Hệ thống sẽ hiển thị hộp thư thoại như hình 2-8



2.2.Click next , bạn có thể xem giao diện như hình 2-9



Hình 2-9

2.3. Check mục SmartPss để loại bỏ. Bạn cần check vào mục PC-NVR nữa. Cuối cùng ấn Uninstall để loại bỏ.

III. CÀI ĐẶT



Click đúp chuột vào biểu tượng SmartPSS bạn cần phải đăng nhập vào giao diện

1. Đăng nhập vào giao diện như hình 3-1

- User Name: Điền tên đăng nhập
- Password: điền mật khẩu tương ứng để đăng nhập
- ấn OK, hệ thống sẽ xác minh tài khoản đăng nhập và sau đó đăng nhập vào giao diện Menu chính
- Cancel: click nút này để thoát khỏi giao diện đăng nhập.

Chú ý:

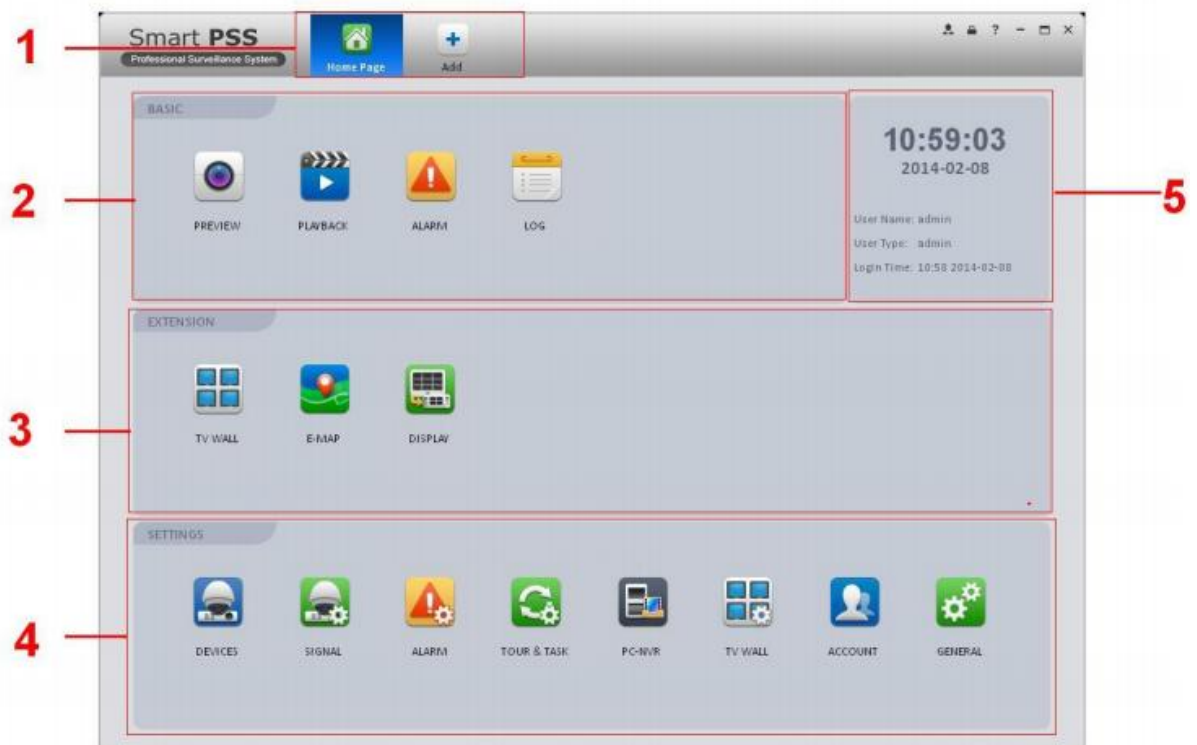
- Nếu đó là lần đầu tiên bạn chạy chương trình Smart PSS, tên người dùng mặc định là admin và password là admin quá. Admin là một siêu quản trị và không thể được gỡ bỏ. Nó có thể thêm, chỉnh sửa hoặc xóa người dùng khác.
- Vì lý do bảo mật, vui lòng thay đổi mật khẩu sau khi đăng nhập lần đầu vào.
- Bạn có thể nhớ mật khẩu của bạn, vì vậy khi bạn có thể đăng nhập vào lần sau, bạn không cần tên người dùng và mật khẩu đầu vào. Xin lưu ý chức năng này là để thuận tiện duy nhất của bạn. Không cho phép chức năng này trong máy tính công cộng.



Hình 3-1

2. Giao diện chính

Click nút đăng nhập, hệ thống bắt đầu xác minh tên người dùng và mật khẩu và sau đó đi đến giao diện chính. Xem Hình 3-2.



Hình 3-2

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết

SN	Thông số	Chức năng
1	Menu	Ở đây bạn có thể xem các biểu tượng trang chính và mở hiện tại biểu tượng chức năng.

		Nhấn thêm nút để thêm một biểu tượng chức năng trên cùng ô cửa.
2	Basic	Nó bao gồm xem trực tiếp, phát lại, báo động, đăng nhập
3	Extension	Nó bao gồm TV wall, bản đồ, hiển thị
4	Settings	Nó bao gồm thiết bị, cài đặt thiết bị, cài đặt báo động, tour and task, PC-NVR, TV wall , tài khoản, cài đặt chung và v.v..
5	Smart PSS basic information	Nó là để hiển thị thời gian hiện tại, thông tin người dùng, thời gian đăng nhập.

3. General (Tổng quan)

Nếu đó là lần đầu tiên bạn đăng nhập vào smart pss, bạn cần phải thiết lập thông số hệ thống. Nó bao gồm hiệu suất mạng, tiết kiệm thời gian đăng nhập, đăng nhập smart PSS hay không, hình ảnh và ghi lại đường dẫn lưu.

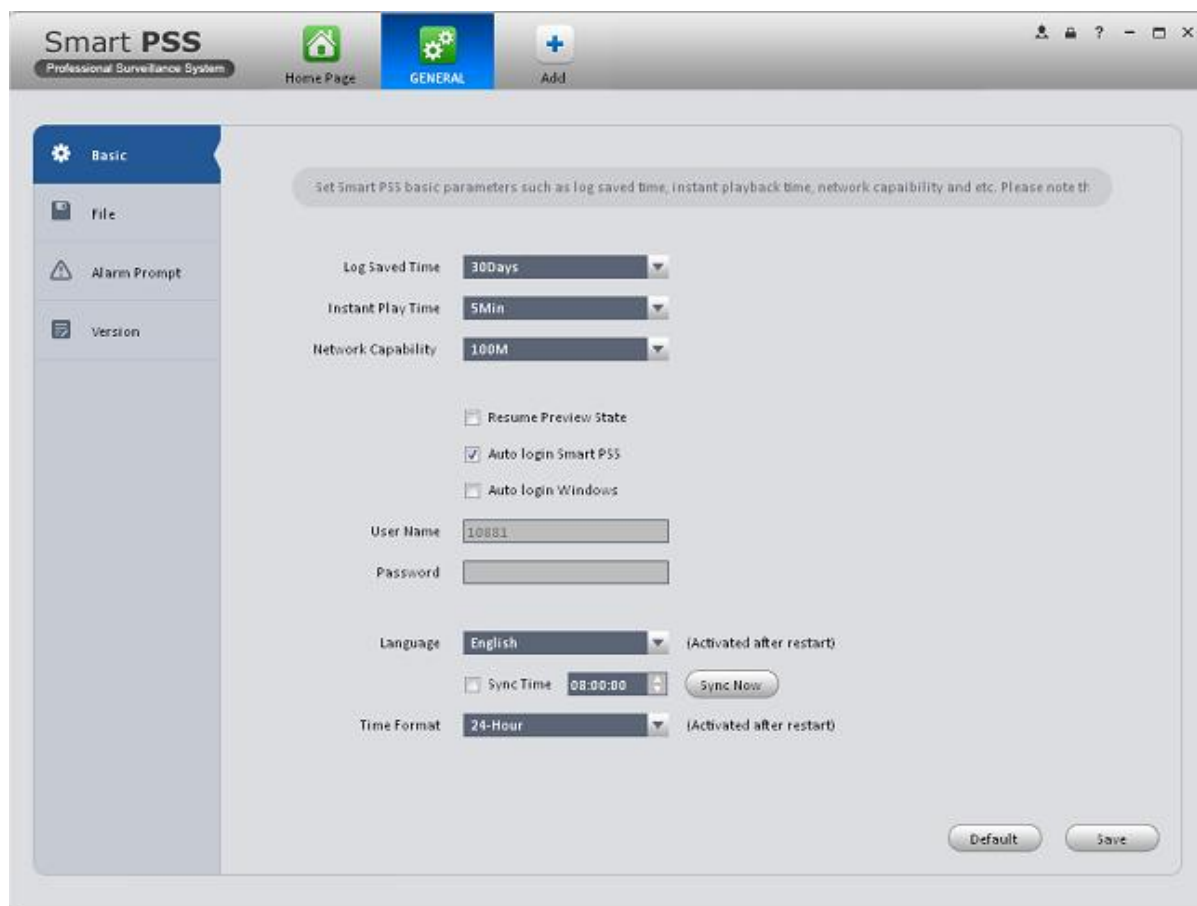
Hãy làm theo các bước được liệt kê dưới đây.



Click vào  bạn sẽ đến giao diện general như hình 3-3

3.1. Basic

Nó là thiết lập tính năng, ngôn ngữ, thời gian v.v..



Hình 3-3

Xin vui lòng xem thông tin bên dưới

Mục	Chức năng
Log saver time	ở đây bạn thiết lập thời gian ghi, hệ thống sẽ tự lưu đè vào tệp tin cũ khi đạt đến ngày mà bạn thiết lập
Instant Play Time	Thiết lập thời gian phát lại ngay lập tức
Network capability	Nó là dành cho bạn để thiết lập chức năng mạng. Nó bao gồm: "Low", "10M", "100M", "1000M".
Resume Previous State	Hệ thống phục hồi trạng thái xem trước trước khi nó khởi động lại.
Auto Login Smart PSS	Kiểm tra hộp ở đây, bạn có thể đăng nhập trực tiếp SmartPSS không cần nhập tên người dùng và mật khẩu.
Auto Login Windows	Kiểm tra hộp ở đây và sau đó tên người dùng và mật khẩu, bạn có thể đi đến các hệ điều hành Windows sau khi khởi động lại máy tính.
language	Ngôn ngữ phần mềm
Sync time	Kiểm tra hộp đây để kích hoạt chức năng đồng bộ hóa thời gian và sau đó thời gian đồng bộ hóa đầu vào. Smart Pss có thể tự động đồng bộ hóa thời gian với các máy tính tại thời điểm bạn chỉ định. Nhấn vào Sync now để bắt đầu đồng bộ hóa bây giờ.
Time format	Định dạng thời gian hệ thống. Nó bao gồm 12H / 24H

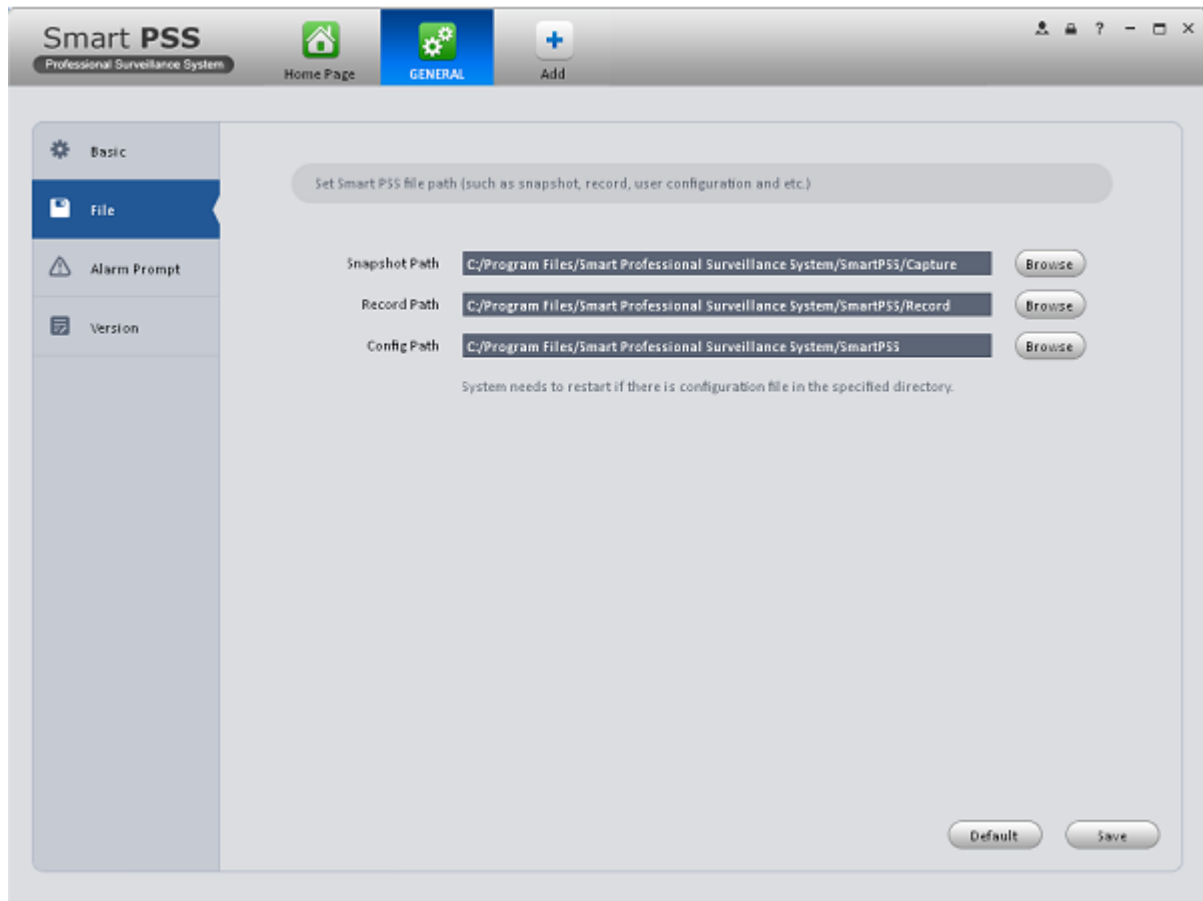
3.2. File

Giao diện cấu hình tập tin được hiển thị như dưới đây. Xem Hình 3-4.

Ở đây bạn có thể thiết lập hình File Path

ảnh chụp và ghi tập tin mặc định đường dẫn lưu.

Đường dẫn tập tin cấu hình: Đó là nhập khẩu hoặc tập tin cấu hình xuất khẩu. Nếu bạn thay đổi đường dẫn đến D đĩa, bạn có thể xuất thông tin người sử dụng phần mềm hiện tại về D đĩa. Nếu phần mềm hiện tại đã được cài đặt vào đĩa D, bạn có thể nhập thông tin người dùng cho phần mềm hiện nay.



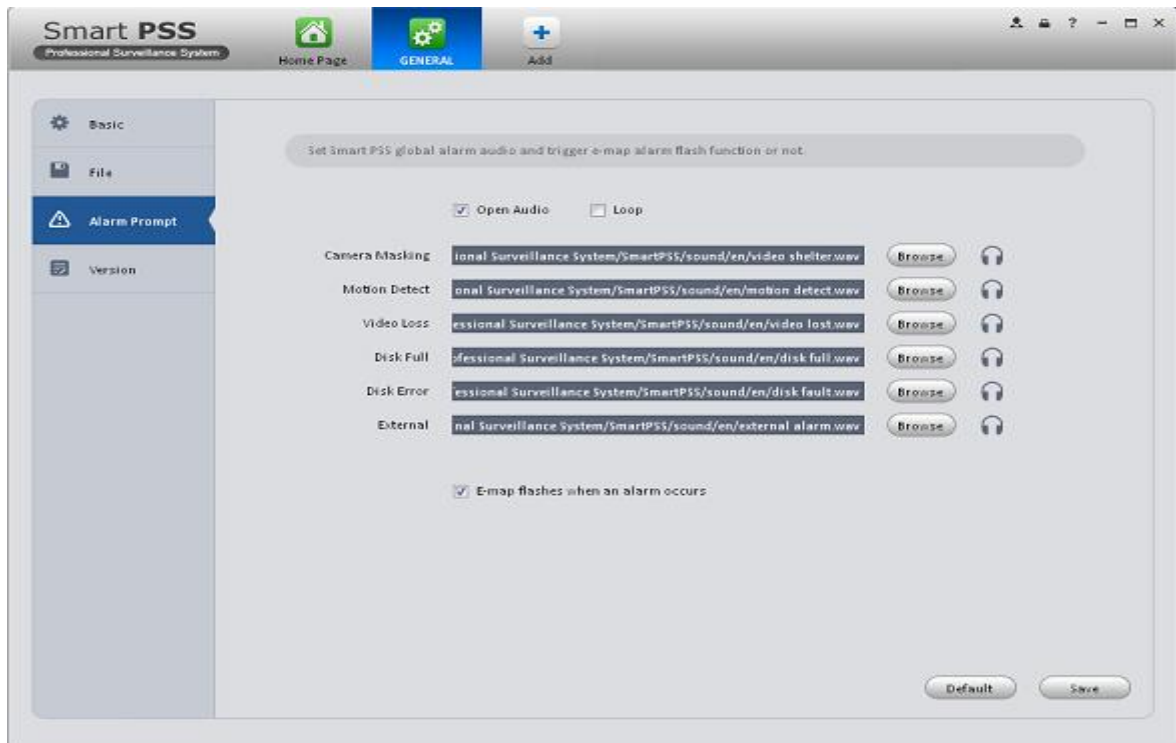
Hình 3-4

3.3. Alarm prompt

Nó là để thiết lập báo động âm thanh nhắc nhở. Giao diện được hiển thị như dưới đây. Xem Hình 3-5.

Vui lòng chọn âm thanh nhắc nhở tương ứng cho các loại hình báo động quy định.

Kiểm tra hộp ở dưới cùng của giao diện để kích hoạt chức năng e-map. Các e-map có thể flash khi báo động tương ứng xảy ra.



Hình

3-5

Lời khuyên

Bạn có thể nhấp vào nút Default để khôi phục lại thiết lập mặc định của nhà máy.

3.4. Version

Nhấp vào nút phiên bản; bạn có thể vào giao diện sau đây. Xem Hình 3-6.

Ở đây bạn có thể xem thông tin phần mềm phiên bản.



Hình


3-6

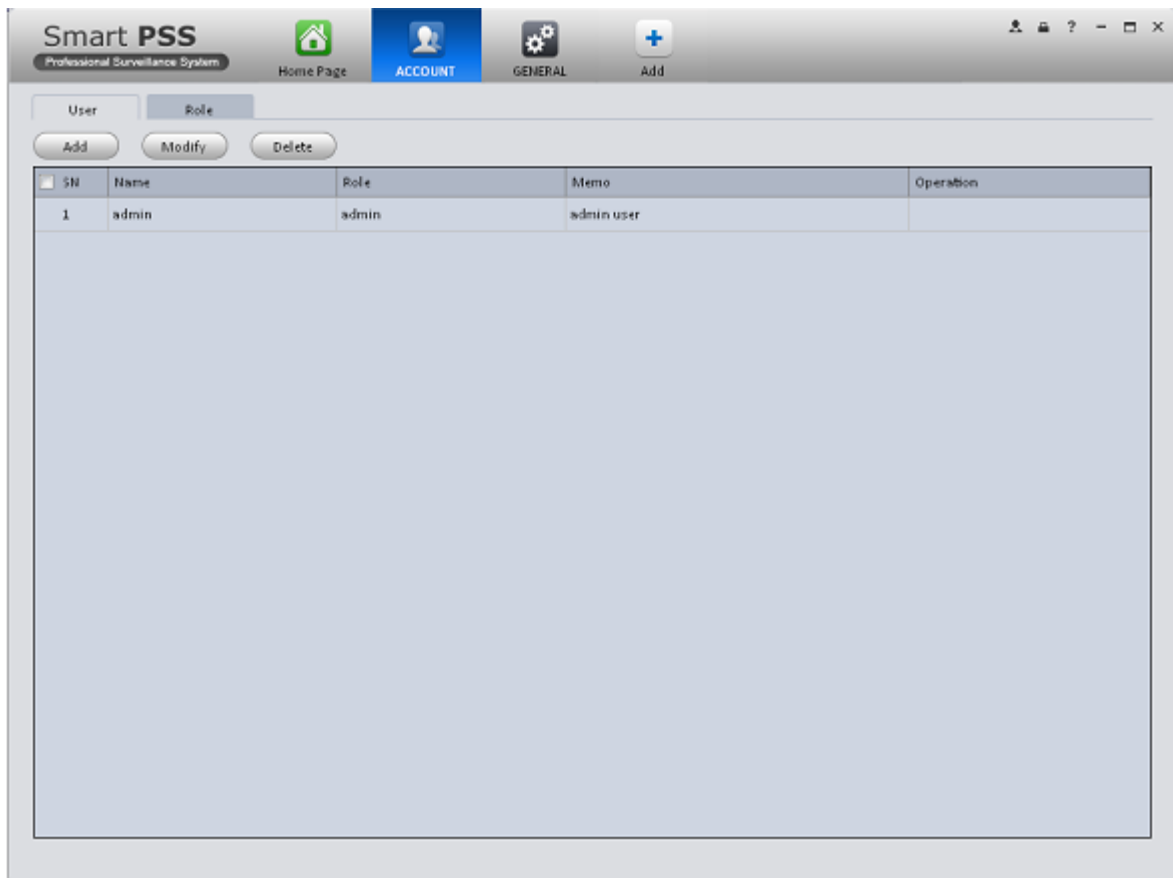
4. Account

Ở đây bạn có thể tạo mới, thay đổi hoặc xóa người sử dụng.

4.1. Thêm Role

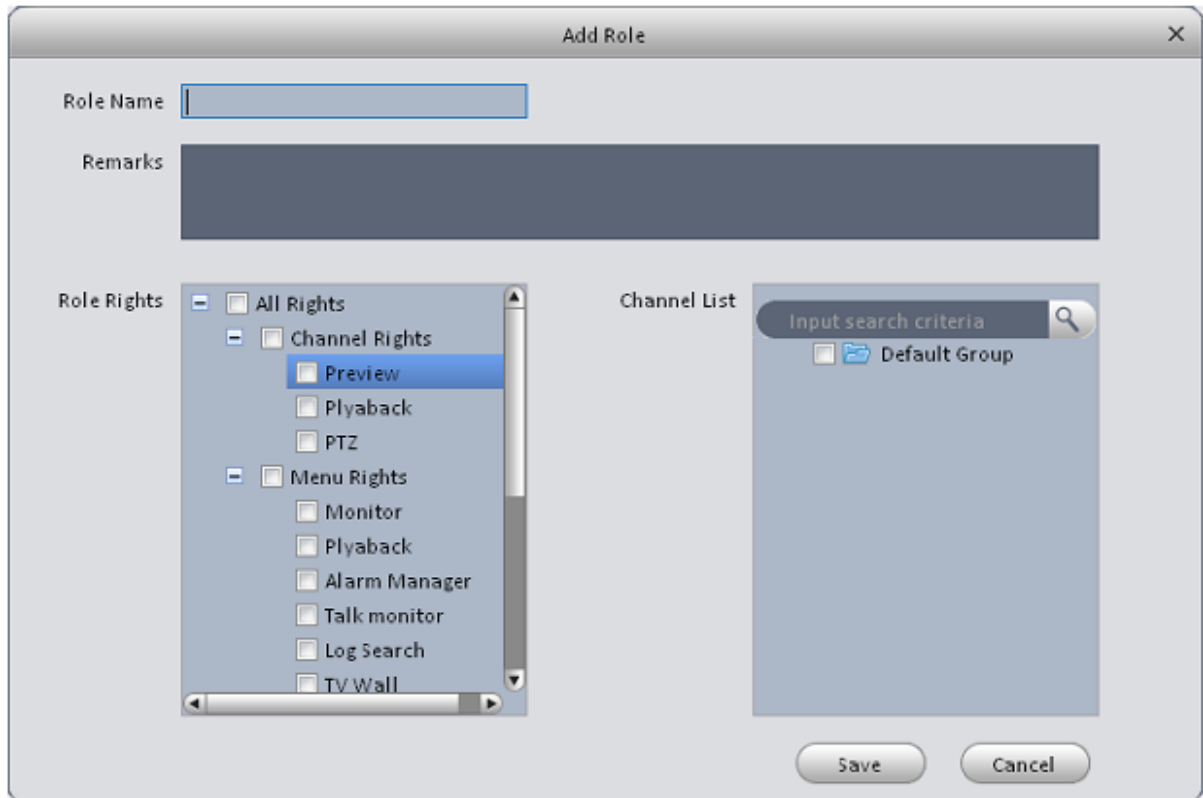


4.1.1. Click vào  trong cửa sổ Settings, và sau đó nhấp vào nút role. bạn có thể vào giao diện sau đây. Xem Hình 3-7.



Hình 3-7

4.1.2. Nhấp vào nút Add, giao diện hiển thị như hình 3-8



Hình 3-8

4.1.3. Vui lòng nhập một tên vai trò và kiểm tra các quyền vai trò tương ứng. Bạn có thể nhập vào một số thông tin tham khảo nếu cần thiết.


4.1.4. Click phím saver.

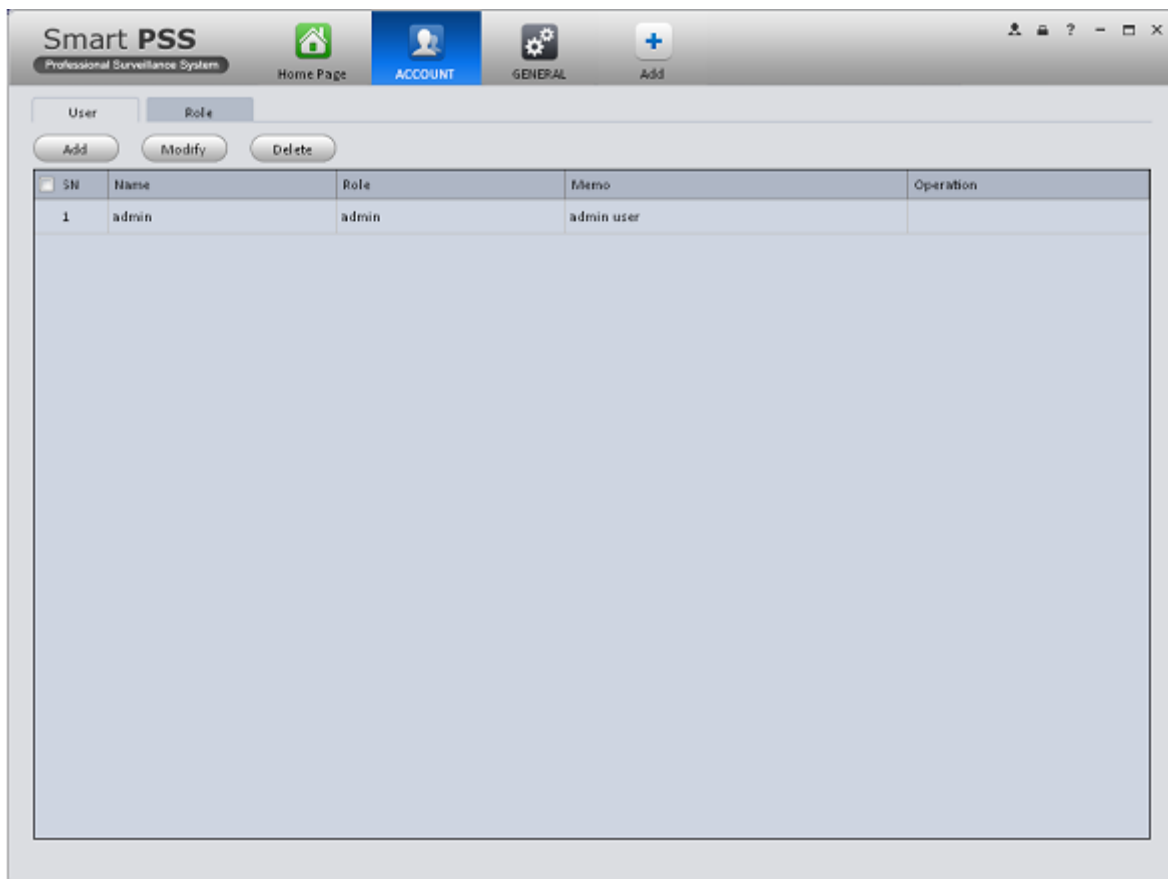
Chú ý:

Chọn một Role và sau đó nhấp vào Modify /Delete để sửa đổi hoặc xóa một role

4.2. Add user



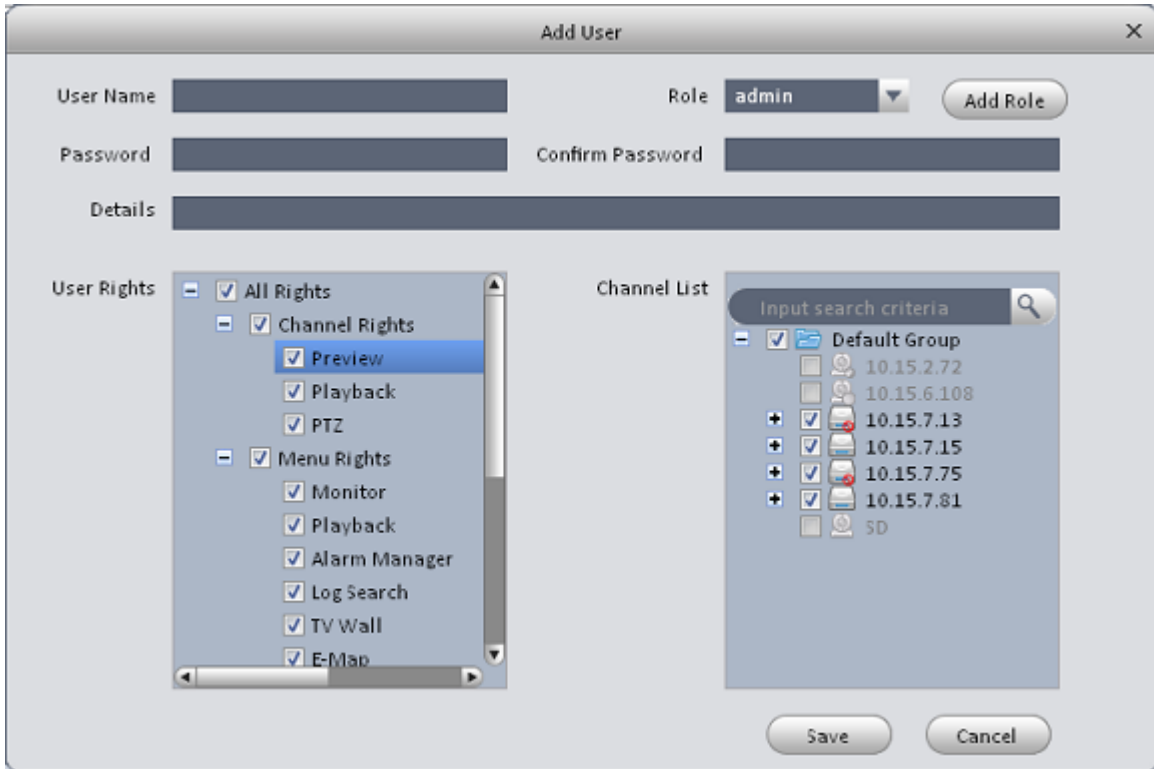
4.2.1. Click vào  trong cửa sổ Settings, và sau đó nhấp vào nút user. bạn có thể vào giao diện sau đây. Xem Hình 3-9.



Hình

3-9

4.2.2. Click nút Add, bạn có thể thấy hệ thống hiện lên giao diện sau đây. Xem Hình 3-10.



Hình 3-10

4.2.3. Chọn một chức năng từ danh sách, tên người dùng, mật khẩu và xác nhận mật khẩu.

Nhập vào một số thông tin mô tả nếu cần thiết. Chọn quyền cho người sử dụng mới.

4.2.4. Click save để lưu tên người dùng mới

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Mục	Chức năng
User name	Xin điền tên người sử dụng
Role	Bạn có thể chọn vai trò người dùng từ danh sách thả. Hoặc bạn có thể nhấp vào nút Add để thêm vai trò một vai trò mới.
password	Cài mật khẩu cho tên người dùng
Confirm password	Điền lại mật khẩu mới
details	Bạn có thể nhập vào một số thông tin mô tả ở đây nếu cần thiết.
User rights	Ở đây bạn có thể kiểm tra các hộp để chọn quyền tương ứng cho người dùng hiện tại. Nếu người dùng mới là một người quản lý, hệ thống sẽ kiểm tra tất cả các quyền lợi theo mặc định.
Channel list	Kiểm tra hộp ở đây để chọn quyền kênh cho người dùng hiện tại

Lời khuyên

Chọn một tên người dùng và sau đó nhấp vào Modify/delete để sửa đổi hoặc xóa một người dùng


5. DEVICE MANAGER

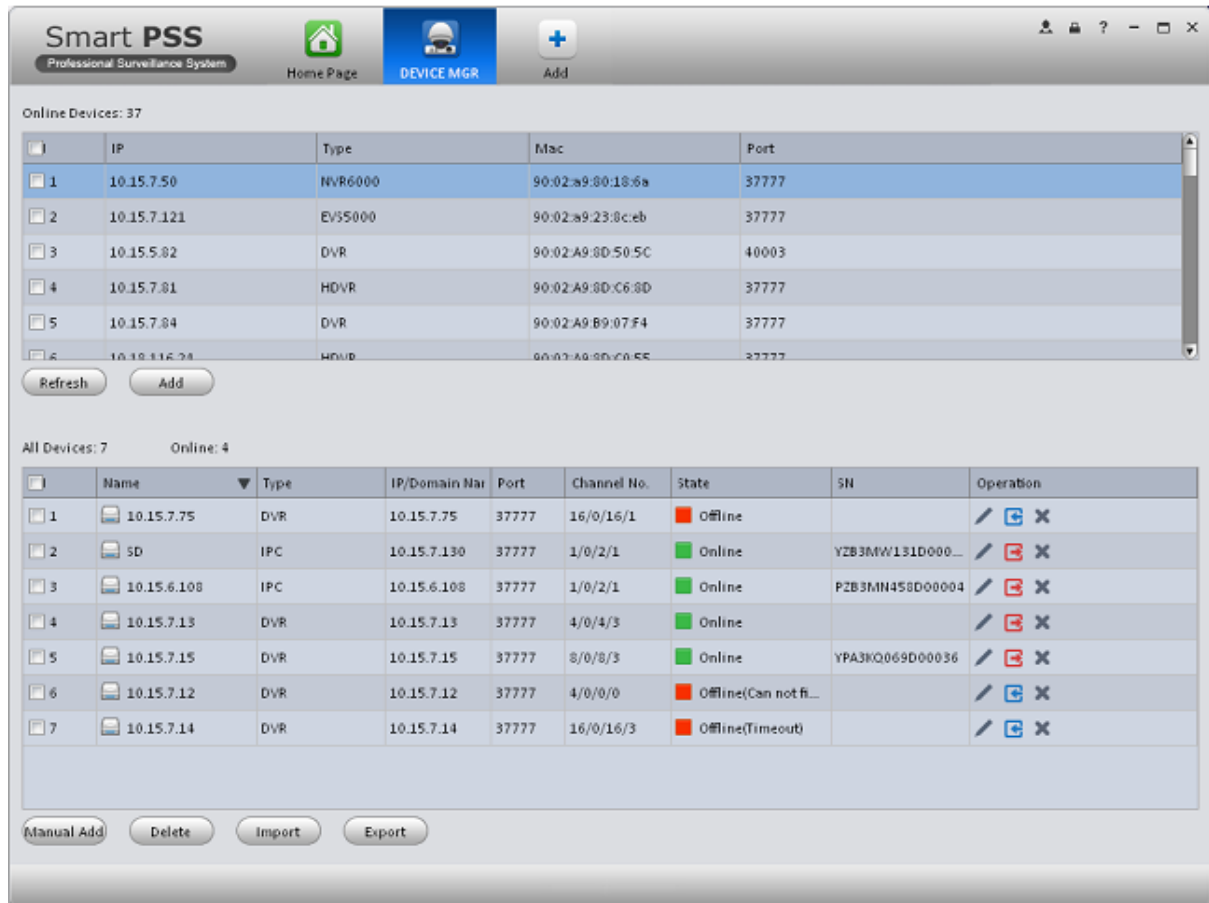
Ở đây bạn có thể thêm, sửa, xóa một thiết bị. Bạn cũng có thể thực hiện các thiết bị chức năng nhóm kênh.

5.1. ADD device

Bạn có thể tham khảo các bước được liệt kê dưới đây để bổ sung, sửa đổi hoặc xóa một thiết bị bằng tay hoặc tự động.



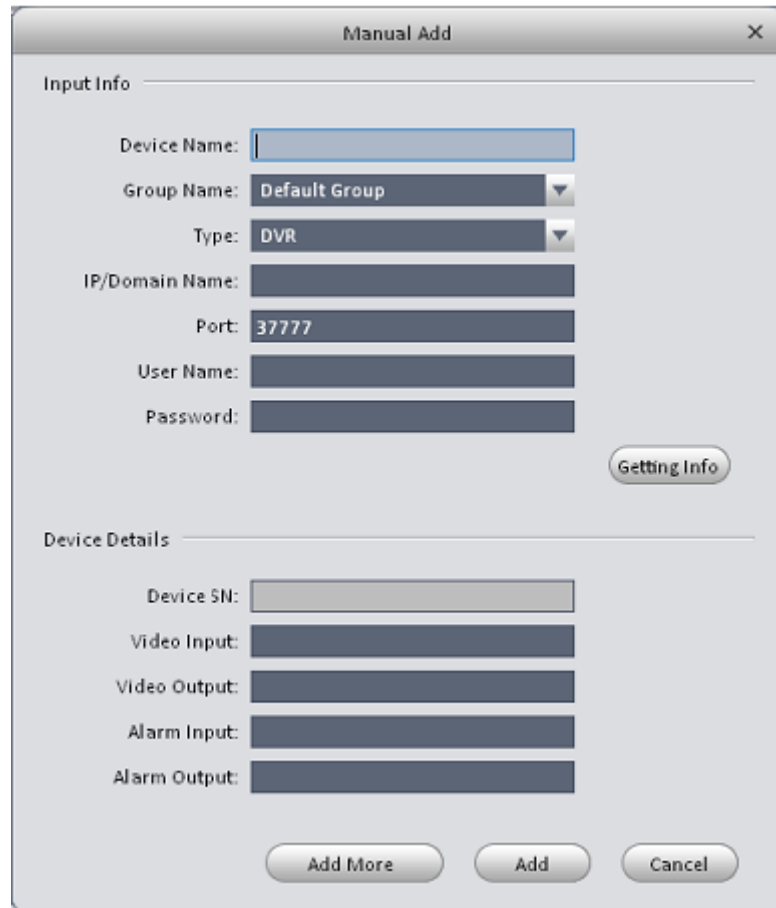
5.1.1. Click và  trong cửa sổ cài đặt, hệ thống đi vào giao diện quản lý thiết bị; bạn có thể thấy một giao diện được hiển thị như trong hình 3-11.



Hình

3-11

Nhấn vào nút manual add, giao diện được hiển thị như trong hình 3-12. Hãy nhập các thông tin tương ứng và sau đó nhấn nút Add.



Hình 3-12

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

MỤC	CHỨC NĂNG
Device name	Vui lòng nhập một tên thiết bị ở đây
Group name	Nó được định bởi tên thiết bị
Type	Chọn loại thiết bị trong danh sách
IP/domain Name	Thiết bị địa chỉ IP hoặc tên miền.
Port	Cổng thiết bị
User name	Tên người sử dụng
Password	Mật khẩu người sử dụng
Getting info	Nó là để có được thông tin thiết bị trực tuyến tự động
Device SN	SN. Thiết bị. Chỉ đọc
Video input	Số lượng kênh hình ảnh đầu vào thiết bị
Video output	Số lượng kênh hình ảnh đầu ra thiết bị
Alarm input	Số lượng kênh báo động đầu vào
Alarm output	Số lượng kênh báo động đầu ra
Add More	Click vào nó để lưu thiết lập hiện tại và sau đó thêm nhiều thiết bị khác
Add	Click vào nó để lưu thiết lập và sau đó thoát khỏi giao diện hiện tại.
Cancel	Hủy

5.1.1.1. Add/Modify Device (thêm/ thay đổi thiết bị)

Chọn thiết bị trong danh sách, và sau đó nhấp vào để thay đổi, hoặc vào để xóa. Click vào để đăng nhập thiết bị. click vào để đăng xuất thiết bị. Hoặc bạn có thể lựa chọn một số thiết bị và sau đó nhấp vào nút Delete ở góc dưới cùng bên trái để loại bỏ tất cả.

Chú ý:

Click nút import file .xml để thêm thiết bị. Click nút và sau đó chọn đường dẫn lưu để lưu danh sách thiết bị hiện tại để .xml file.

6. Signal manager (hoặc device cfg)

Sau khi bạn đã thêm vào một thiết bị mới, bạn có thể vào giao diện quản lý các tín hiệu để thiết lập các thông số



Trong giao diện chính. Nhấn vào nút trong cửa sổ Settings, bạn có thể vào giao diện sau đây. Xem Hình 3-13.



Hình 3-13

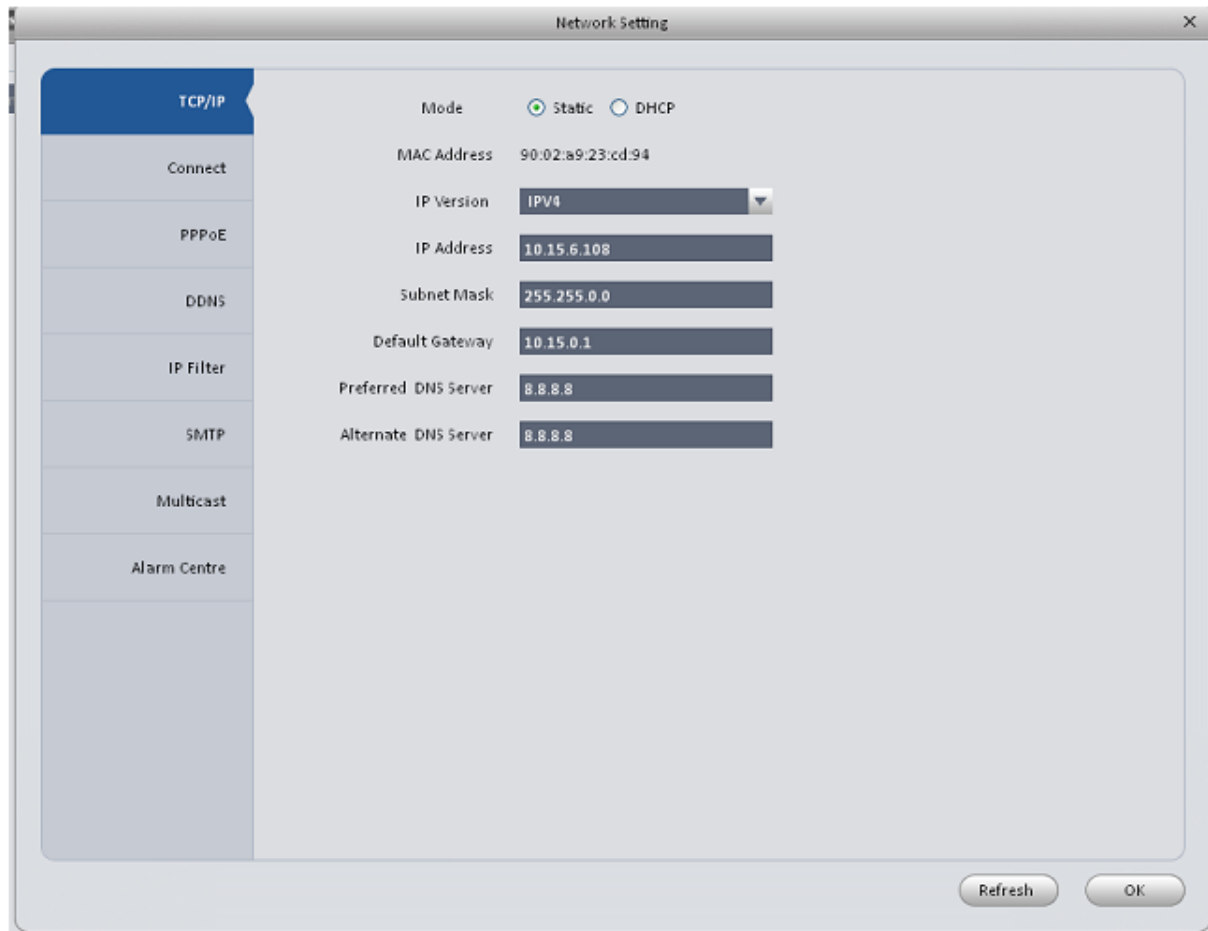
6.1. General

6.1.1. Network: (Mạng)

Dưới đây là dành cho bạn để thiết lập thông tin mạng như TCP / IP, kết nối, PPPoE, DDNS, bộ lọc IP, SMTP, Multicast, và trung tâm báo động.

6.1.1.1. TCP/IP:

Ở đây bạn có thể thiết lập tương ứng với tham số khi bạn đang sử dụng giao thức TCP / IP kết nối. Xem Hình 3-14.

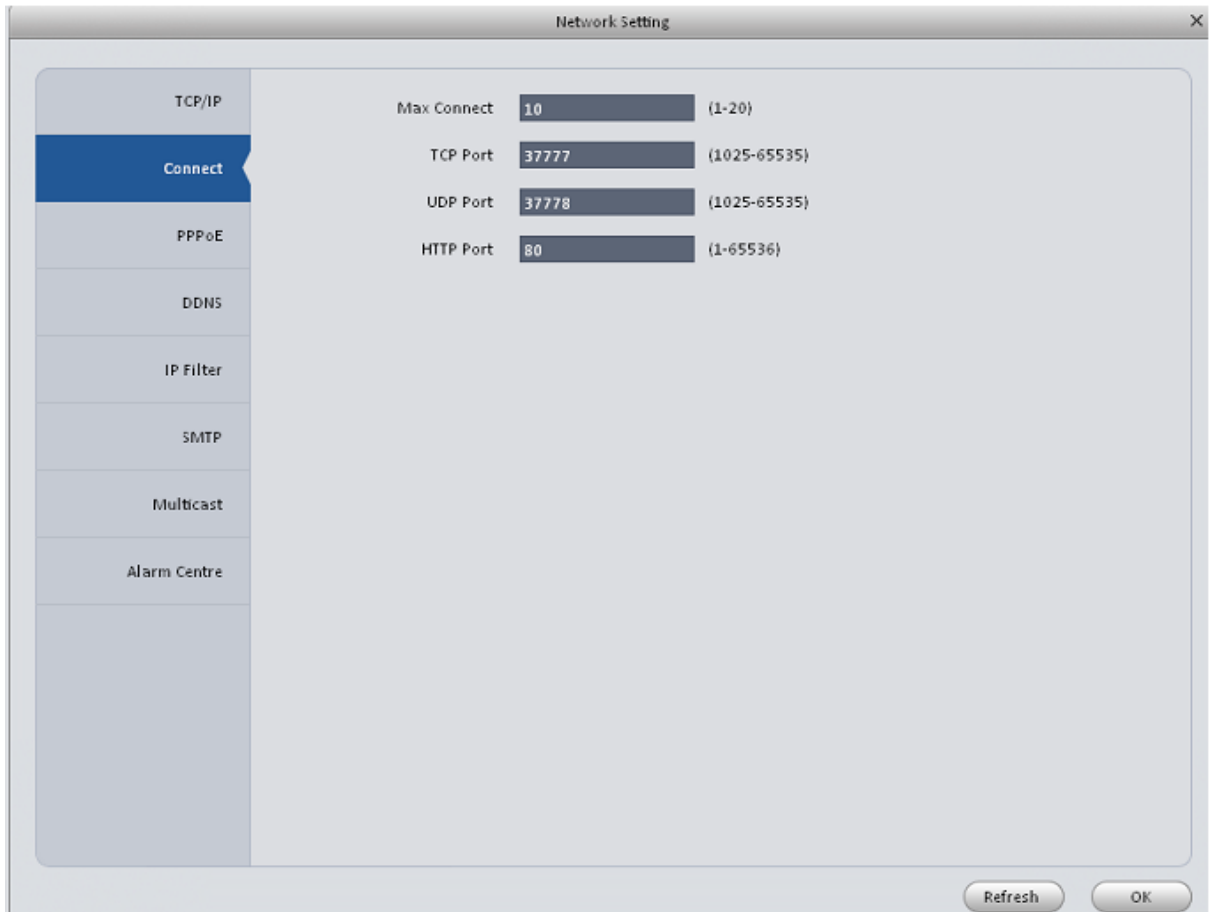


Hình

3-14

6.1.1.2. Connect (Kết nối)

Ở đây bạn có thể thiết lập tối đa số lượng tài khoản đăng nhập, cổng TCP, UDP, cổng HTTP, cổng RTSP và vv Xem Hình 3-15.



Hình 3-15

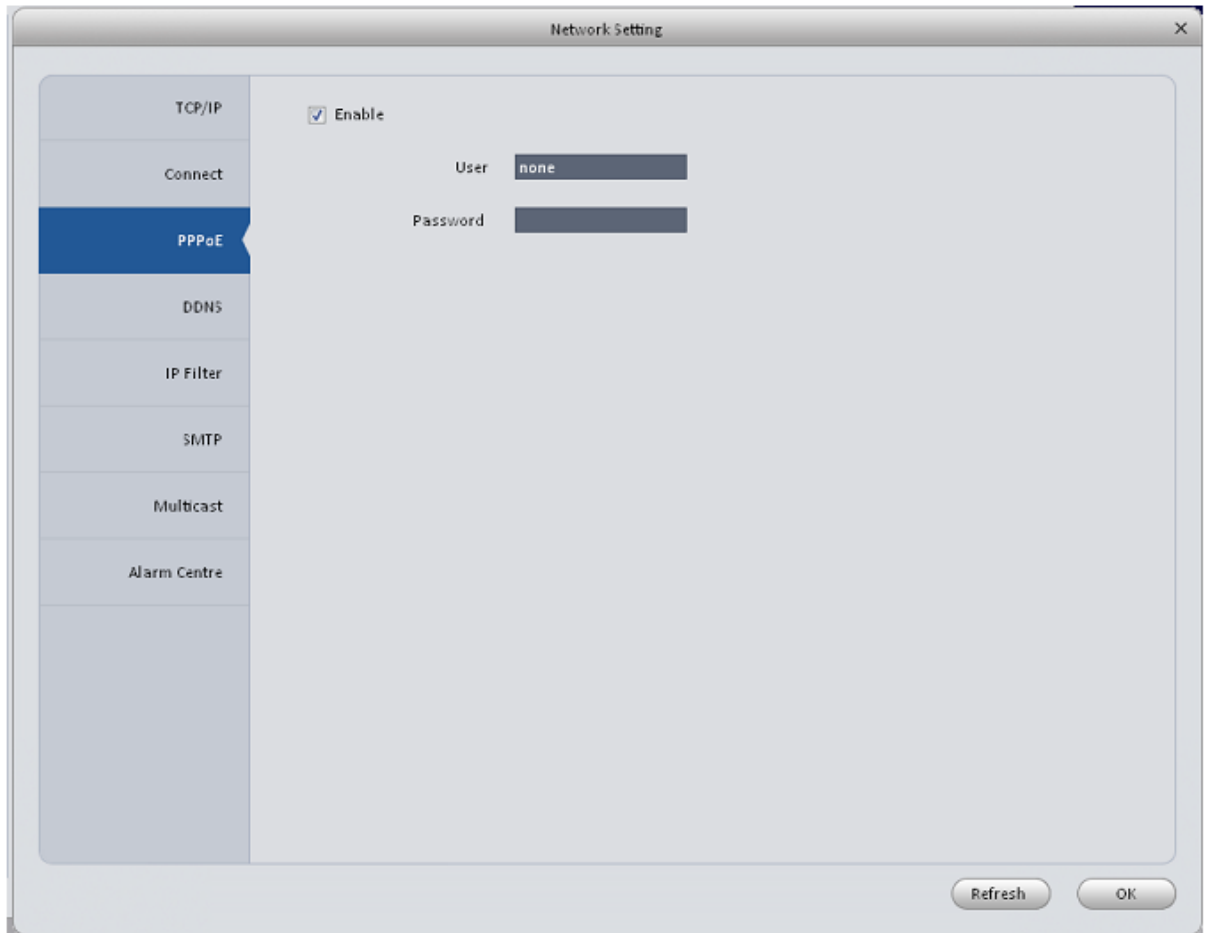
6.1.1.3. PPPOE

Giao diện PPPoE được hiển thị như dưới đây. Xem Hình 3-16.

Đầu vào "PPPoE tên" và "mật khẩu PPPoE" bạn nhận được từ các ISP (nhà cung cấp dịch vụ Internet).

Nhấn vào nút OK, bạn cần phải khởi động lại để ăn activ cấu hình của bạn.

Sau khi khởi động lại, thiết bị sẽ tự động kết nối với internet. Các IP trong PPPoE là thiết bị giá trị động. Bạn có thể truy cập vào IP này để truy cập vào thiết bị.



Hình 3-16

6.1.1.4. DDNS

Giao diện cài đặt DDNS được hiển thị như trong hình 3-17.

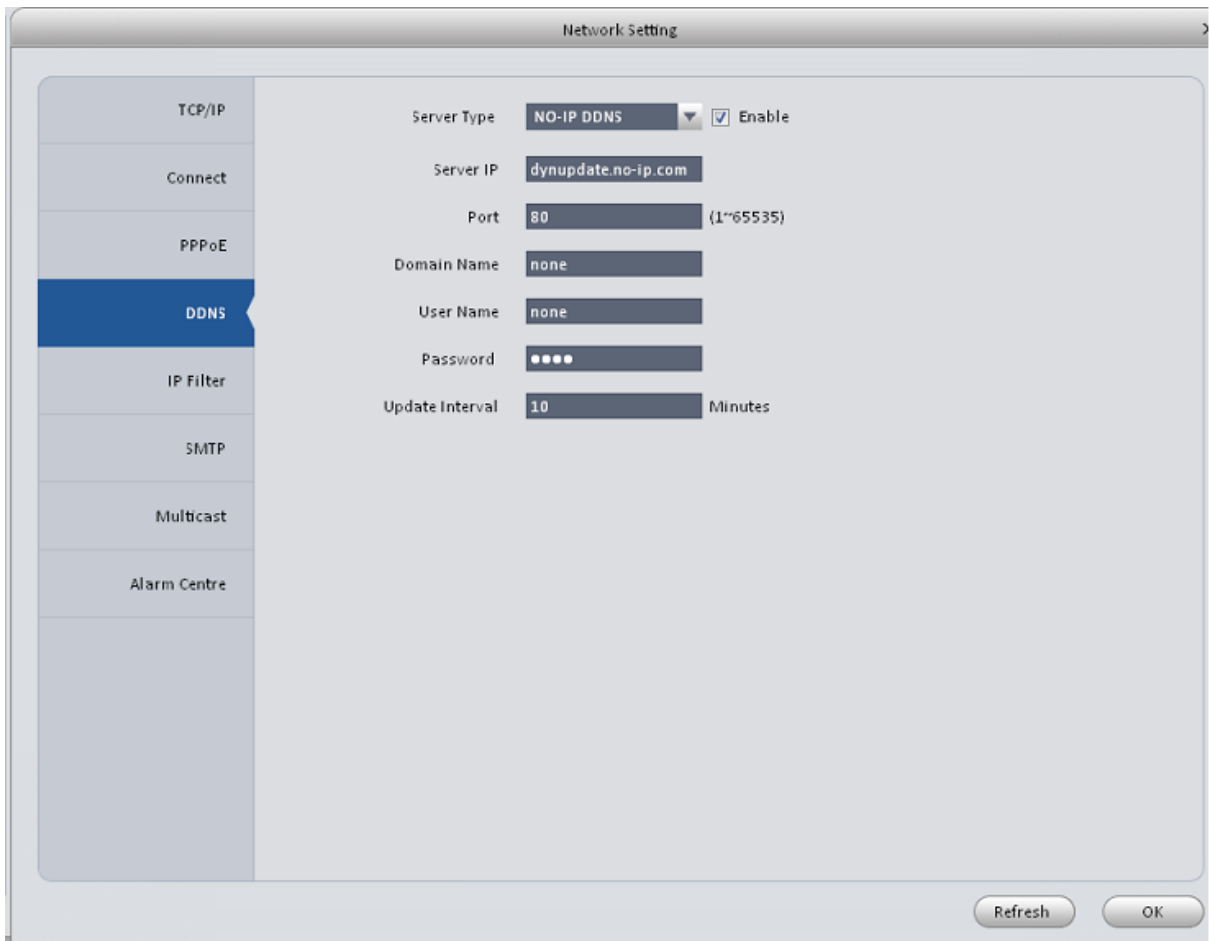
Bạn cần một máy tính cố định IP trong mạng Internet và có phần mềm DDNS chạy trong máy tính này. Nói cách khác, máy tính này là một DNS (máy chủ tên miền).

Trong DDNS mạng, vui lòng chọn loại DDNS và làm nổi bật cho phép item. Sau đó, xin vui lòng nhập họ tên PPPoE của bạn, bạn nhận được từ bạn IPS và máy chủ IP (PC với DDNS). Nhấn nút OK và sau đó hệ thống khởi động lại.

Nhấn vào nút Ok, hệ thống nhắc nhở để khởi động lại để có được tất cả các thiết lập kích hoạt.

Sau khi khởi động lại, mở IE và đầu vào như sau:

[http://\(DDNS server\)/\(tên thư mục ảo\)/webtest.htm](http://(DDNS server)/(tên thư mục ảo)/webtest.htm)



Hình 3-17

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Chức năng
Server type	Bạn có thể chọn giao thức DDNS từ danh sách và sau đó cho phép chức năng DDNS.
Server IP	Địa chỉ IP máy chủ DDNS
Port	Port máy chủ
Domain name	Tên miền tự định dạng của bạn
User name	Tên người sử dụng, bạn nhập vào để đăng nhập vào máy chủ
password	Mật khẩu người sử dụng
Update interval	Thiết bị sẽ gửi ra tín hiệu còn sống đến máy chủ thường xuyên. Bạn có thể thiết lập giá trị khoảng cách giữa các thiết bị và máy chủ DDNS.

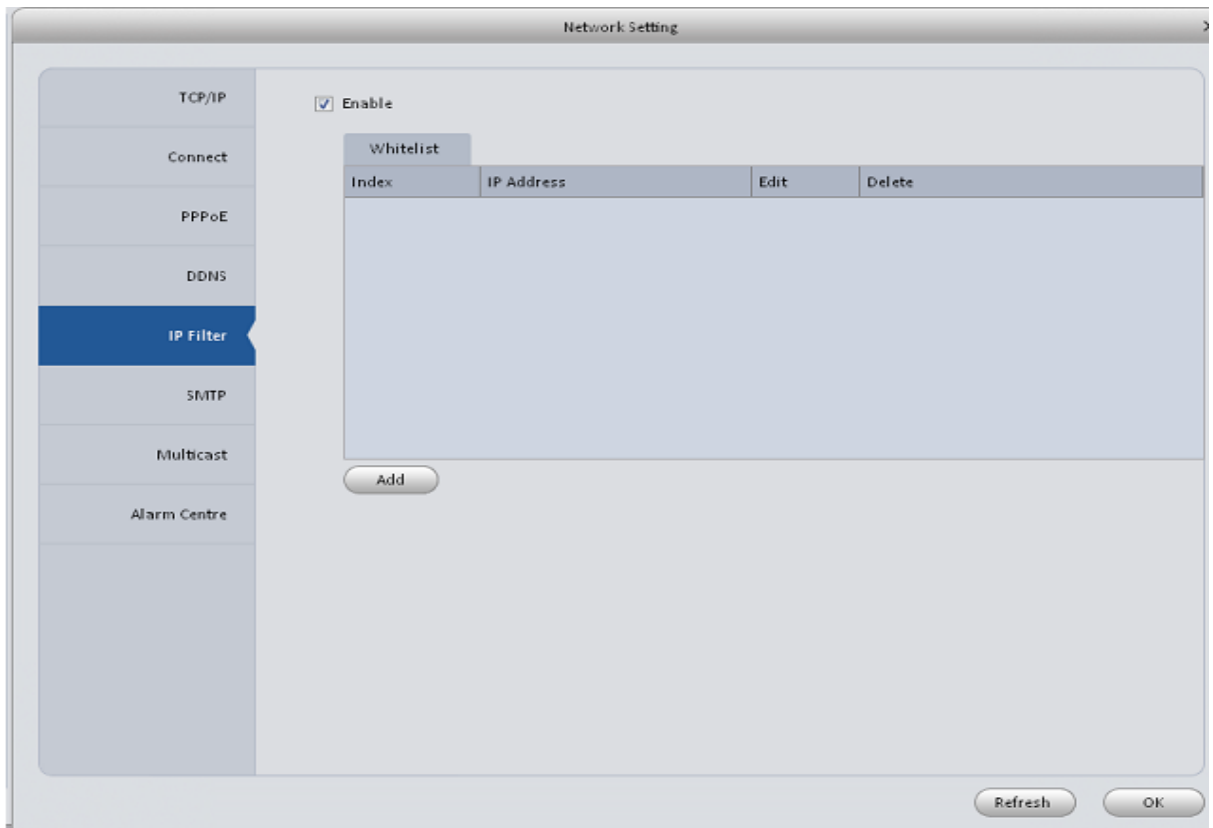
6.1.1.5. IP Filter

Giao diện bộ lọc IP được hiển thị như trong hình 3-18. Bạn có thể thêm IP trong danh sách sau đây.

Sau khi bạn kích hoạt chức năng danh sách trắng, chỉ IP được liệt kê dưới đây có thể truy cập vào thiết bị hiện nay.

Nếu bạn kích hoạt chức năng danh sách đen, các địa chỉ IP được liệt kê sau đây không thể truy cập vào thiết bị hiện nay.

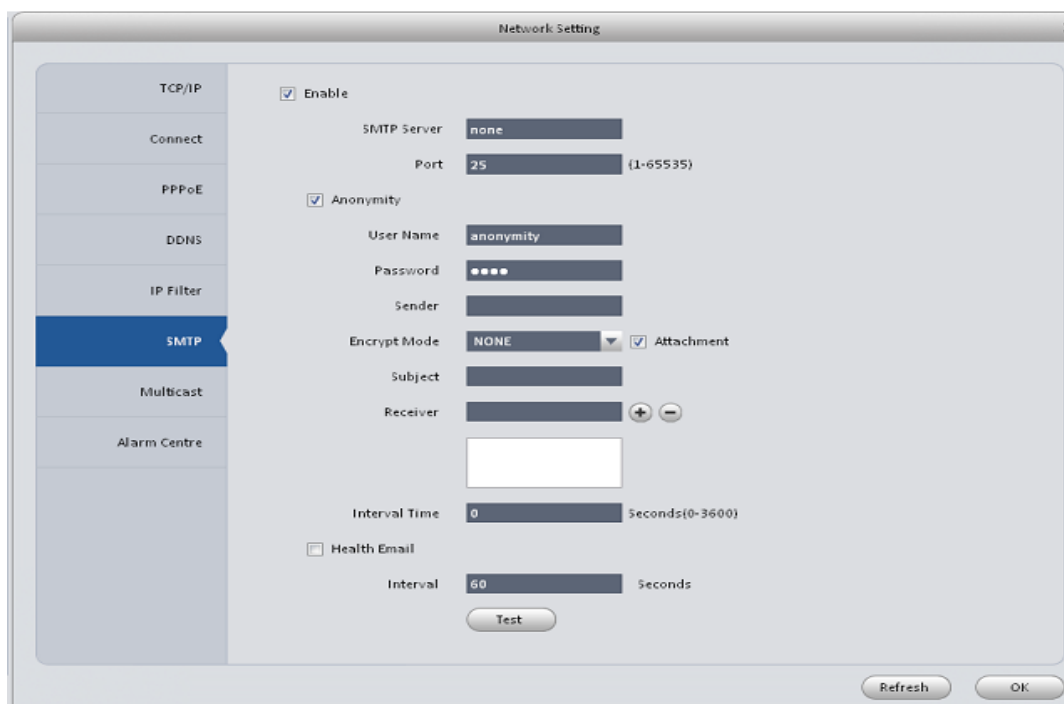




Hình 3-8

6.1.1.6. SMTP (Email)

Giao diện SMTP được hiển thị như trong hình 3-19. Ở đây bạn có thể thiết lập nhận thư điện tử, chế độ mã hóa, gửi ra khoảng thời gian và vv



Hình 3-19

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

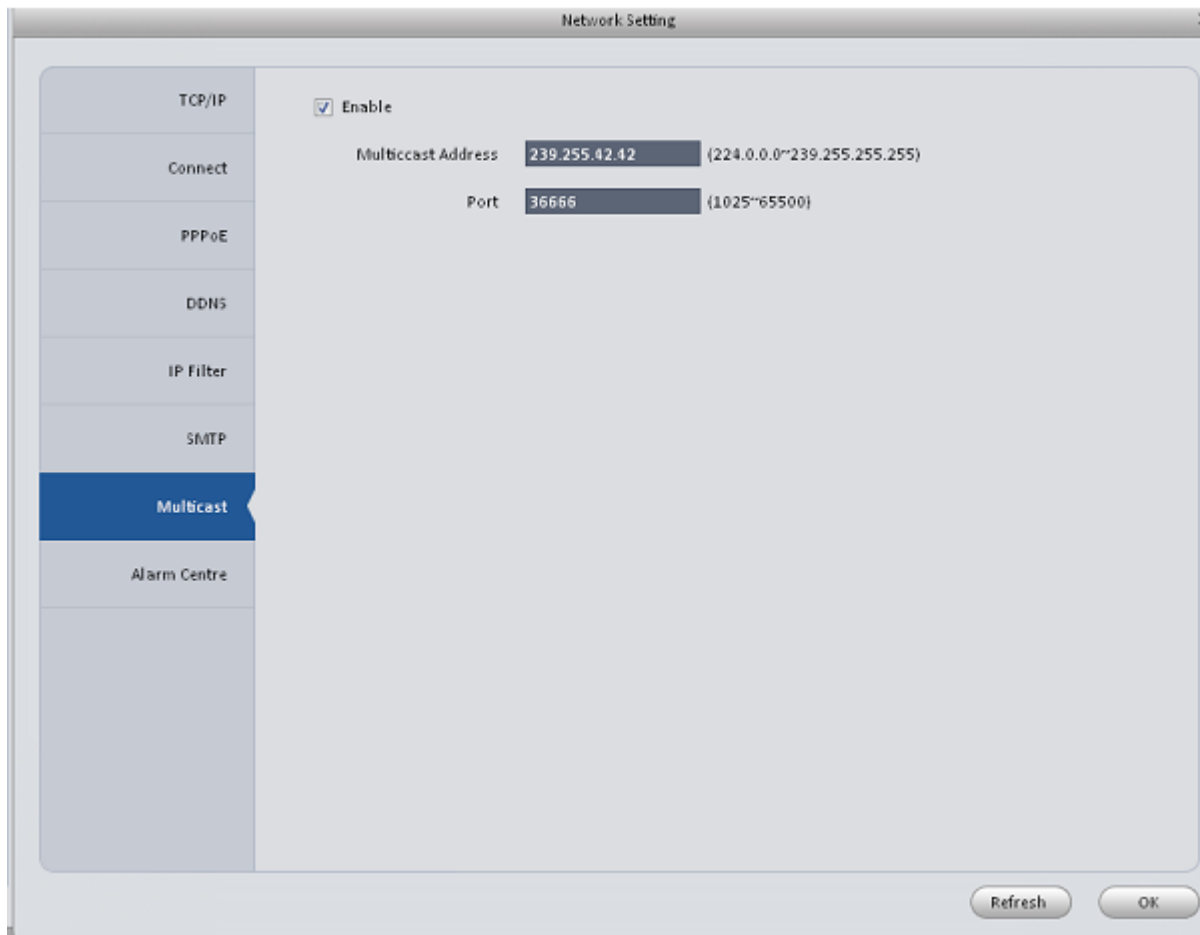
Thông số	Chức năng
Enable	Kiểm tra hộp để kích hoạt chức năng gửi mail
STMP server	Địa chỉ máy chủ sau đó kích hoạt chức năng này.
Port	Cổng máy chủ. Giá trị mặc định là 25. Bạn có thể sửa đổi nó nếu cần thiết.
Anonymity	Đối với các máy chủ hỗ trợ các chức năng ẩn danh. Bạn có thể tự động đăng nhập ẩn danh. Bạn không cần phải nhập vào tên người dùng, mật khẩu và các thông tin người gửi.
Username	Tên người dùng của tài khoản email người gửi.
Password	Mật khẩu người dùng của tài khoản email người gửi
Sender	Địa chỉ email gửi
Encrypt mode	Hệ thống hỗ trợ SSL / NONE / TLS.
Subject	Đầu vào tiêu đề email ở đây.
Receiver	Địa chỉ email nhận thư, tối đa là 3 địa chỉ email
Attachment	Hệ thống có thể gửi email ra ngoài của hình ảnh chụp khi bạn kiểm tra hộp ở đây.
Interval time	Khoảng thời gian gửi khoảng 0-3.600 giây. 0 có nghĩa là không có khoảng thời gian. Xin lưu ý hệ thống sẽ không gửi email ra ngoài ngay lập tức khi báo động xảy ra. Khi báo thức, phát hiện chuyển động hoặc các vấn đề lỗi, kích hoạt email, hệ thống sẽ gửi email ra ngoài theo các khoảng thời gian bạn quy định ở đây. Chức năng này rất hữu ích khi có quá nhiều email kích hoạt bởi các sự kiện abnormality, mà có thể dẫn đến tải nặng cho máy chủ email
Health email	Vui lòng kiểm tra hộp ở đây để kích hoạt chức năng này.
Interval	Chức năng này cho phép hệ thống gửi email ra thử nghiệm để kiểm tra kết nối là OK hay không. Vui lòng kiểm tra hộp để kích hoạt chức năng này và sau đó thiết lập khoảng thời gian tương ứng. Hệ thống có thể gửi email ra ngoài thường xuyên như bạn thiết lập ở đây.
test	Hệ thống sẽ tự động gửi một email một lần để kiểm tra kết nối là OK hay không .Before kiểm tra email, xin vui lòng lưu các thông tin thiết lập email.

6.1.1.7. Multicast

Giao diện multicast được hiển thị như trong hình 3-20.

Multicast là một chế độ truyền dẫn của gói dữ liệu. Khi có nhiều máy chủ để nhận được gói dữ liệu giống nhau, nhiều-cast là lựa chọn tốt nhất để giảm chi tiêu rộng rãi và tải CPU. Các chủ nguồn chỉ có thể gửi một dữ liệu để vận chuyển. Chức năng này cũng phụ thuộc vào mối quan hệ của các thành viên nhóm và nhóm của bên ngoài.





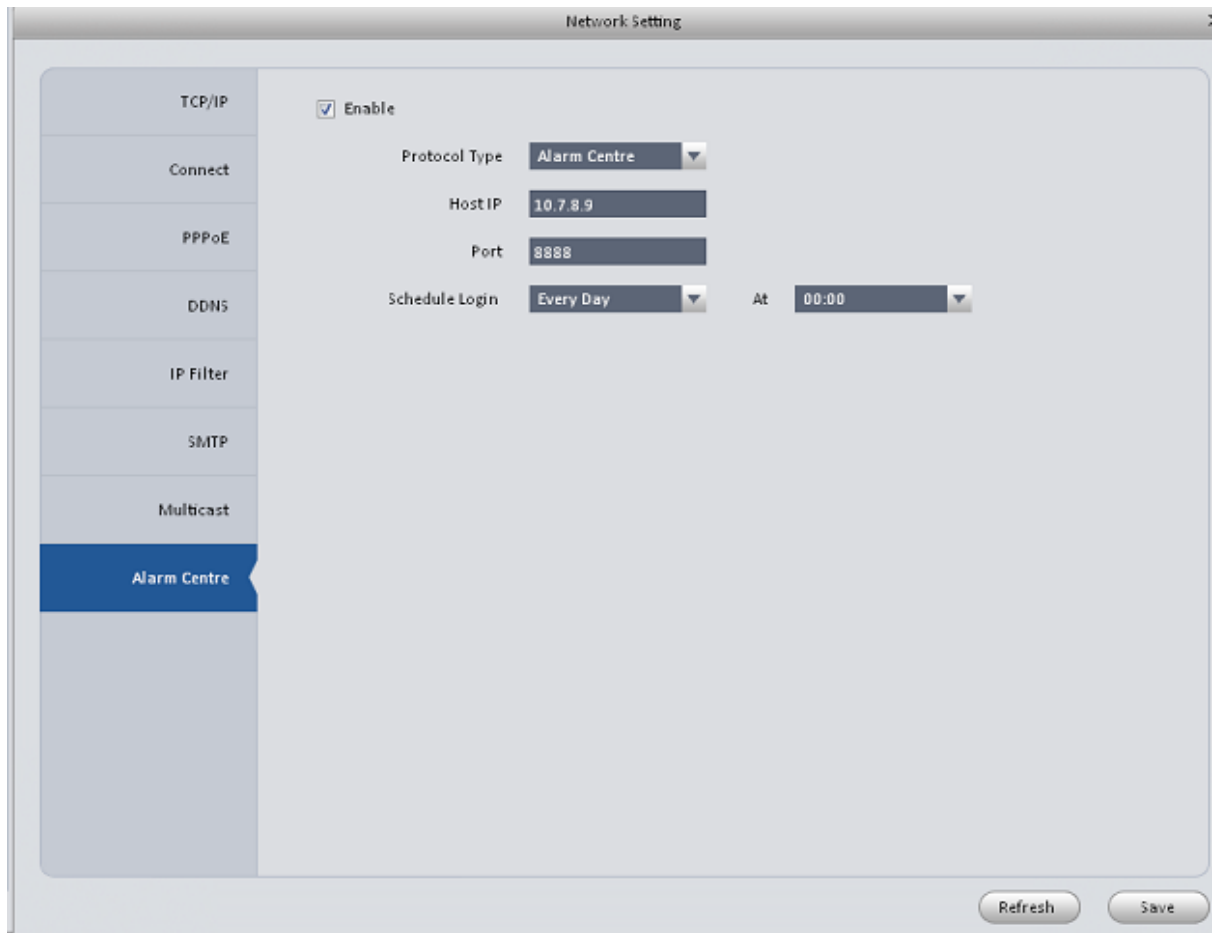
Hình 3-20

6.1.1.8. Alarm Server – (Trung tâm báo động)

Giao diện trung tâm báo động được hiển thị như dưới đây. Xem Hình 3-21.

Giao diện này được dành riêng cho các bạn phát triển. Hệ thống có thể tải lên các tín hiệu báo động đến trung tâm báo động khi báo động nội bộ xảy ra.

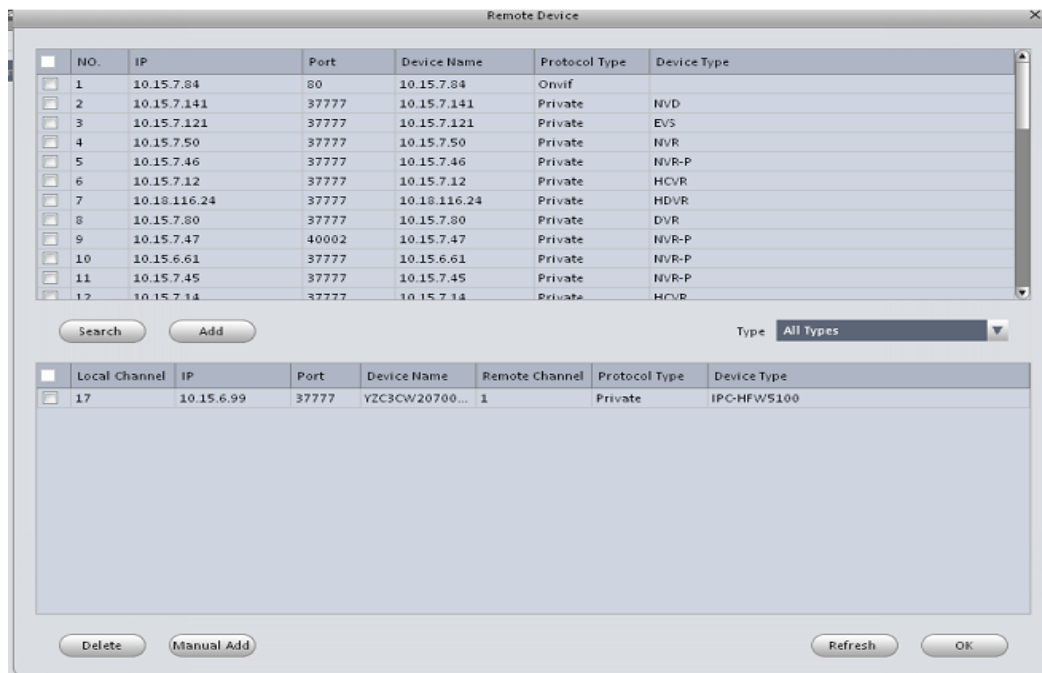
Trước khi sử dụng trung tâm báo động, xin vui lòng thiết lập IP máy chủ, cổng và vv Khi một báo động xảy ra, hệ thống có thể gửi dữ liệu như các giao thức xác định, do đó, các khách hàng cuối cùng có thể có được các dữ liệu.



Hình 3-21

6.1.2. Remote —(Từ xa)

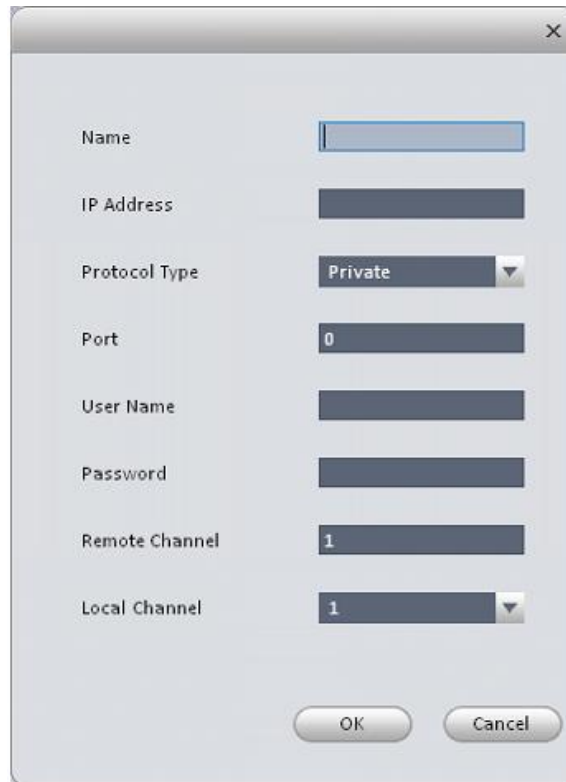
Ở đây bạn có thể thêm các thiết bị từ xa bằng tay hoặc tự động. Xem Hình 3-22.



Hình 3-22

Nhấn vào nút Tìm kiếm thiết bị, hệ thống có thể liệt kê tất cả các thiết bị trên phần IP cùng. Chọn và thiết bị và sau đó nhấn nút Add; bạn có thể thêm một thiết bị từ xa.

Nhấn vào nút add bằng tay, hệ thống hiện lên hộp thoại sau đây. Xem Hình 3-23. Vui lòng nhập các thông tin tương ứng và sau đó nhấp vào nút OK để thêm một thiết bị từ xa.



Name	<input type="text"/>
IP Address	<input type="text"/>
Protocol Type	Private
Port	0
User Name	<input type="text"/>
Password	<input type="text"/>
Remote Channel	1
Local Channel	1

OK Cancel

Hình 2-23

6.1.3. Encode — (Mã Hóa)

6.1.3.1. Âm thanh/ Hình ảnh



Hình 3-24

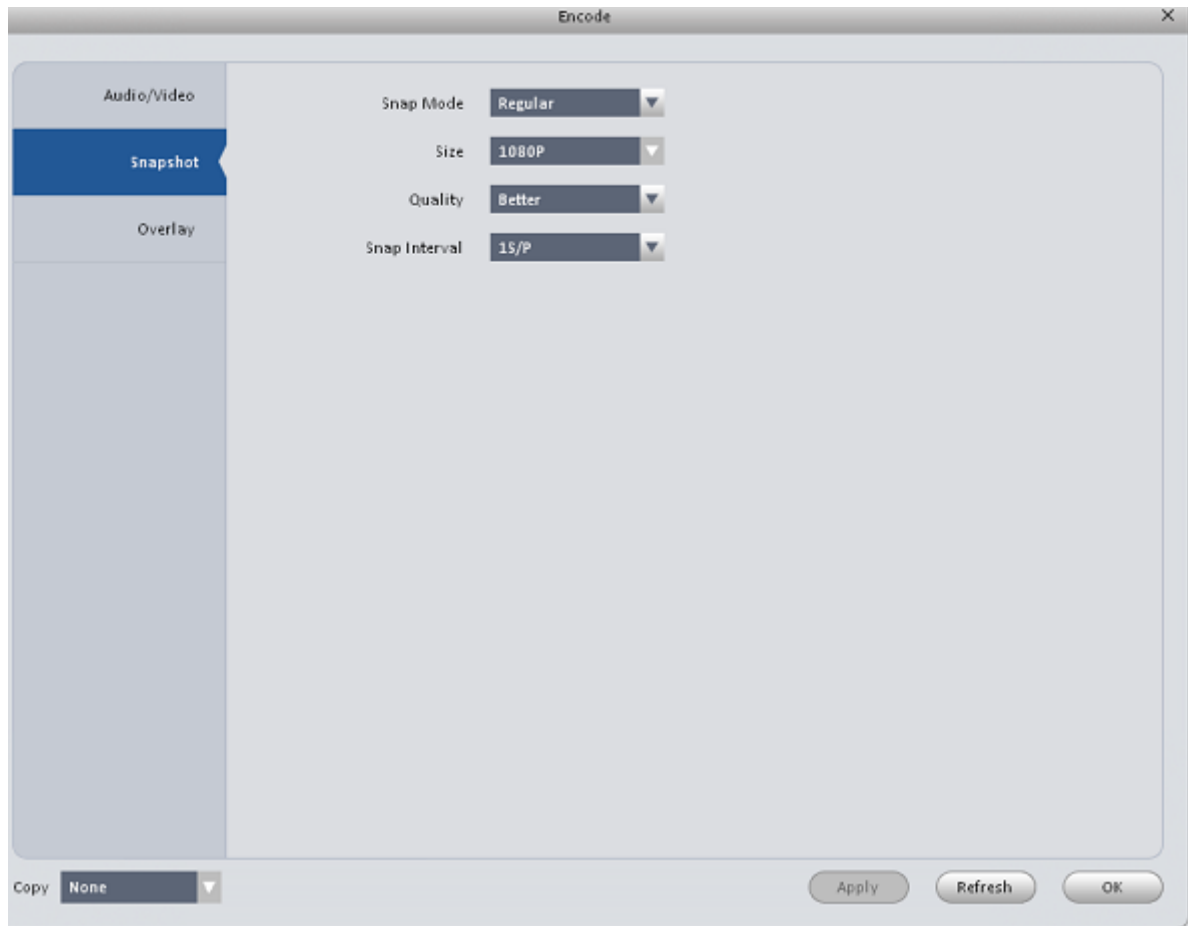
Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Chức năng
Video enable	Kiểm tra hộp ở đây để cho phép thêm luồng video. Mặc định là kích hoạt
Stream type	Nó bao gồm luồng chính, dòng chuyển động và dòng báo động. Bạn có thể chọn tốc độ khung hình encode khác nhau tạo thành sự kiện ghi nhận khác nhau.
Encode mode	Nó là để thiết lập chế độ mã hóa âm thanh / video. Thiết lập mặc định là H.264.
Resolution	Hệ thống hỗ trợ độ phân giải khác nhau, bạn có thể chọn từ danh sách
FPS	PAL : 1~25f/s ; NTSC : 1~30f/s.
Bit stream	In VBR mode, it is the max value of the bit stream. In the CBR mode, it is a fixed value.
Quality	Bạn cần chọn trong danh sách
Audio encode mode	Kiểm tra hộp đây để kích hoạt chức năng âm thanh và chọn chế độ mã hóa trong danh sách
Watermark enable /watermark character	Chức năng này cho phép bạn kiểm tra các đoạn video là giả mạo hay không. Ở đây bạn có thể chọn dòng bit watermark, chế độ watermark và nhân vật watermark. mặc định là DigitalCCTV.
Copy	Click vào nó để sao chép thiết lập hiện tại để kênh khác (s).

6.1.3.2. Snapshot

Giao diện ảnh chụp được hiển thị như dưới đây. Xem Hình 3-25.





Hình

3-25

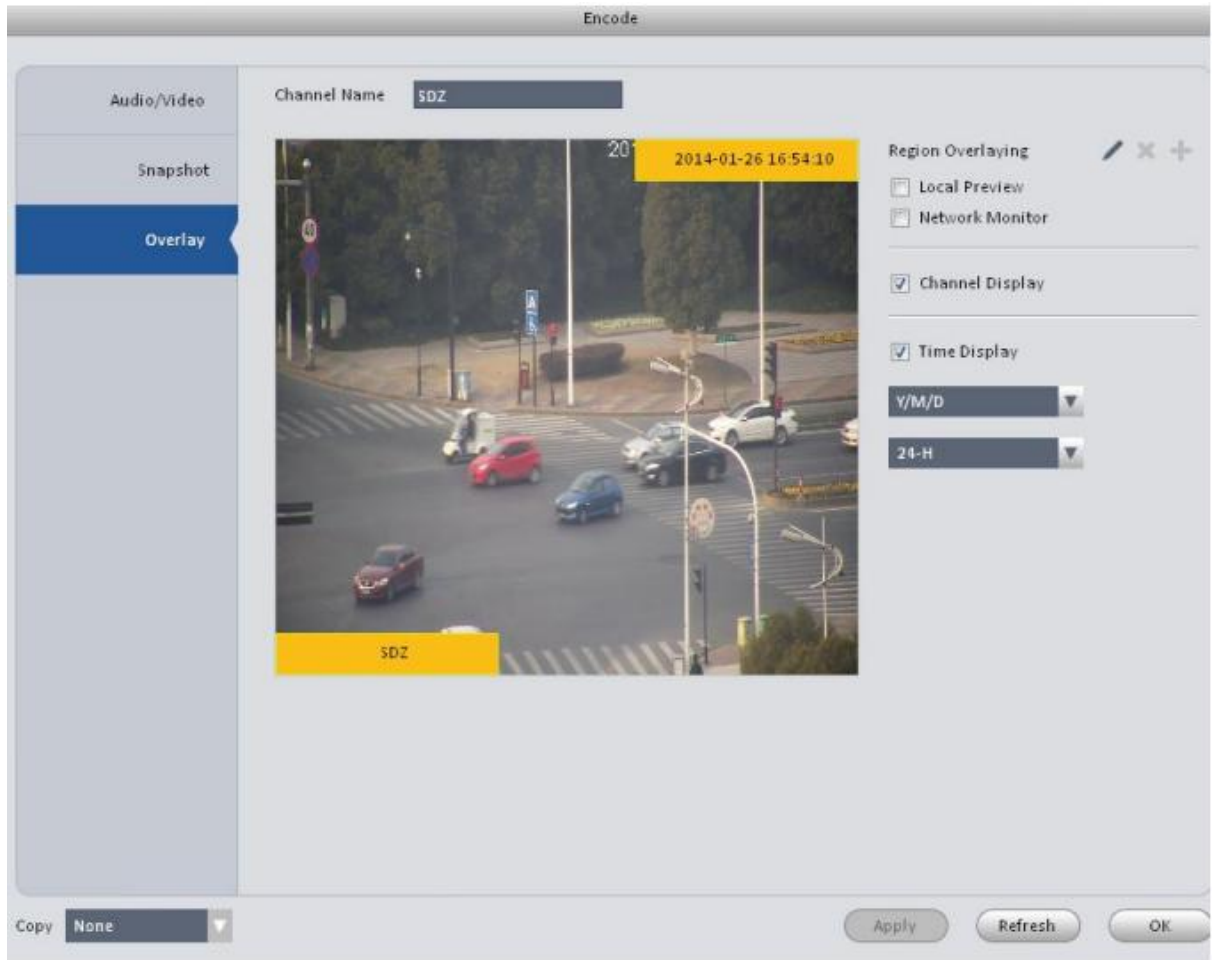
Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Chức năng
Snapshot type	<p>Có ba chế độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thường xuyên: Nó cho phép chức năng chụp nhanh như bạn thiết lập về kế hoạch chụp. • Chuyển động: Nó cho phép chức năng chụp hình khi chuyển động phát hiện xảy ra. • Cảnh báo: Nó cho phép chức năng chụp khi một báo động xảy ra.
Image size	Đó là cùng với độ phân giải của các luồng chính.
Quality	Nó là để thiết lập chất lượng hình ảnh
Interval	Nó là để thiết lập tần số ảnh chụp.
Copy	Click nó, bạn có thể sao chép thiết hiện tại cho kênh khác

6.1.3.3. Overlay


Dưới đây là dành cho bạn ghi lớp thông tin về video. Xem Hình 3-26.





Hình 3-26

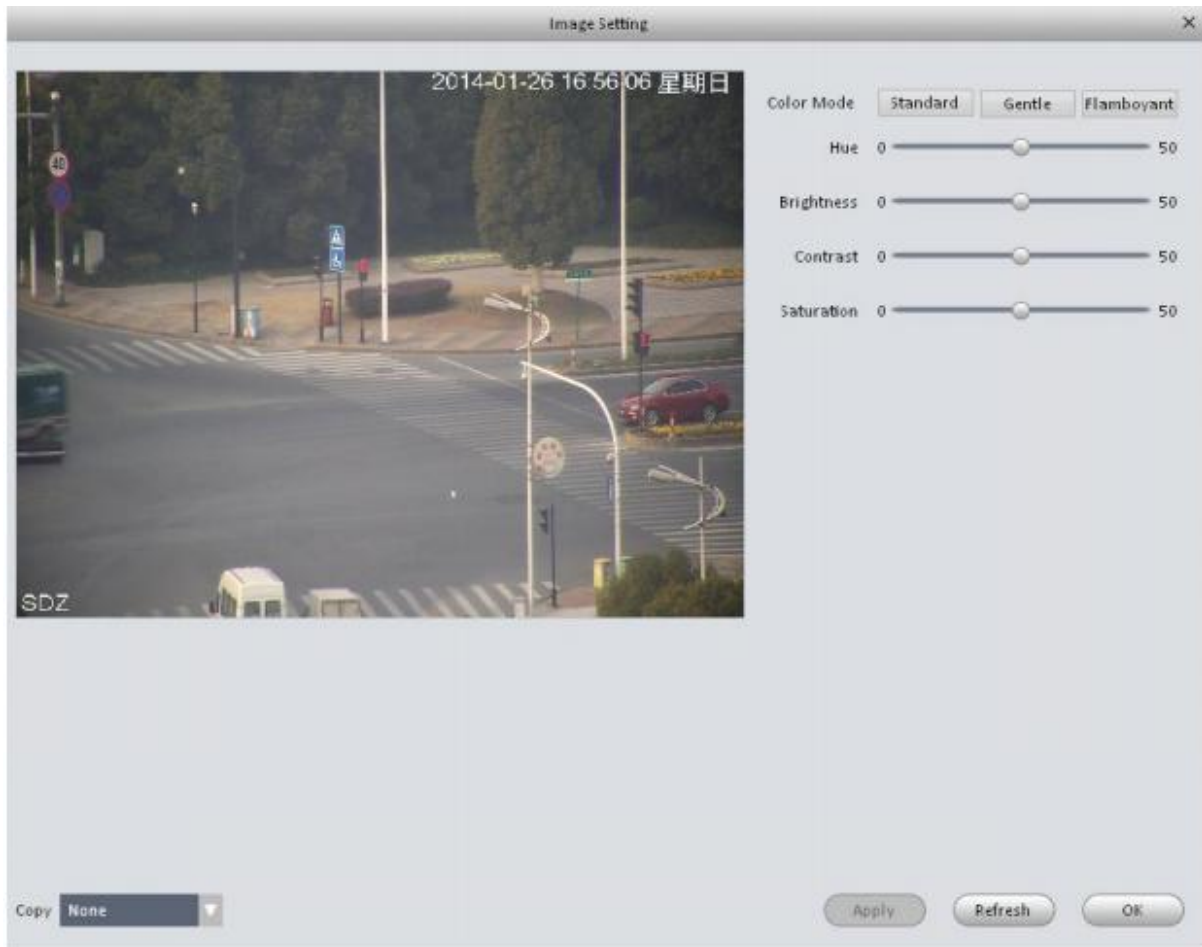
Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Chức năng
Area-overlay	<p>Có 2 loại: màn hình nội bộ trực tiếp/ giám sát qua mạng</p> <p>Hình ảnh nội bộ: Nó là để che chắn các video tương ứng dưới chế độ nội bộ</p> <p>Giám sát qua mạng: Nó là để che chắn các video tương ứng dưới chế độ quan sát qua mạng</p> <p>Click  để set vùng</p>
Channel display	<p>Bạn có thể kích hoạt chức năng này để hệ thống phủ lên các kênh thông tin trong cửa sổ video.</p> <p>Xin tên kênh đầu vào đây.</p> <p>Bạn có thể sử dụng chuột để kéo các vị trí tiêu đề kênh.</p>
Time display	<p>Bạn có thể kích hoạt chức năng này để hệ thống phủ lên thông tin thời gian trong cửa sổ video.</p> <p>Bạn có thể sử dụng chuột để kéo các vị trí tiêu đề thời gian.</p> <p>Bạn có thể xem tiêu đề thời gian trên video sống động của WEB hay các video playback.</p>
Date format	<p>Chọn định dạng ngày tháng từ danh sách nếu bạn muốn ghi các thông tin cập nhật.</p>
Time format	<p>Chọn định dạng thời gian trong danh sách nếu bạn muốn ghi các</p>

	thông tin cập nhật
Copy	Click nó; bạn có thể sao chép thiết hiện tại cho kênh khác

6.1.4. Image (Hình ảnh)

Ở đây bạn có thể thiết lập thuộc tính máy ảnh. Xem Hình 3-27



Xin vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết

Thông số	Chức năng
Color mode	Nó để cài đặt chế độ màu
Hue	Nó để cài độ sắc nét
brightness	Nó là để điều chỉnh màu sắc toàn bộ sáng. Các giá trị là lớn, sáng video và ngược lại. Khi bạn thiết lập, các cửa sổ và cửa sổ tối sáng của video có thể được tăng hoặc giảm của tập đoàn Accor dingly cùng một lúc.
contrast	Nó là để thiết lập độ tương phản hình ảnh. Các giá trị là lớn độ tương phản càng cao và ngược lại.
Saturation	Nó là để thiết lập độ bão hòa màu. Độ lớn của giá trị tương ứng với độ lớn của màu sắc và ngược lại.

6.1.5. PTZ Control (Điều khiển PTZ)

Nó là dành cho bạn để thiết lập các thông số PTZ. Xem Hình 3-28.



Hình

3-28

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Chức năng
Protocol	Chọn giao thức tương ứng với camera như PELCOD
Address	Thiết lập địa chỉ tương ứng với camera. Giá trị mặc định là 1. Hãy lưu ý thiết lập của bạn ở đây được thực hiện theo địa chỉ camera của bạn; nếu không thì bạn không thể kiểm soát tốc camera.
Baud Rate	Chọn tốc độ truyền camera. Hãy đặt theo các chuyển đổi liên lạc của camera
Data Bit	Thiết lập mặc định là 4. Hãy đặt theo các chuyển đổi liên lạc của camera
Stop bit	Thiết lập mặc định là 1. Hãy đặt theo các chuyển đổi liên lạc của camera
Parity	Thiết lập mặc định là None. Hãy đặt theo các chuyển đổi liên lạc của camera

6.2. Event (sự kiện)

6.2.1. Video detect

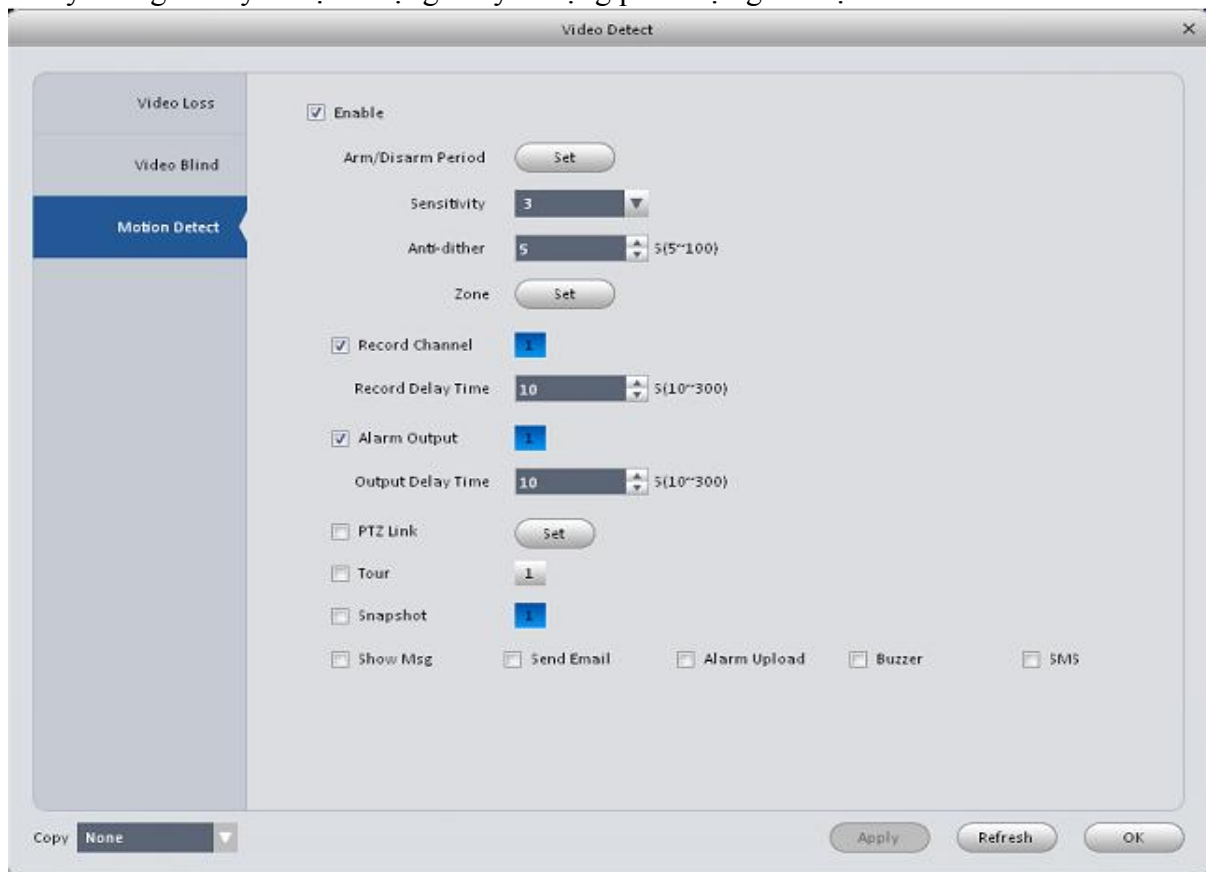
Phát hiện hình ảnh có 3 loại

- Motion detect: Thông qua phân tích hình ảnh, hệ thống có thể cho phép phát hiện chuyển động báo động khi phát hiện bất kỳ tín hiệu di chuyển mà đạt đến ngưỡng nhạy cảm bạn đặt vào đây.

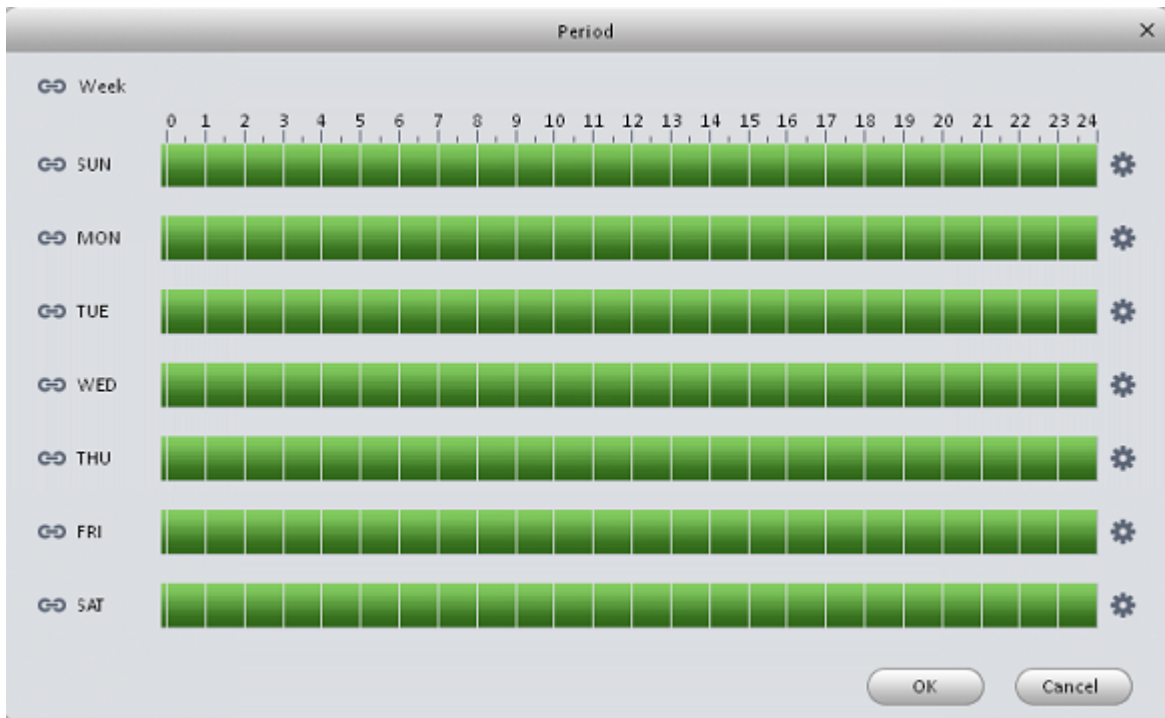


- Video loss: Chức năng này cho phép bạn để được thông báo khi có hiện tượng mất đoạn hình ảnh
- Camera masking: khi có một ai đó che ống kính, hay hình ảnh đầu ra có sự thay đổi môi trường ánh sáng, hệ thống có thể cảnh báo để đảm bảo liên lạc.

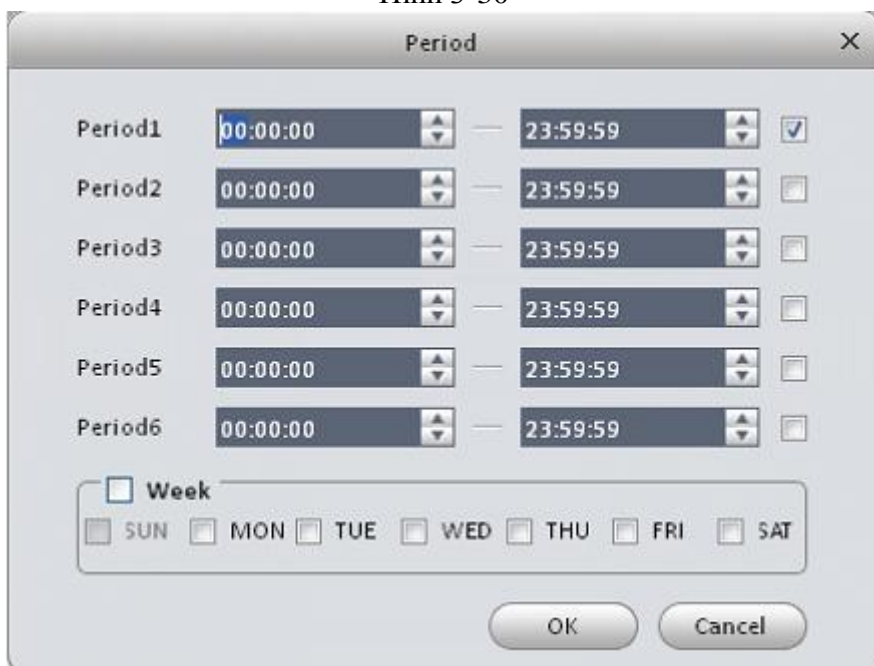
Ở đây chúng tôi lấy ví dụ sử dụng chuyên động phát hiện giao diện. Xem Hình 3-29.



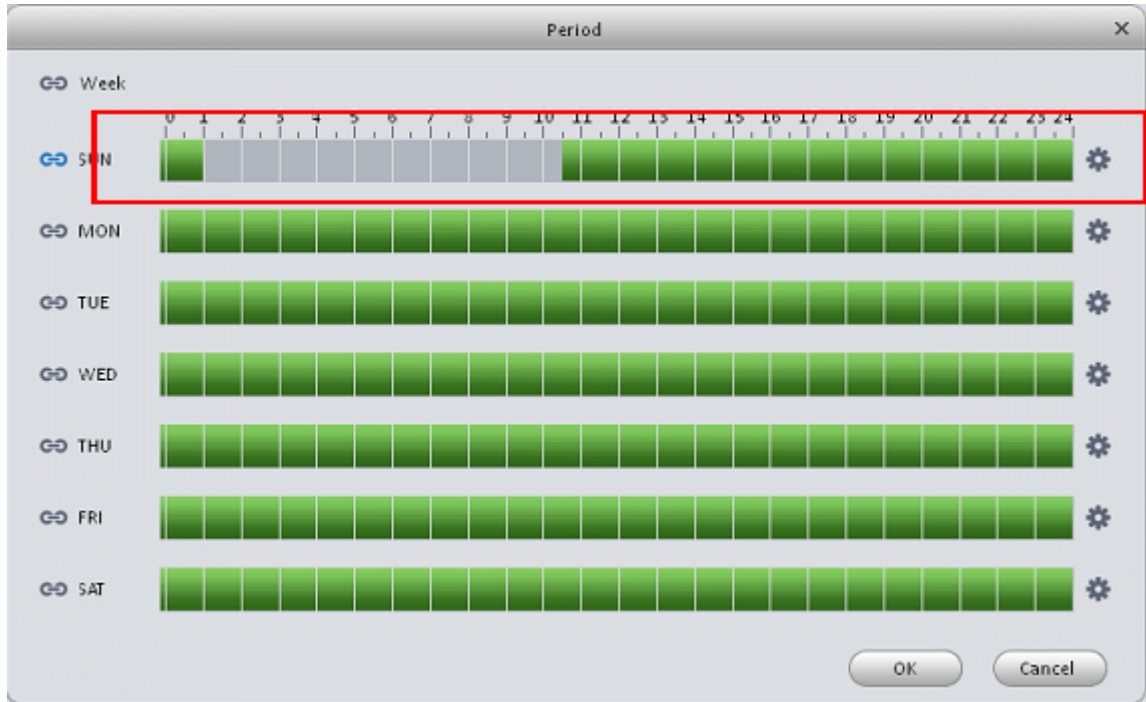
Hình 3-29



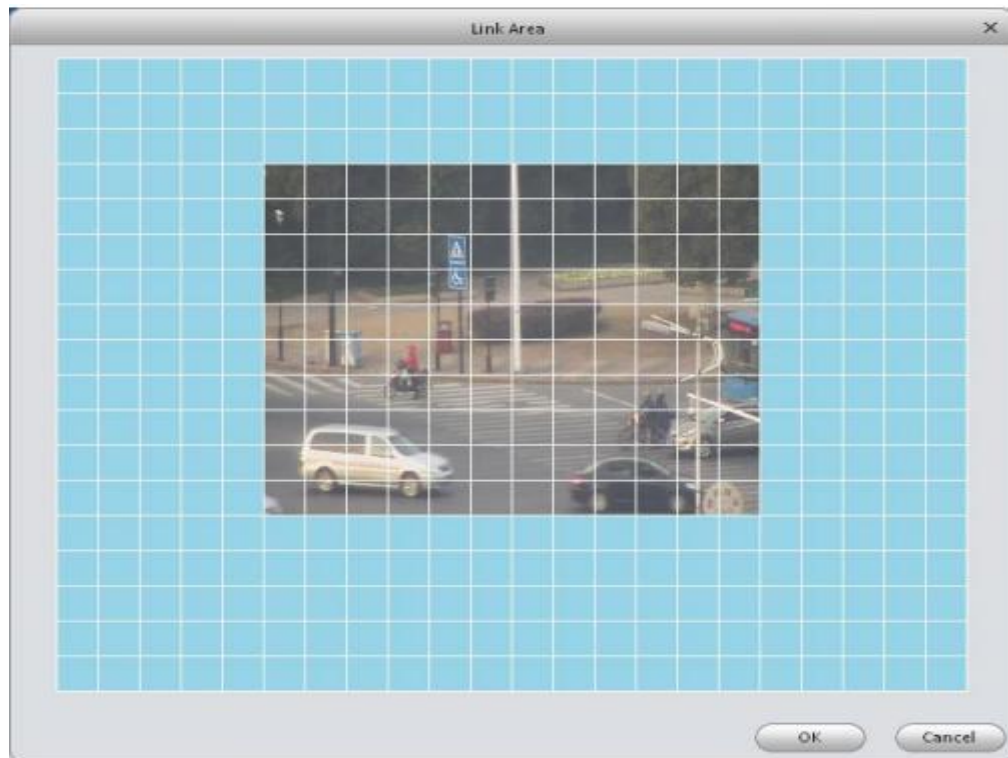
Hình 3-30



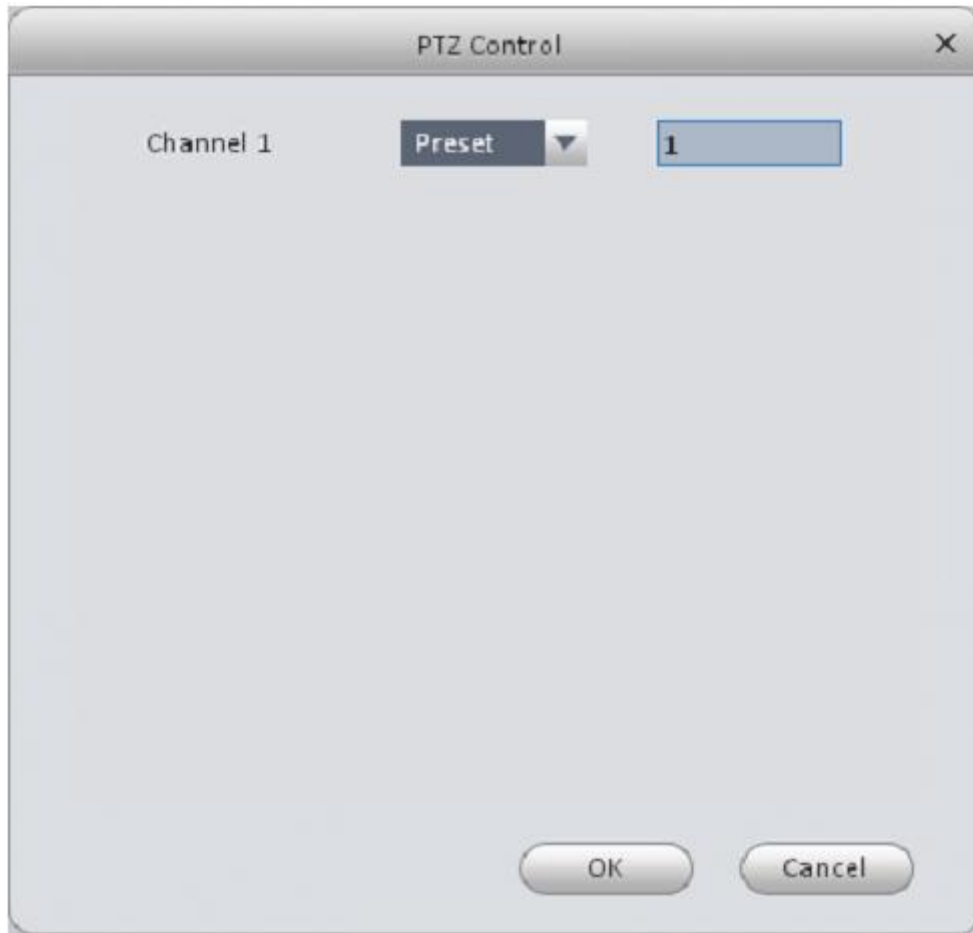
Hình 3-31



Hình 3-32




Hình 3-33



Hình 3-34

Xin vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết

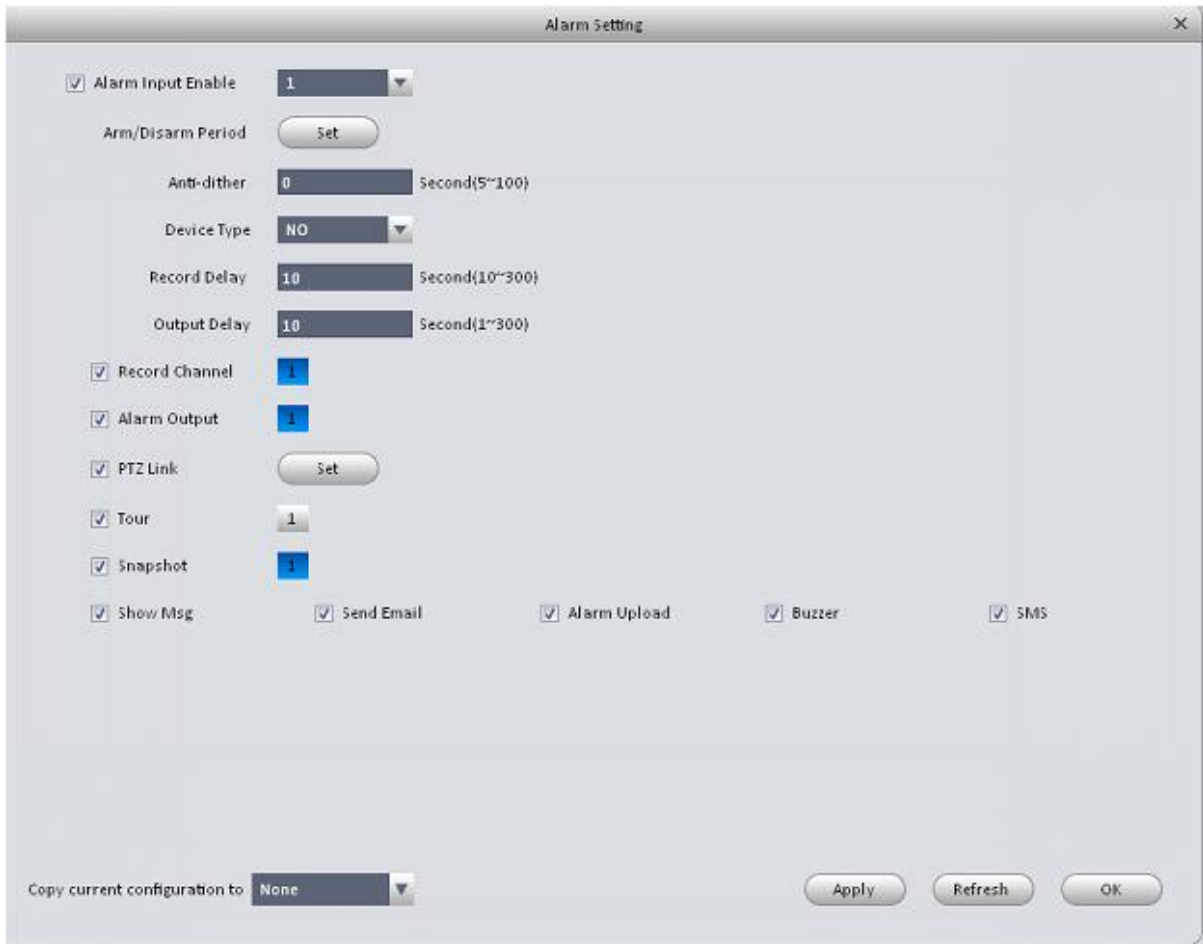
Thông số	Chức năng
enable	Bạn cần kiểm tra hộp xem đã kích hoạt chức năng phát hiện chuyển động
Arm/ disarm period	Chức năng phát hiện chuyển động trở nên kích hoạt trong thời hạn quy định. Xem Hình 3-30. Có sáu giai đoạn trong một ngày. Bạn có thể click  để cài đặt.(hình 3-31) hoặc sử dụng chuột để vẽ các giai đoạn tương ứng trên thanh thời gian trực tiếp như hình 3-32
Anti-dither	Hệ thống chỉ ghi nhớ sự kiện trong suốt quá trình chuyển động. Các giá trị trong khoảng từ 5s đến 100s.
Sensitivity	Có 10 cấp độ. Mức độ thứ sáu có độ nhạy cao nhất.
Zone	Bạn có thể nhấp vào nút này để thiết lập vùng phát hiện chuyển động. Giao diện được hiển thị như trong hình 3-33.Nhấn nút OK để lưu thiết lập vùng phát hiện chuyển động của bạn.
Record channel	Hệ thống tự động kích hoạt phát hiện chuyển động kênh (s) để ghi lại mỗi lần báo động xảy ra. Xin lưu ý bạn cần phải thiết lập chuyển động phát hiện thời gian thu và đi đến record> record plan để thiết lập kênh hiện như hồ sơ lịch.
Record Delay	Hệ thống có thể trì hoãn kỷ lục thời gian ghi sau khi báo động kết thúc

Alarm output	Kích hoạt chức năng kích hoạt báo động. Bạn cần phải chọn công ra báo động, hệ thống có thể kích hoạt thiết bị báo động tương ứng khi một báo động xảy ra.
Output delay	Hệ thống có thể trì hoãn việc ra báo động cho thời gian quy định sau khi một báo động kết thúc.
Show message	Hệ thống có thể gửi một thông điệp báo động cho bạn trên màn hình máy chủ nếu bạn kích hoạt chức năng này.
Buzzer	Kiểm tra hộp dây để kích hoạt chức năng này. Tiếng bíp phát ra khi một báo động xảy ra.
Alarm upload	Hệ thống có thể tải lên các tín hiệu báo động về trung tâm (Bao gồm trung tâm báo động).
Message	Khi kết nối mạng 3G là OK, hệ thống có thể gửi một tin nhắn khi có phát hiện chuyển động.
Send Email	Nếu bạn kích hoạt chức năng này, hệ thống có thể gửi một email cảnh báo cho bạn khi một báo động xảy ra.
SMS	Nếu bạn kích hoạt chức năng này, hệ thống có thể gửi một tin nhắn đến điện thoại cụ thể để cảnh báo cho bạn khi một báo động xảy ra.
Tour	Bạn cần phải kiểm tra hộp ở đây để kích hoạt chức năng này. Hệ thống bắt đầu 1 cửa sổ hoặc nhiều cửa sổ hiển thị giữa các kênh bạn thiết lập để ghi lại khi một báo động xảy ra.
PTZ Activation	Ở đây bạn có thể thiết lập chuyển động PTZ khi báo động xảy ra. xem Hình 3-34.
Video Matrix	Chức năng này chỉ dành cho phát hiện chuyển động. Kiểm tra hộp dây để kích hoạt chức năng hình ảnh ma trận

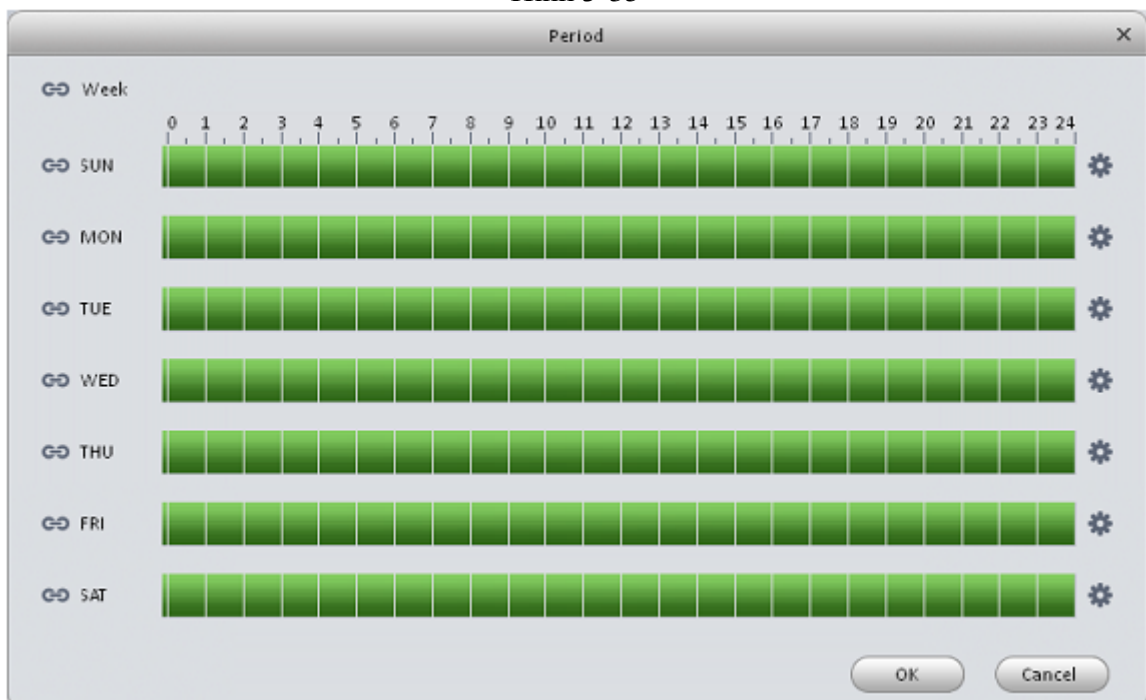
6.2.2. Alarm (Báo động)

Trước khi vận hành, hãy chắc chắn rằng bạn đã kết nối đúng các thiết bị báo động như còi. Chế độ đầu vào bao gồm các báo nội bộ và báo qua mạng.

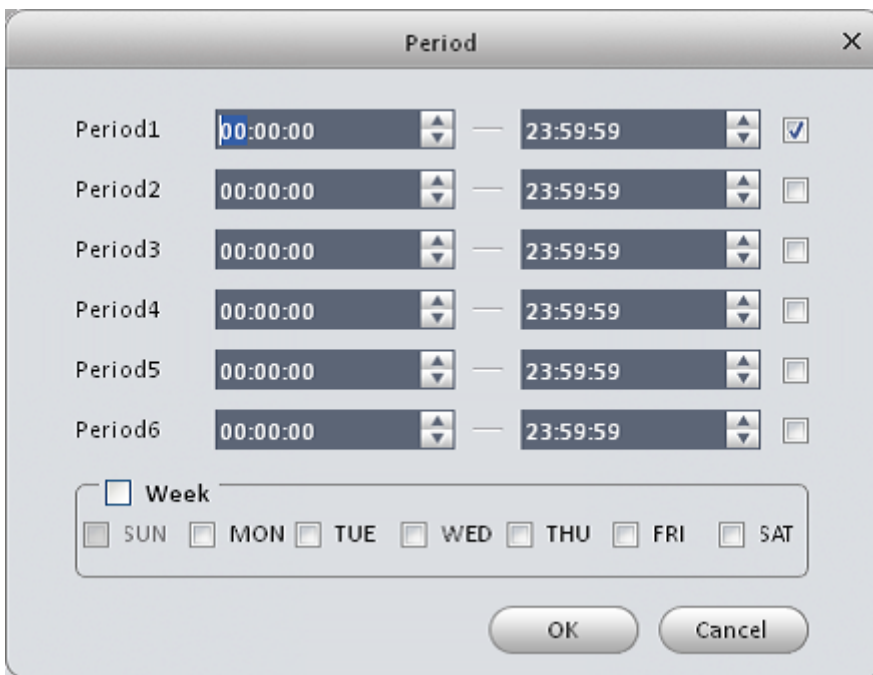
Giao diện báo động nội bộ được thể hiện như trong hình 3-35.



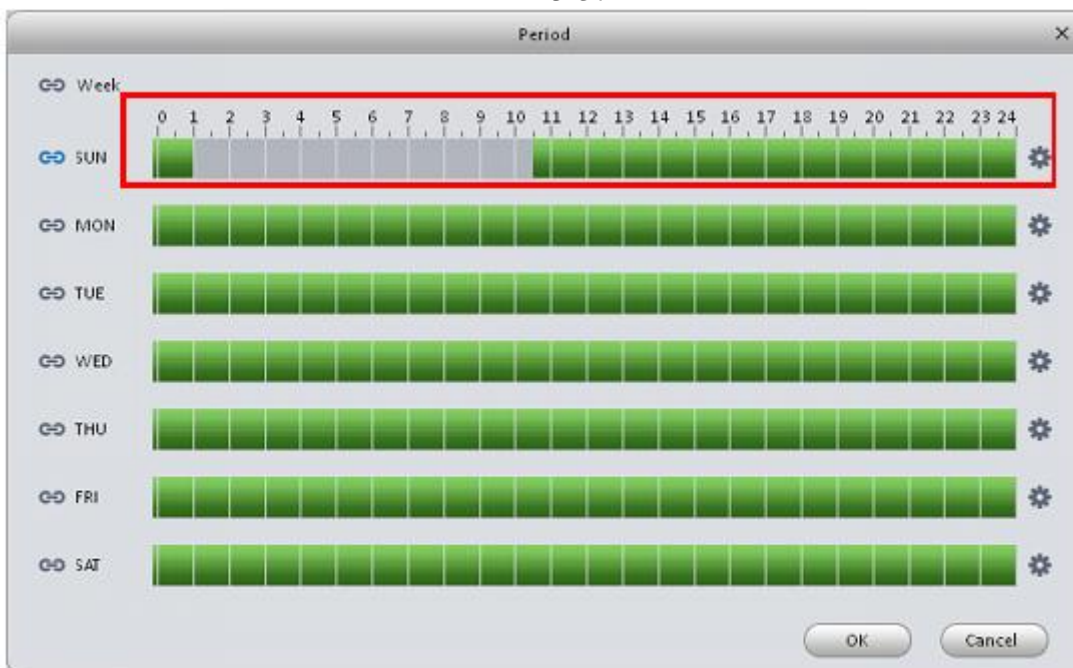
Hình 3-35



Hình 3-36



Hình 3-37




Hình 3-38



Hình 3-39

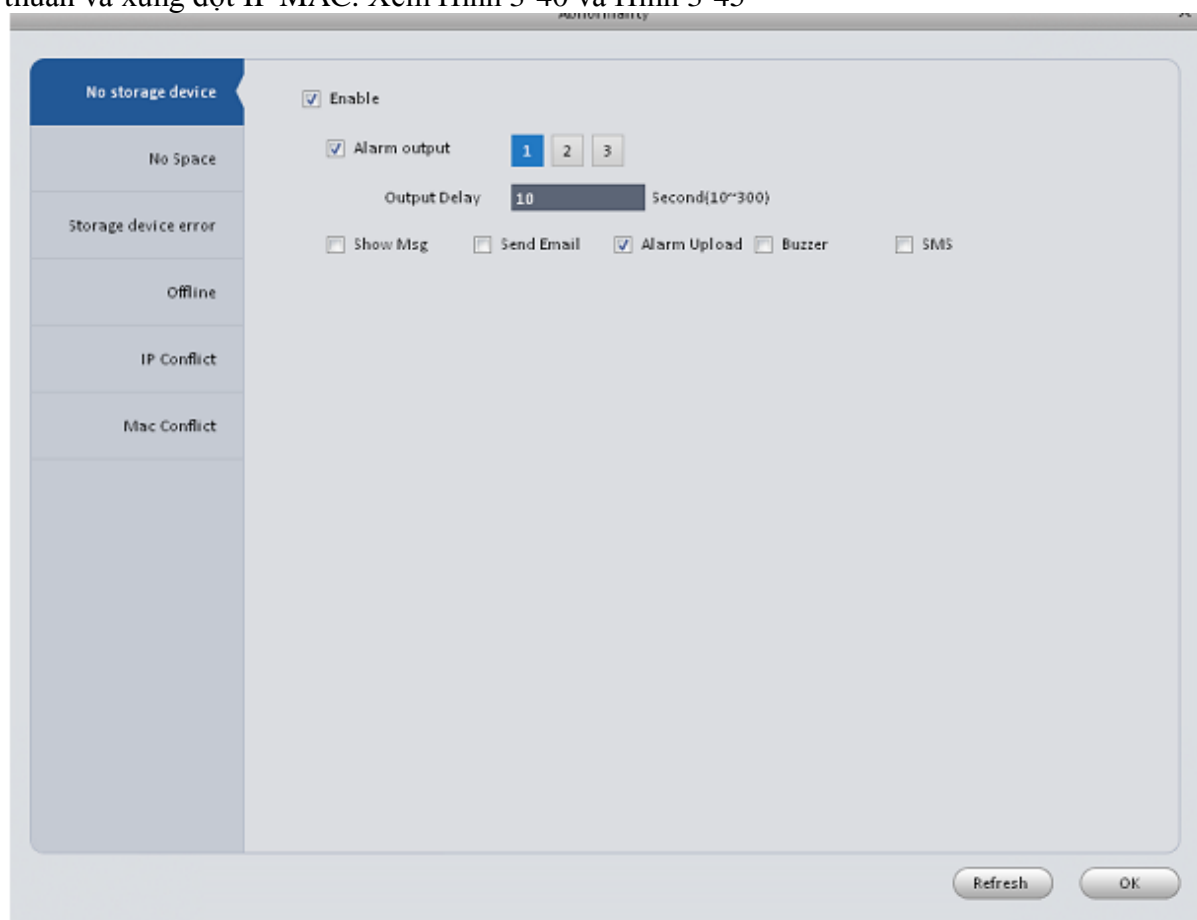
Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Chức năng
enable	Bạn cần kiểm tra hộp xem đã kích hoạt chức năng báo động
Arm/ disarm period	Kích hoạt tính năng báo động trong thời gian quy định. Xem Hình 3-30. Có sáu giai đoạn trong một ngày. Bạn có thể click  để cài đặt.(hình 3-31) hoặc sử dụng chuột để vẽ các giai đoạn tương ứng trên thanh thời gian trực tiếp như hình 3-32
Anti-dither	Hệ thống chỉ ghi nhớ sự kiện quá trình báo động
Sensitivity	Có 10 cấp độ. Mức độ thứ sáu có độ nhạy cao nhất.
Device (Sensor) type	Có 2 dạng là NO/NC
Record channel	Hệ thống tự động kích hoạt báo động kênh (s) để ghi lại mỗi lần báo động xảy ra. Xin lưu ý bạn cần phải thiết lập báo động thời gian thu và đi đến record> record plan để thiết lập kênh hiện như hồ sơ lịch.
Record Delay	Hệ thống có thể trì hoãn kỷ lục thời gian ghi sau khi báo động kết thúc
Alarm output	Kích hoạt chức năng kích hoạt báo động. Bạn cần phải chọn cổng ra báo động, hệ thống có thể kích hoạt thiết bị báo động tương ứng khi một báo động xảy ra.
Output delay	Hệ thống có thể trì hoãn việc ra báo động cho thời gian quy định sau khi một báo động kết thúc.
Show message	Hệ thống có thể gửi một thông điệp báo động cho bạn trên màn hình máy chủ nếu bạn kích hoạt chức năng này.
Buzzer	Kiểm tra hộp dây để kích hoạt chức năng này. Tiếng bíp phát ra khi một báo động xảy ra.
Alarm upload	Hệ thống có thể tải lên các tín hiệu báo động về trung tâm (Bao gồm

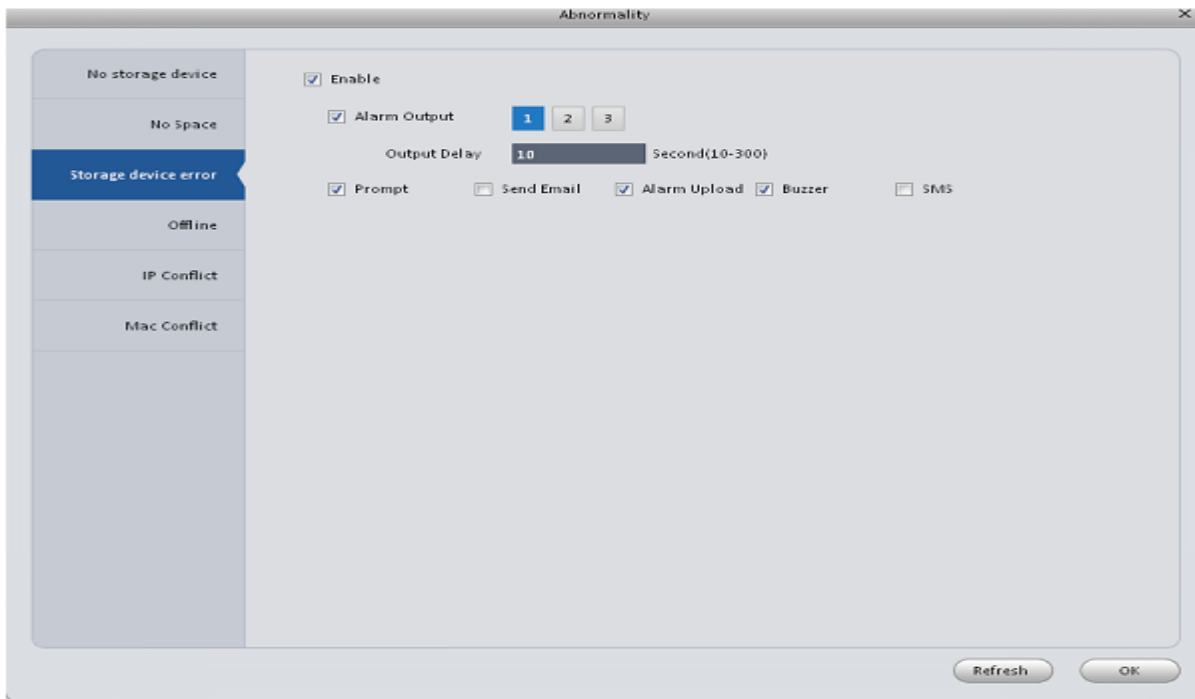
	trung tâm báo động).
Message	Khi kết nối mạng 3G là OK, hệ thống có thể gửi một tin nhắn khi có phát hiện chuyển động.
Send Email	Nếu bạn kích hoạt chức năng này, hệ thống có thể gửi một email cảnh báo cho bạn khi một báo động xảy ra.
SMS	Nếu bạn kích hoạt chức năng này, hệ thống có thể gửi một tin nhắn đến điện thoại cụ thể để cảnh báo cho bạn khi một báo động xảy ra.
Tour	Bạn cần phải kiểm tra hộp ở đây để kích hoạt chức năng này. Hệ thống bắt đầu 1 cửa sổ hoặc nhiều cửa sổ hiển thị giữa các kênh bạn thiết lập để ghi lại khi một báo động xảy ra.
PTZ Activation	Ở đây bạn có thể thiết lập chuyển động PTZ khi báo động xảy ra. xem Hình 3-34.

6.2.3. Bất thường

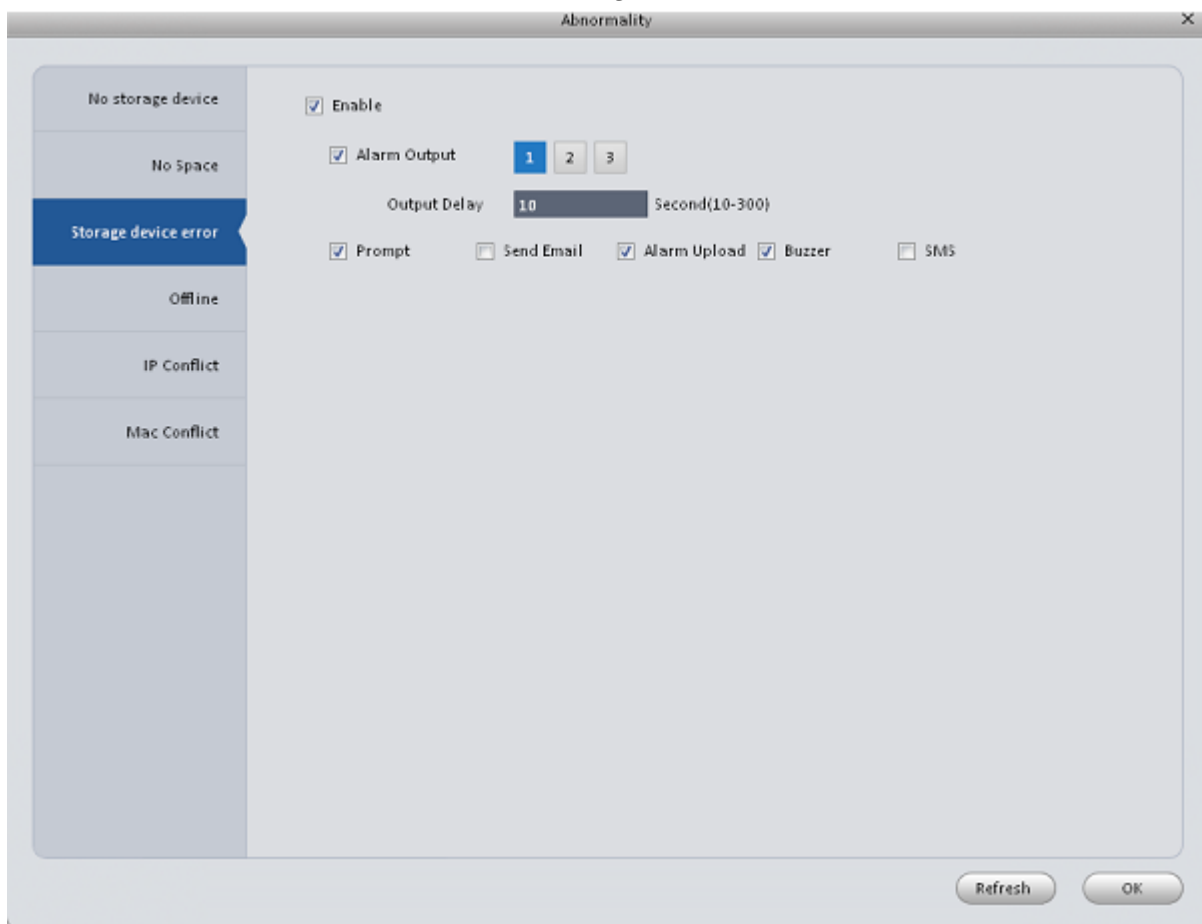
Nó bao gồm sáu trạng thái: Không có thiết bị, không có không gian, thiết bị báo lỗi, mất mạng, mâu thuẫn và xung đột IP MAC. Xem Hình 3-40 và Hình 3-45



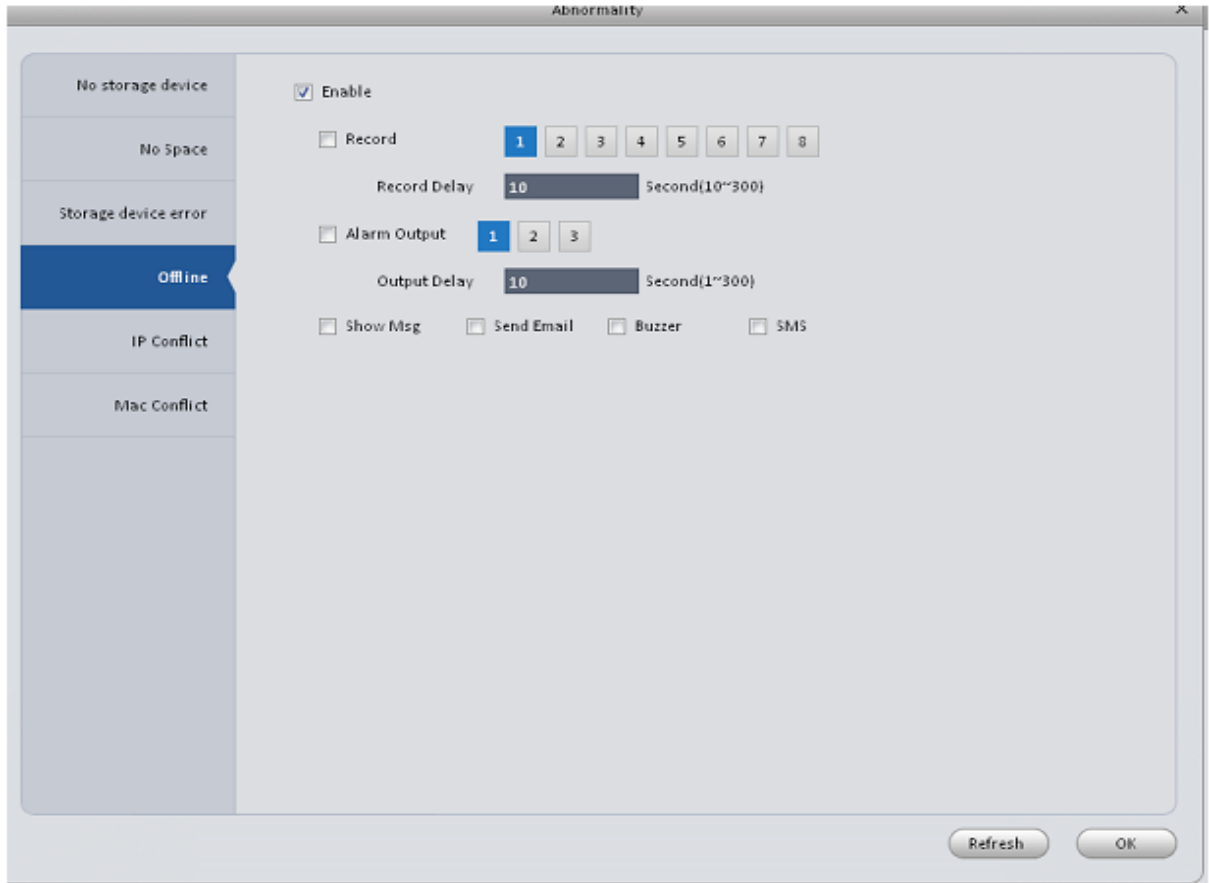
Hình 3-40



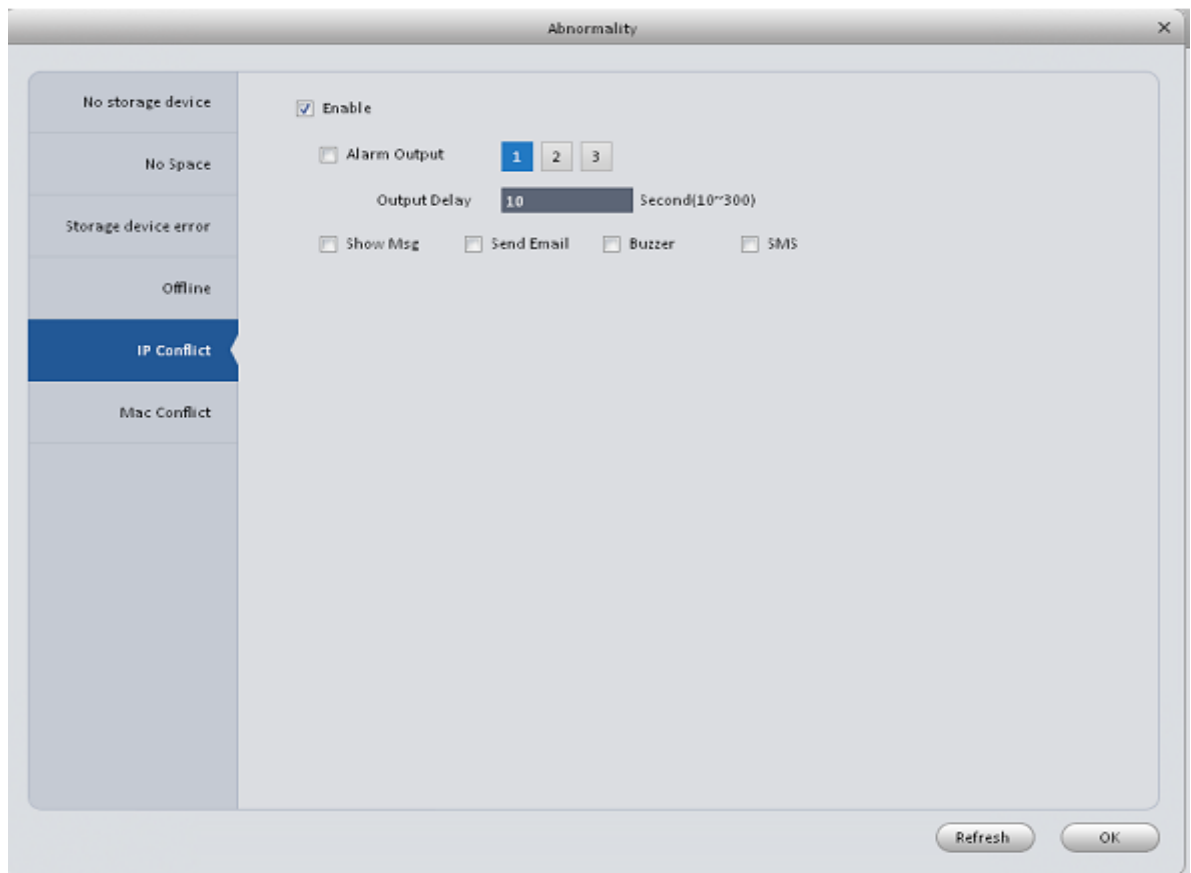
Hình 3-41



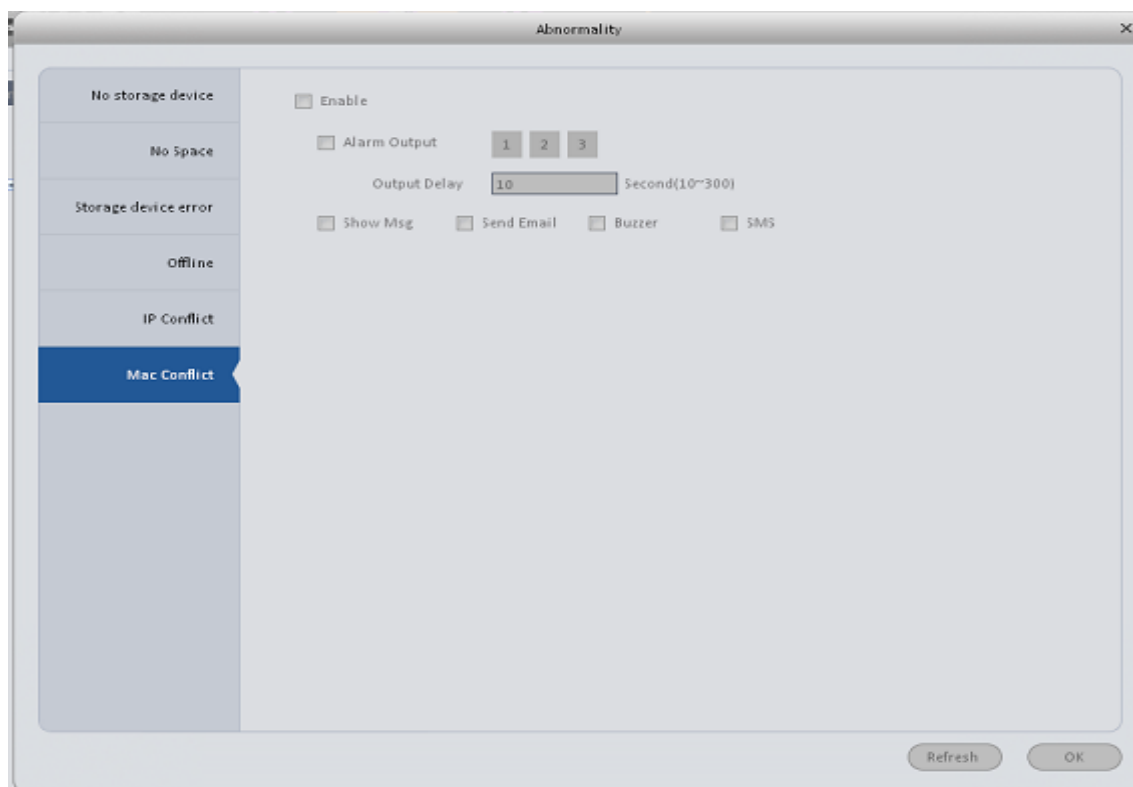
Hình 3-42



Hình 3-43



Hình 3-44



Hình 3-45

Xin vui lòng xem bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết

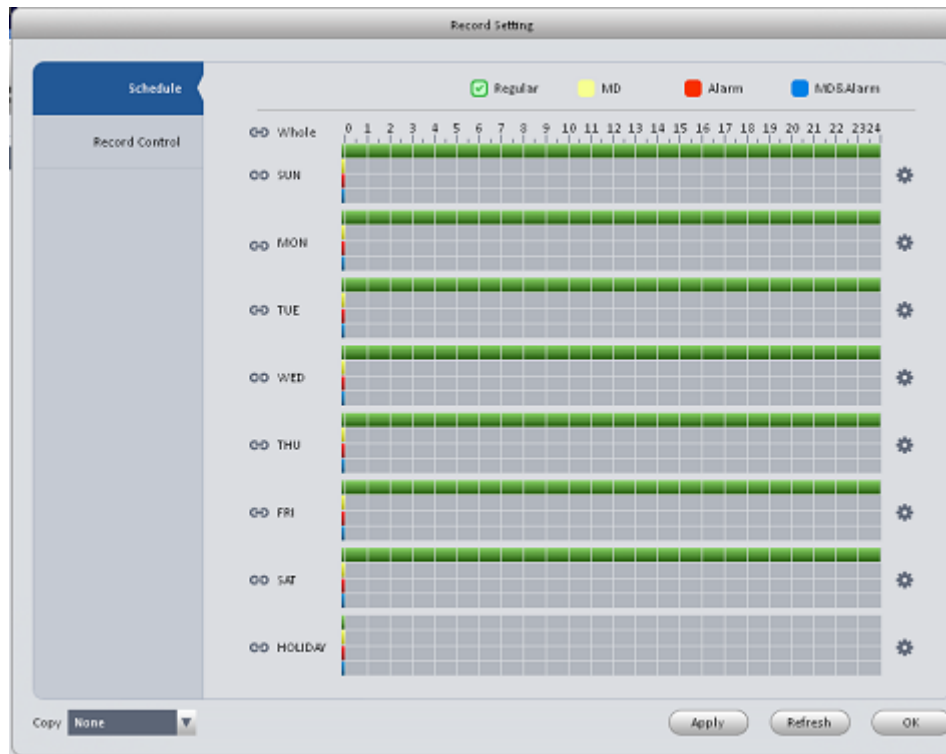
Thông số	Tính năng
Enable	Kiểm tra hộp xem đã kích hoạt tính năng
Alarm output	Vui lòng chọn kênh đầu ra cảnh báo tương ứng khi một báo động xảy ra. Bạn cần phải kiểm tra các hộp để kích hoạt chức năng này.
Output Delay	Đầu ra báo động có thể trì hoãn cho thời gian quy định sau khi một báo động dừng lại.
Show message	Hệ thống có thể bật lên một thông điệp báo động bạn trong màn hình nội bộ nếu bạn kích hoạt chức năng này
Alarm upload	Hệ thống có thể tải lên các tín hiệu báo động đến trung tâm (Bao gồm trung tâm báo động)
Send Email	Nếu bạn kích hoạt chức năng này, hệ thống có thể gửi một email để cảnh báo bạn khi một báo động xảy ra.
Buzzer	Kiểm tra hộp dây để kích hoạt chức năng này. Tiếng bíp phát ra khi một báo động xảy ra.
SMS	Nếu bạn kích hoạt chức năng này, hệ thống có thể gửi một thông điệp đến điện thoại cụ thể để cảnh báo cho bạn khi một báo động xảy ra.

6.3. Record (Ghi)


6.3.1. Lịch trình

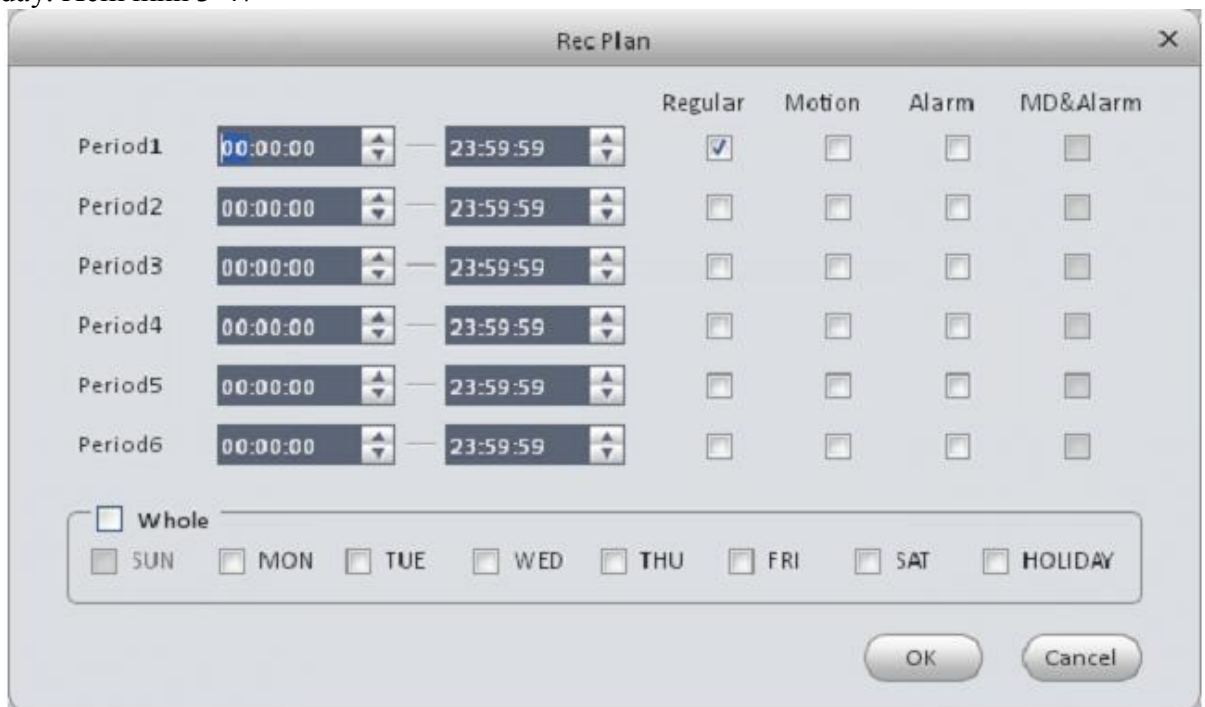
Bạn có thể thiết lập khoảng thời gian tương ứng để kích hoạt lịch trình ghi hình. Bạn có thể làm theo các bước dưới đây để thiết lập lịch trình chức năng ghi.

- 1) Nhấn vào nút Schedule, bạn có thể vào giao diện sau đây. Xem Hình 3-46



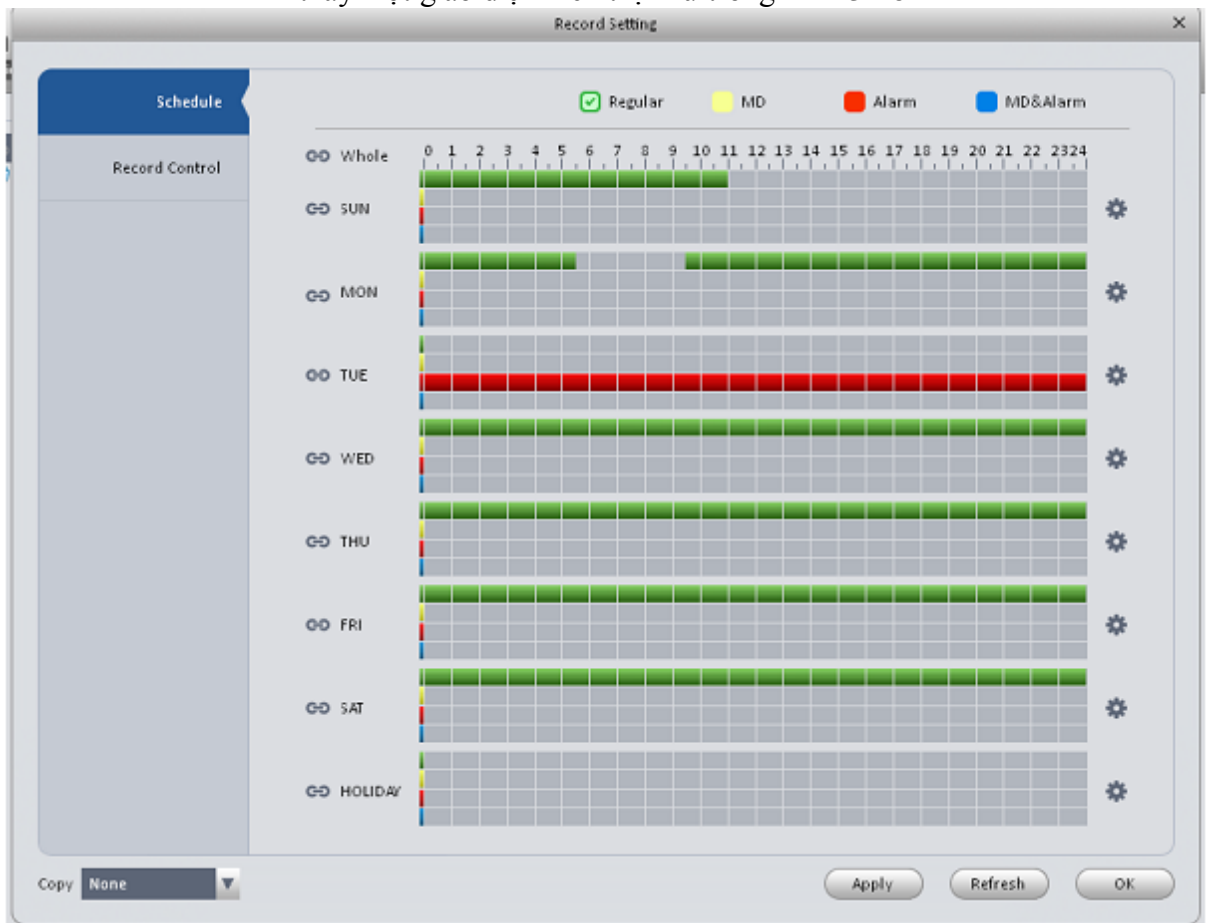
Hình 3-46

- 2) Nhấn nút  sau đó sau ngày tương ứng, bạn có thể thấy một giao diện hiển thị như dưới đây. Xem hình 3-47



Hình 3-47

3) Thiết lập thời gian ghi và kiểm tra hộp để chọn kiểu ghi. Nhấn vào nút OK, bây giờ bạn có thể thấy một giao diện hiển thị như trong hình 3-48



Bạn có thể xem các thiết lập khoảng thời gian hiện tại từ các thanh màu.

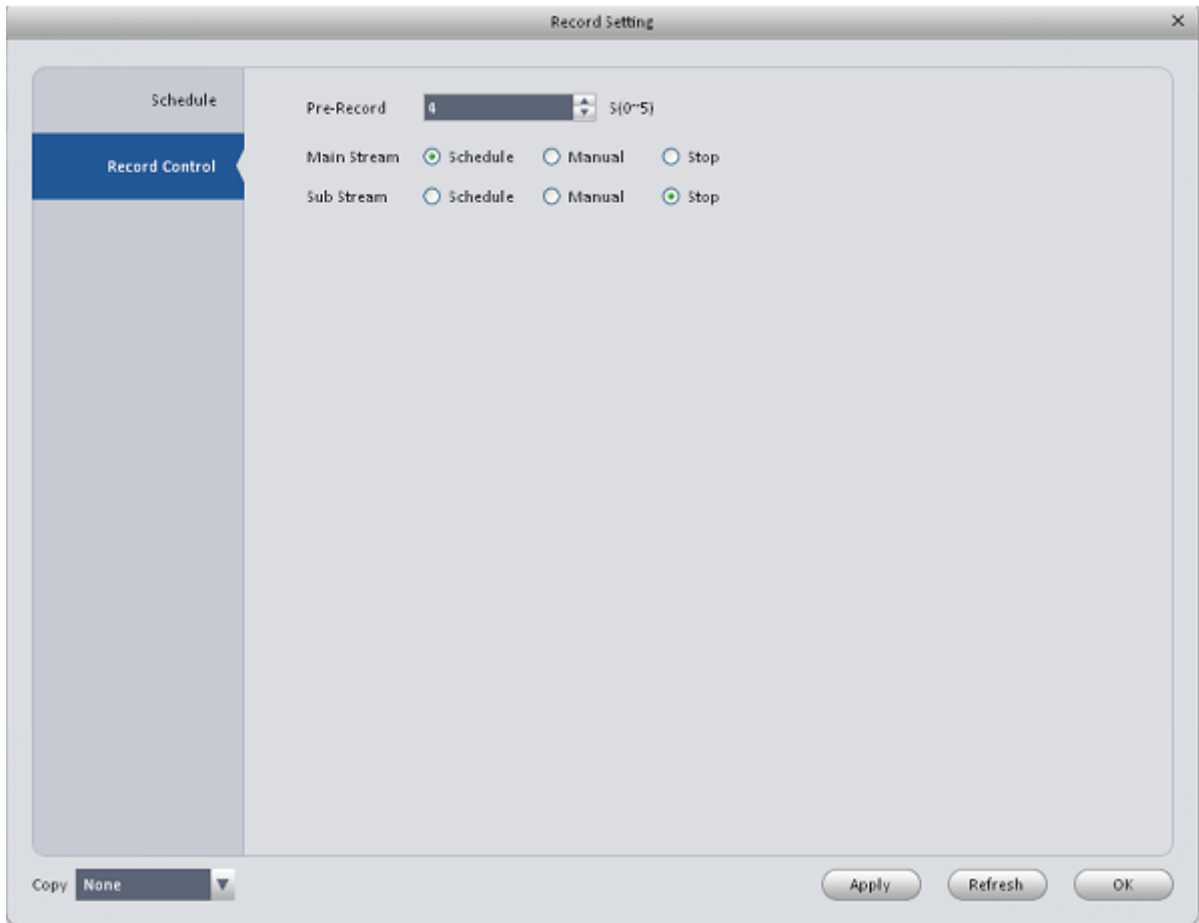
- Màu xanh lá cây tượng trưng cho chế độ ghi liên tục
- Màu vàng tượng trưng cho chế độ ghi theo chuyển động
- Màu đỏ tượng trưng cho chế độ ghi theo báo động
- Màu xanh dương tượng trưng cho chế độ ghi theo chuyển động và báo động

Chú ý:

Nhấn vào nút Copy để sao chép thiết lập hiện tại đến một ngày khác.

6.3.1.1. Record control (kiểm soát ghi)

Nó là dành cho bạn để thiết lập chế độ kiểm soát hồ sơ. Xem Hình 3-49.



Hình 3-49

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

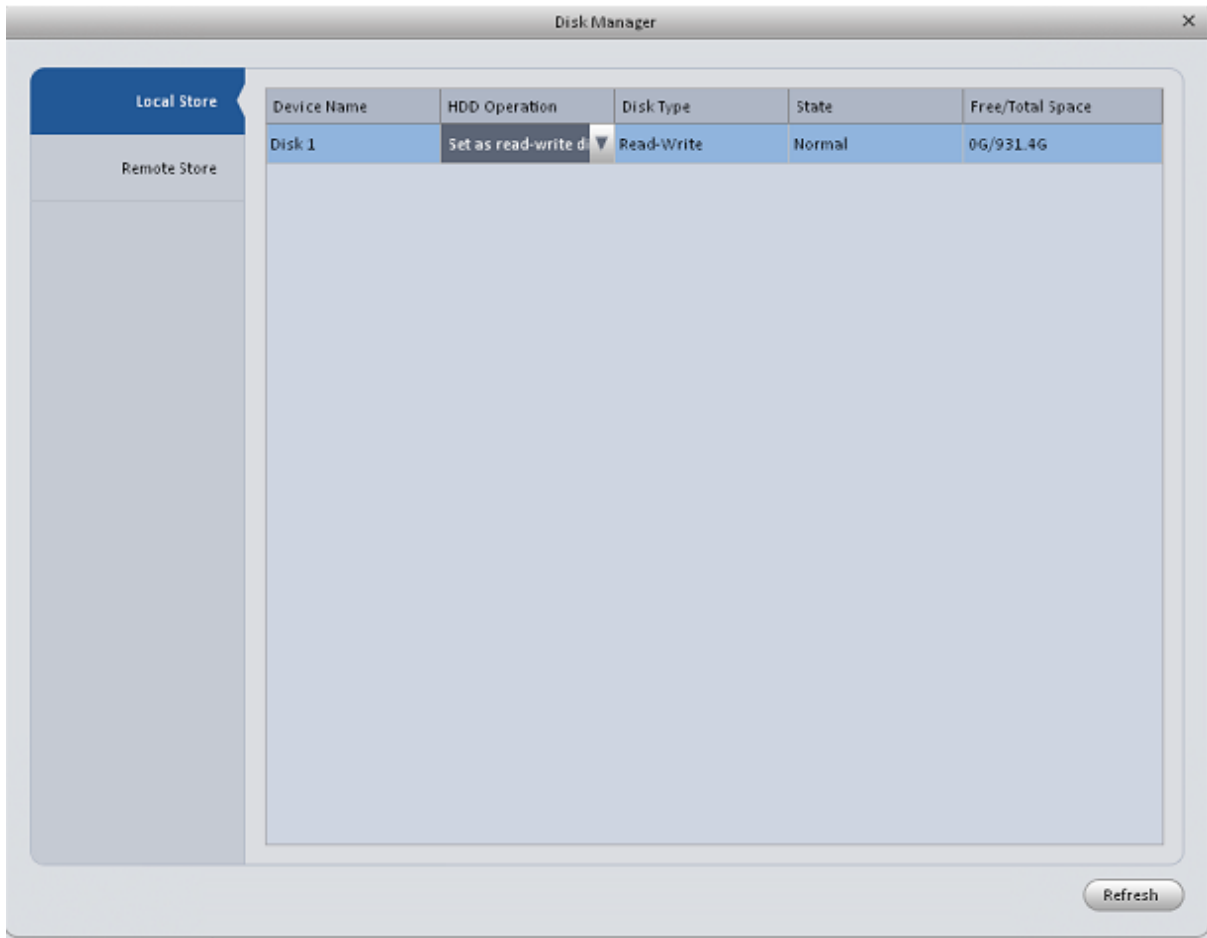
Thông số	Tính năng
Pre-record	Vui lòng nhập trước ghi lại thời gian ở đây.
Main stream	Nó là để thiết lập chế độ ghi luồng chính. Nó bao gồm: Lịch trình / hướng dẫn / stop
Sub stream	Nó là để thiết lập chế độ ghi luồng phụ. Nó bao gồm: Lịch trình / hướng dẫn / stop

6.3.2. Ổ cứng

6.3.2.1. Lưu trữ nội bộ

Các giao diện địa phương được thể hiện như trong hình 3-50. Ở đây bạn có thể lưu dữ liệu vào thẻ SD địa phương hoặc HDD.

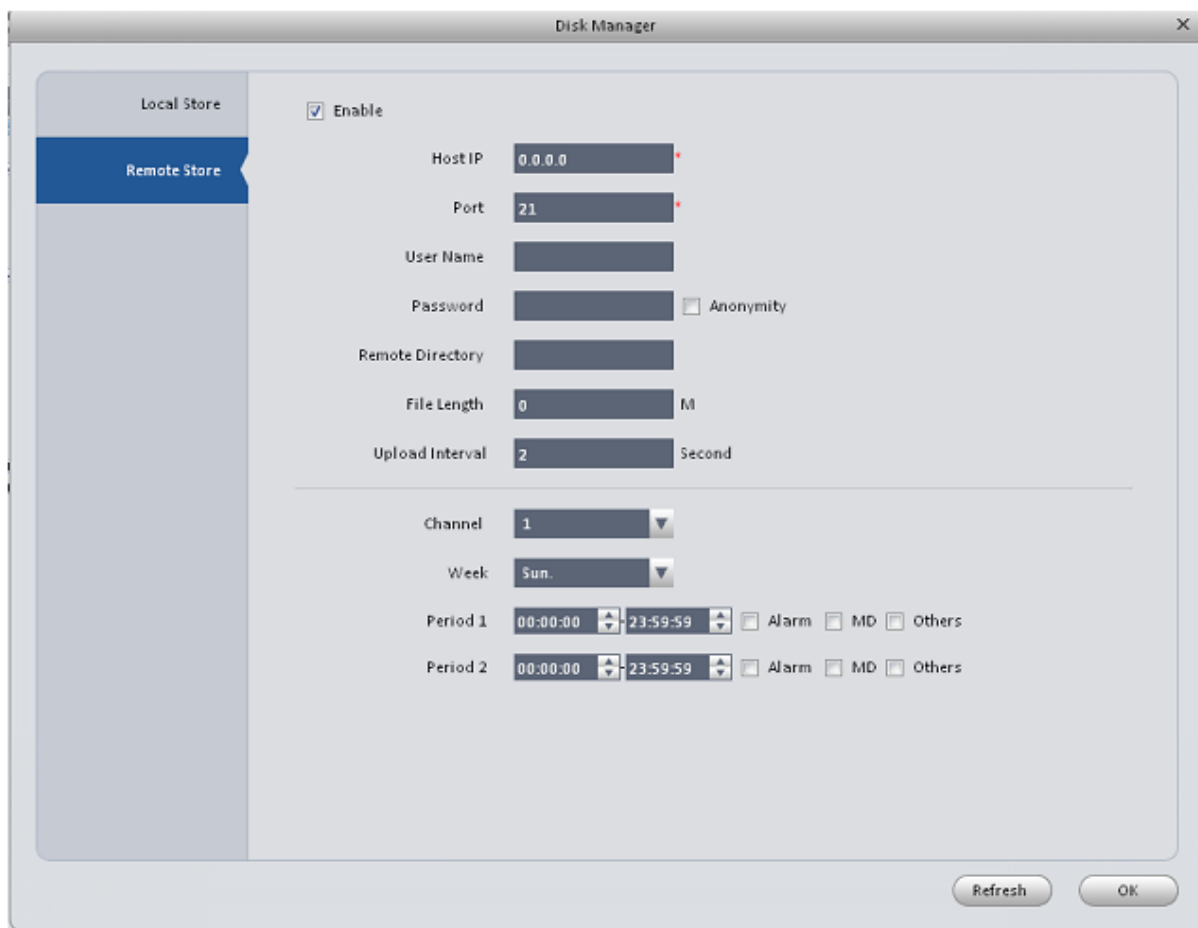




Hình 3-50

6.3.2.2. Lưu trữ từ xa

Nó là dành cho bạn upload dữ liệu với máy tính qua FTP. Xem Hình 3-51.

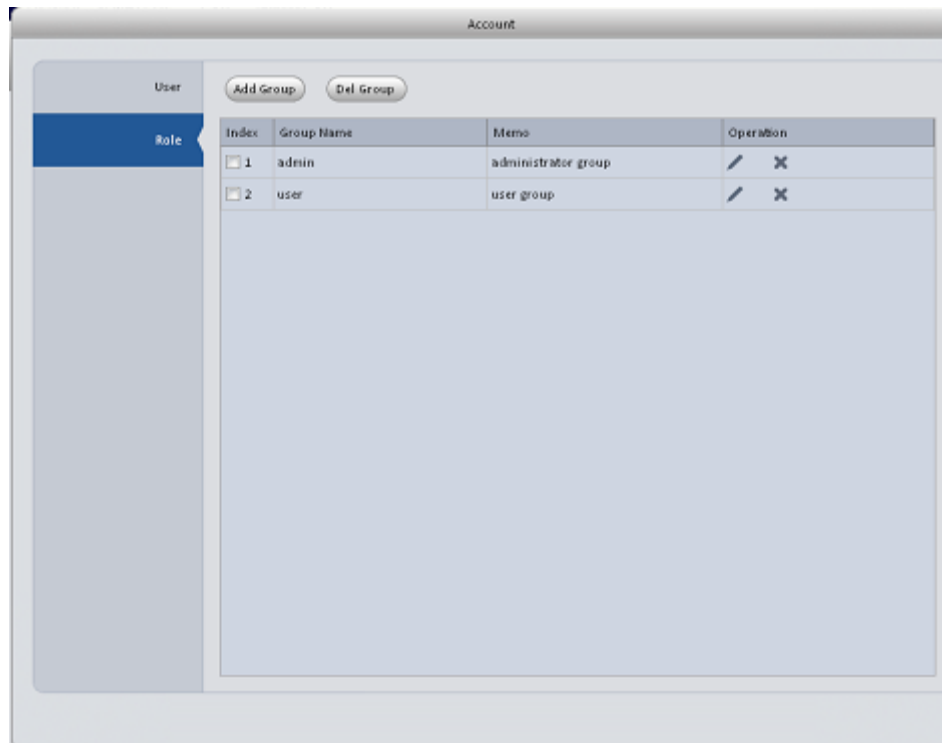


Hình 3-51

6.4. Disk Maintenance

6.4.1. Tài khoản

Ở đây bạn có thể thêm / sửa đổi / xóa một nhóm hoặc thêm / sửa đổi / xóa một người dùng. Hệ thống nhóm người dùng mặc định là admin / người dùng. Hệ thống sử dụng mặc định là nút / 888888 / Tài khoản 666666. Click admin trong tín hiệu giao diện và sau đó nhấp vào nút Role. Xem Hình 3-52



Hình 3-52

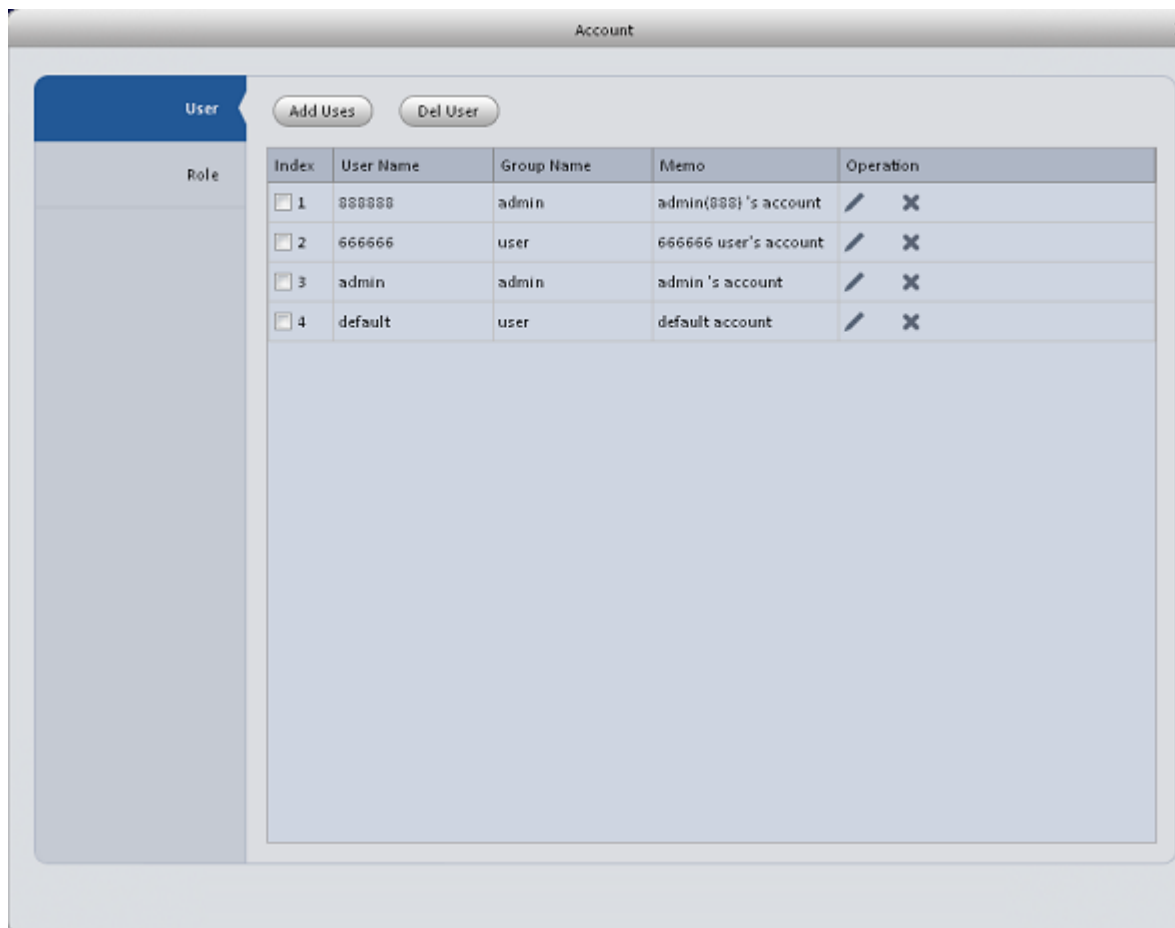
Nhấp vào nút Add group, bạn có thể thấy hệ thống hiện lên giao diện sau đây. Xem Hình 3-53. Vui lòng nhập tên nhóm và sau đó chọn các quyền tương ứng, nhập vào một số thông tin lưu ý để bạn tham khảo nếu cần thiết. Nhấn nút OK để thoát.



Hình 3-53

Tới các giao diện người dùng, ở đây bạn có thể thêm / xóa người sử dụng và sửa đổi tên người dùng. Xem Hình 3-54.





Hình 3-54

Nhấp vào nút Add user, bạn có thể thấy giao diện sau đây. Xem Hình 3-55. Xin tên người sử dụng, mật khẩu, và chọn một nhóm từ danh sách thả xuống. Chọn quyền tương ứng và sau đó nhấp vào nút OK.

Lời khuyên

Nếu bạn muốn nhiều người dùng sử dụng đăng nhập tài khoản này cùng một lúc, bạn cần phải kiểm tra hộp reuseable để chọn chức năng tái sử dụng.



Add User

User Name Reusable

Password

Confirm Password

Group

Memo

Rights List Check All

- Ctr Panel
- Shutdown
- Monitor
- Monitor_01
- Monitor_02
- Monitor_03
- Monitor_04
- Monitor_05

OK Cancel

Hình 3-55

6.4.2. Maintenance

6.4.2.1. Host

Ở đây bạn có thể thiết lập thời gian hệ thống, định dạng ngày tháng, thời gian thu và v..v Xem Hình 3-56

Maintenance

Local Setup

Date&Time

RS232

Auto Maintenance

Version

Device Name

Device No

Language

Video Standard

Pack Duration minute(1-120)

When disk is full

Refresh OK

Hình 3-56

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Tính năng
Device name	Nó để cho bạn cài đặt tên thiết bị
Device No.	Khi bạn đang sử dụng một điều khiển từ xa để quản lý nhiều thiết bị, bạn có thể cung cấp cho một số serial với thiết bị Trước khi vận hành, hãy chắc chắn rằng địa chỉ mà bạn đã nhập nút trên điều khiển từ xa và đầu vào một số cho các thiết bị hiện nay.
Language	Bạn có thể chọn ngôn ngữ từ danh sách. Xin lưu ý các nhu cầu thiết bị khởi động lại để có được những thay đổi mới
Video Standard	Hiển thị các chuẩn hình ảnh như PAL
HDD full	Dưới đây là dành cho bạn để chọn chế độ làm việc khi đĩa cứng đầy. đó hai lựa chọn: dừng ghi âm hoặc ghi đè. <ul style="list-style-type: none"> Nếu HDD làm việc hiện tại được ghi đè hoặc các HDD hiện nay đầy trong khi HDD tiếp theo là không có sản phẩm nào, sau đó hệ thống dừng ghi Nếu HDD hiện nay là đầy và sau đó HDD tiếp theo không phải là trống rỗng, sau đó hệ thống sẽ ghi đè lên các tập tin trước đó.
Khung thời gian	Dưới đây là dành cho bạn để xác định thời gian kỷ lục

6.4.2.2. Date & Time

Những ngày tháng và thời gian giao diện được hiển thị như trong hình 3-57.



Hình 3-57

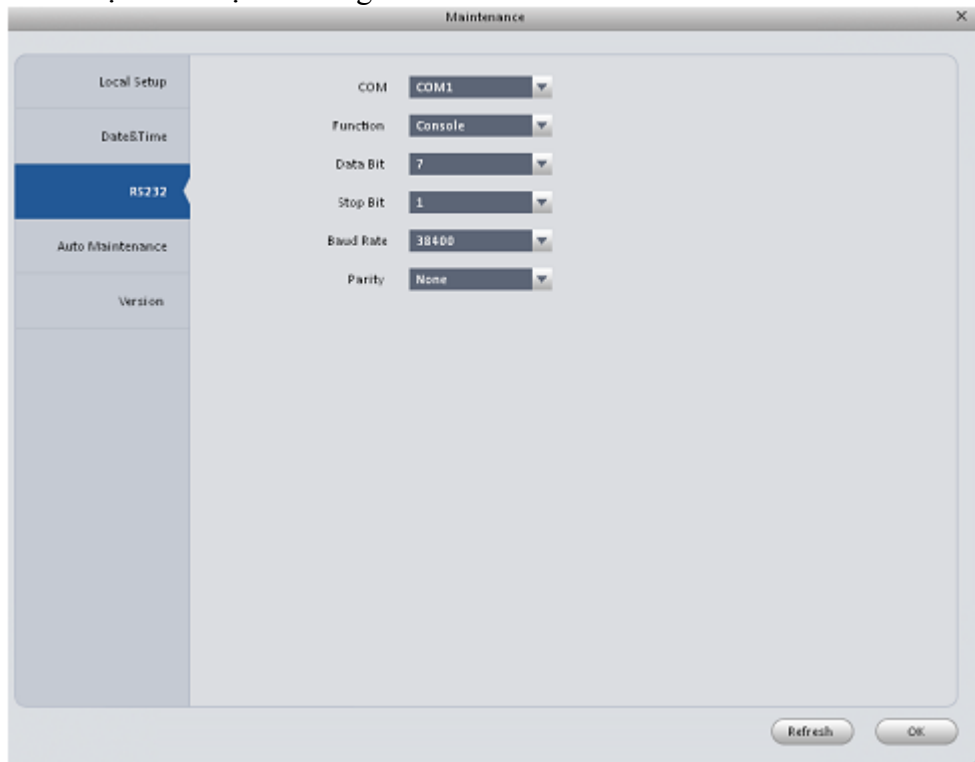
Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Tính năng
Date format	Ở đây bạn có thể chọn định dạng ngày tháng từ danh sách

Time Format	Có 2 tùy chọn là 24h và 12h
Time zone	Chọn vùng thời gian của hệ thống
System time	Nó là để thiết lập thời gian hệ thống. Nó có hiệu lực sau khi bạn thiết lập
Sync PC	Đồng bộ
DST enable	Ở đây bạn có thể thiết lập ngày đêm tiết kiệm thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc. Bạn có thể thiết lập theo định dạng ngày hoặc theo định dạng tuần
NTP	Bạn có thể kiểm tra hộp để bật chức năng NTP.
NTP server	Bạn có thể thiết lập thời gian địa chỉ máy chủ
Port	Nó là để thiết lập các cổng thời gian máy chủ
Update period	Nó là để thiết lập thời gian đồng bộ giữa các thiết bị và các máy chủ thời gian

6.4.2.3. RS232

Giao diện RS232 được hiển thị như trong hình 3-58.



Hình 3-58

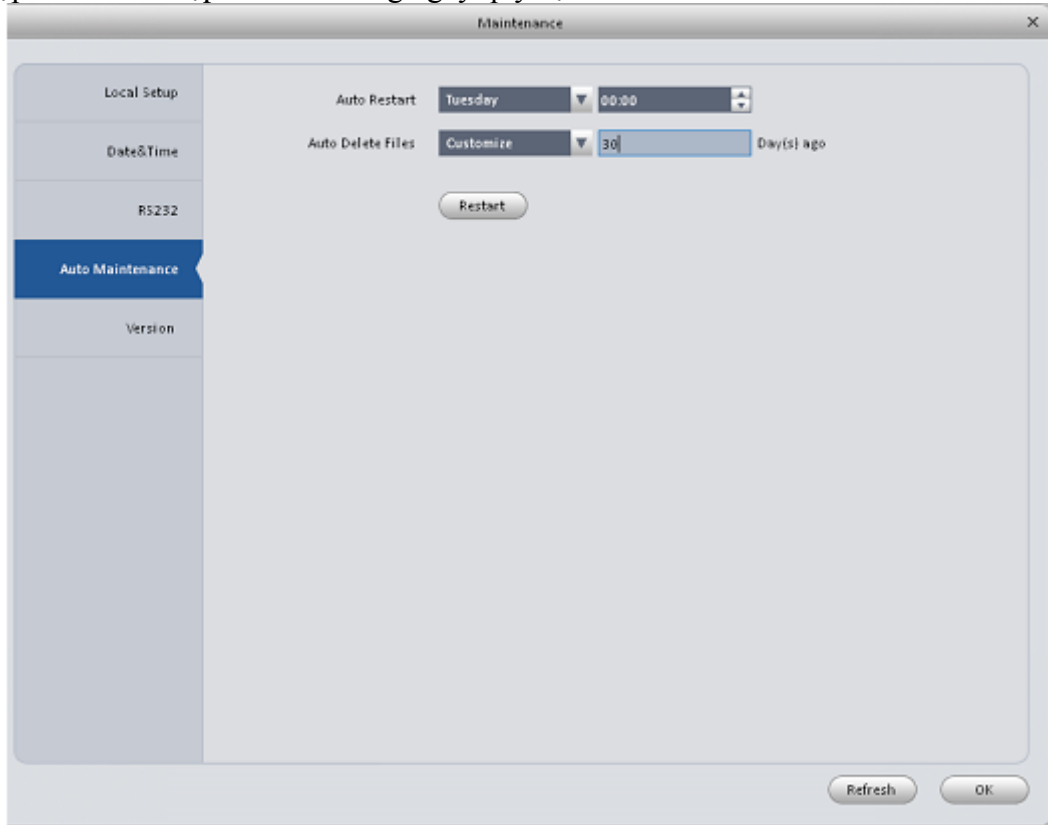
Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Thông số	Tính năng
COM	Bạn cần chọn trong hộp danh sách
Function	<p>Có các thiết bị khác nhau cho bạn lựa chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Console: Bạn có thể sử dụng COM hoặc mini-end phần mềm để nâng cấp hoặc gỡ lỗi chương trình. • Key board: để bạn có thể kiểm soát các thiết bị thông qua bàn phím đặc biệt. • Transparent COM (adapter) : là để kết nối với máy tính để truyền dữ liệu trực tiếp. • Protocol COM: là chức năng cho thẻ Netkeyboard : là dành cho bạn để sử dụng bàn phím đặc biệt để điều khiển thiết bị.

Baud Rate	Mặc định là 115200.
Data Bit	Mặc định là 8.
Stop bit	Mặc định là 1
Parity	Mặc định là None

6.4.2.4. Auto Maintenance

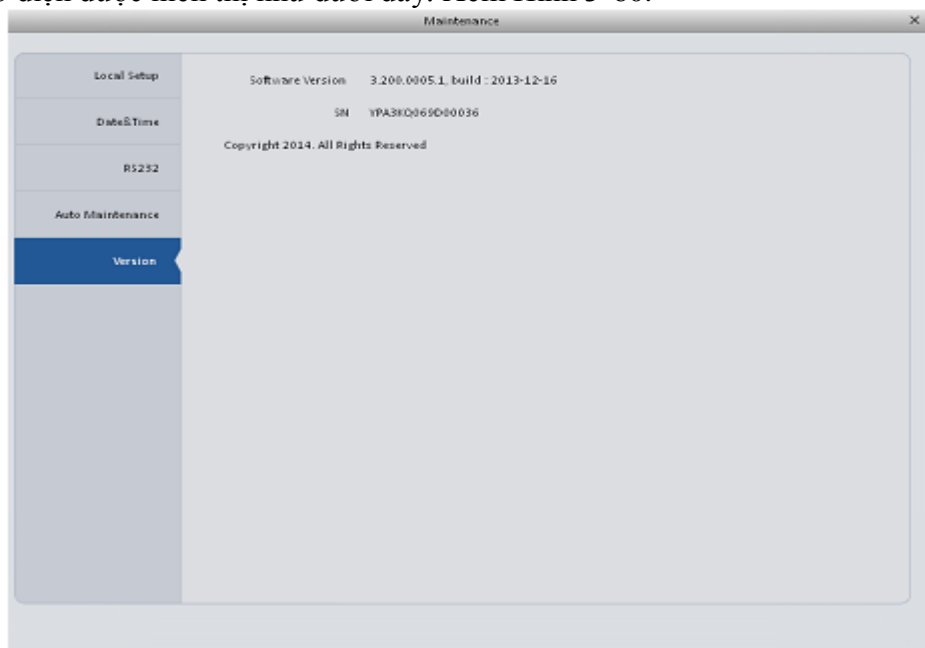
Ở đây bạn có thể thiết lập thời gian tự động khởi động lại và tự động xóa các file cài đặt cũ. Bạn có thể thiết lập để xóa các tập tin cho những ngày quy định. Xem Hình 3-59.



Hình 3-59

6.4.2.5. Version (phiên bản)

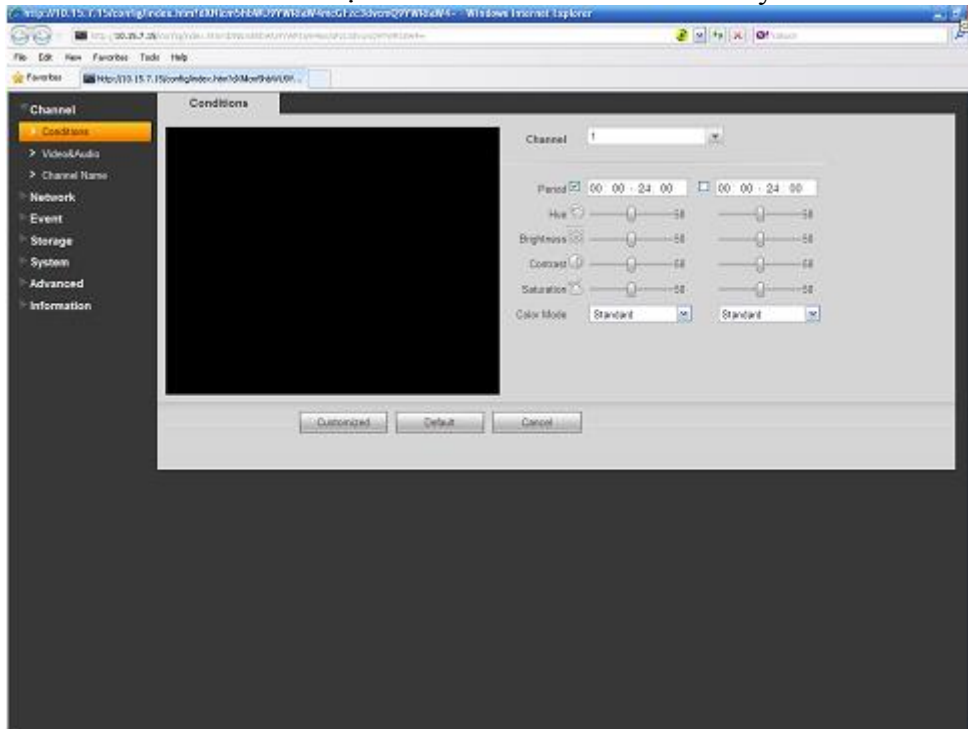
Phiên bản giao diện được hiển thị như dưới đây. Xem Hình 3-60.



Hình 3-60

6.4.3. WED

Click vào nó để đi đến WEB của thiết bị. Xem Hình 3-61. Hình dưới đây chỉ dành cho tham khảo.




Hình 3-61

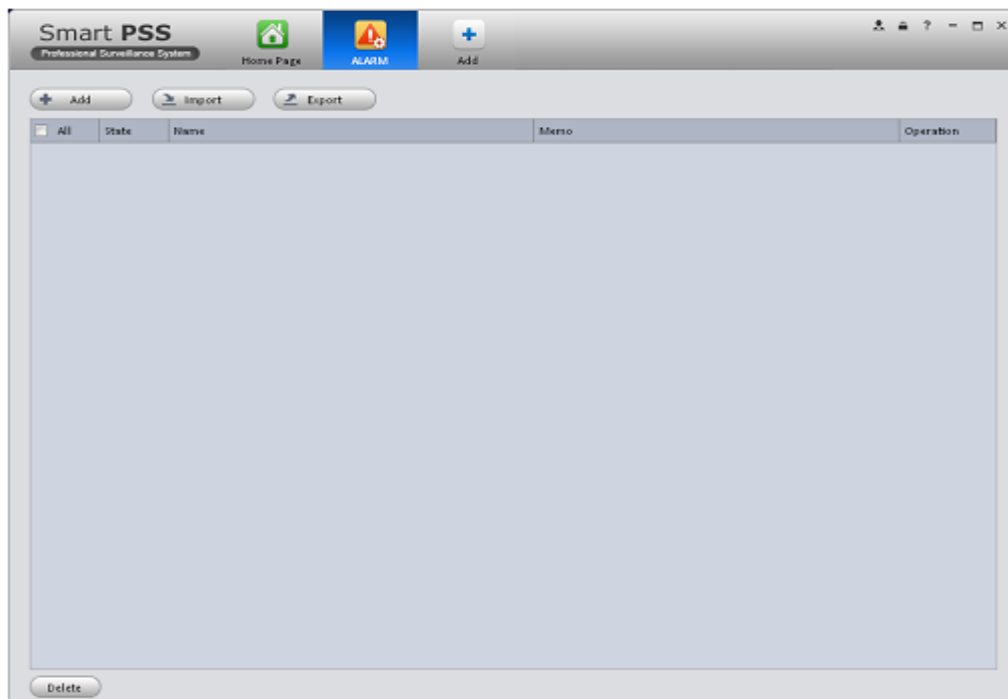
7. Alarm setup (Cài đặt báo động)

7.1. Cài đặt kế hoạch báo động

Bạn có thể làm theo các bước dưới đây để thiết lập một chương trình báo động.

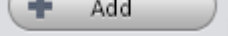


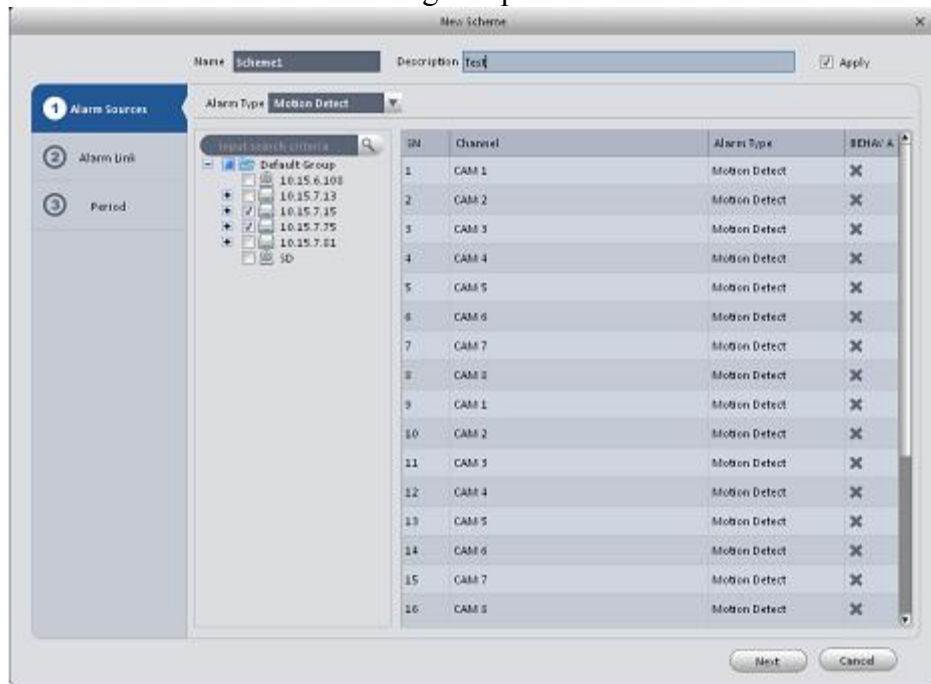
- 1) Nhấn vào  trong trang cài đặt, bạn có thể vào giao diện cấu hình báo động. Xem Hình 3-62



Hình 3-62

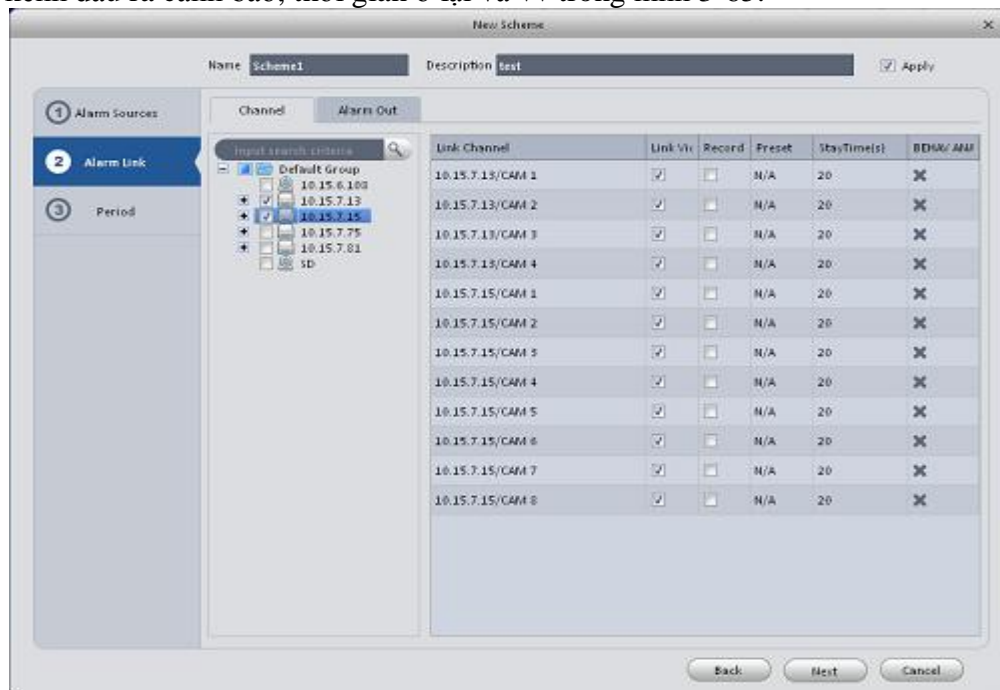
2) Cài âm báo động

- Nhấn vào nút  trong hình 3-62. Hệ thống sẽ đi đến giao diện thiết lập âm thanh báo động. Nhìn hình 3-63
- Ở đây bạn có thể nhập vào một tên chương trình và một số thông tin tham khảo. chọn kiểu báo động từ danh sách.
- Kiểm tra hộp để chọn một kênh mà bạn muốn thiết lập để án báo động trên cửa sổ bên trái; bạn có thể thêm nó vào danh sách ở khung bên phải.

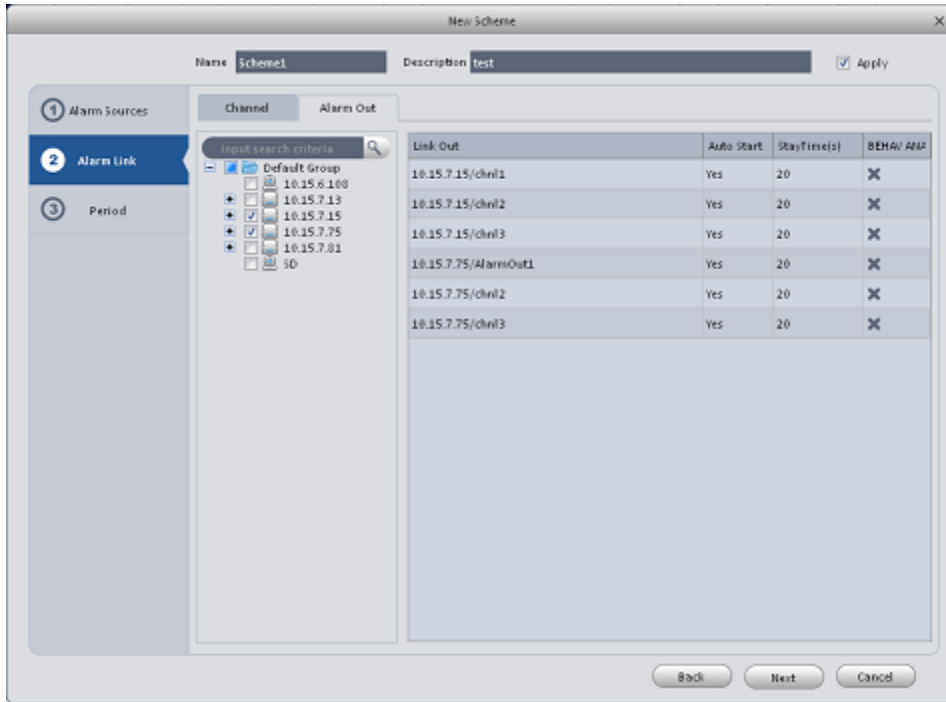


Hình 3-63

- Nhấn vào báo thức liên kết trên khung bên trái hoặc bấm vào nút tiếp theo trong hình 3-63, bạn có thể vào giao diện sau đây. Vui lòng kiểm tra các kênh kích hoạt trong hình 3-64 và kênh đầu ra cảnh báo, thời gian ở lại và vv trong hình 3-65.

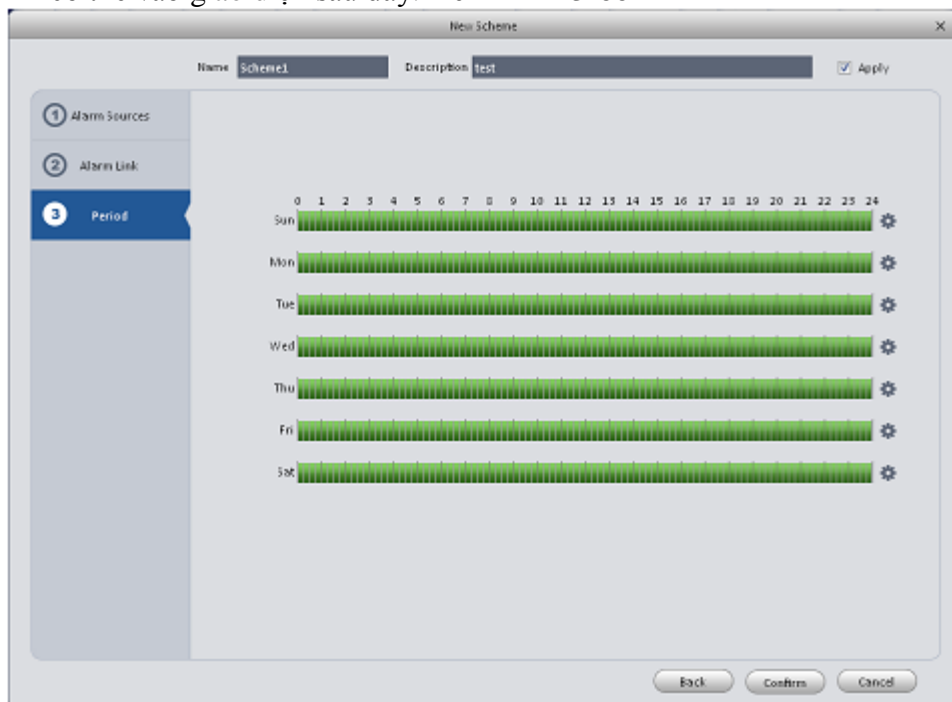


Hình 3-64



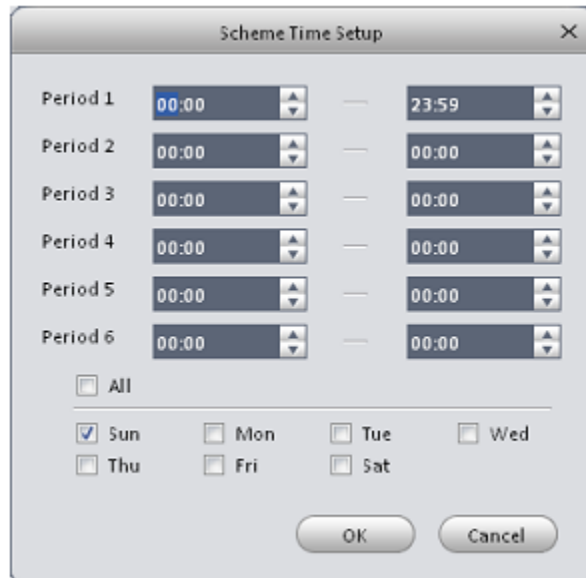
Hình 3-65

e) Nhấn vào nút Thời gian trên khung bên trái hoặc bấm vào nút tiếp theo trong hình 3-64, bạn có thể vào giao diện sau đây. Xem Hình 3-66



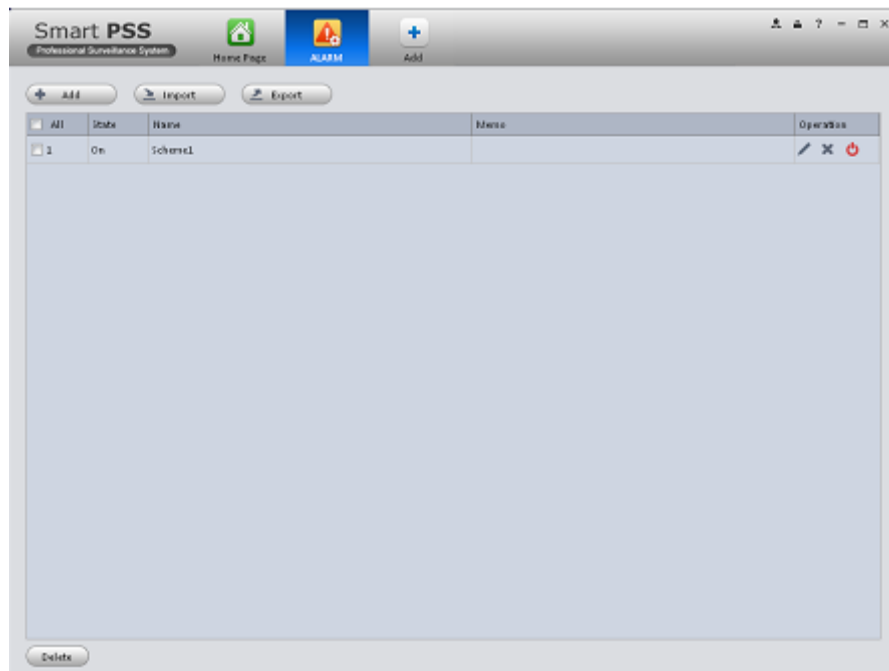
Hình 3-66

Click để thiết lập khoảng thời gian kích hoạt báo động. Có sáu giai đoạn trong một ngày. Xem Hình 3-67. Nhấn nút OK để thoát.



Hình 3-67




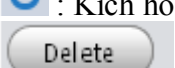

- f) Nhấn vào nút OK, bạn có thể xem các thông tin về chương trình giao diện thiết lập báo động. Xem Hình 3-68.



Hình 3-68

7.2. Enable/Disable/Export Scheme

Sau khi bạn đã thêm vào một chương trình, bạn có thể xem các nội dung sau đây để có thông tin hoạt động.

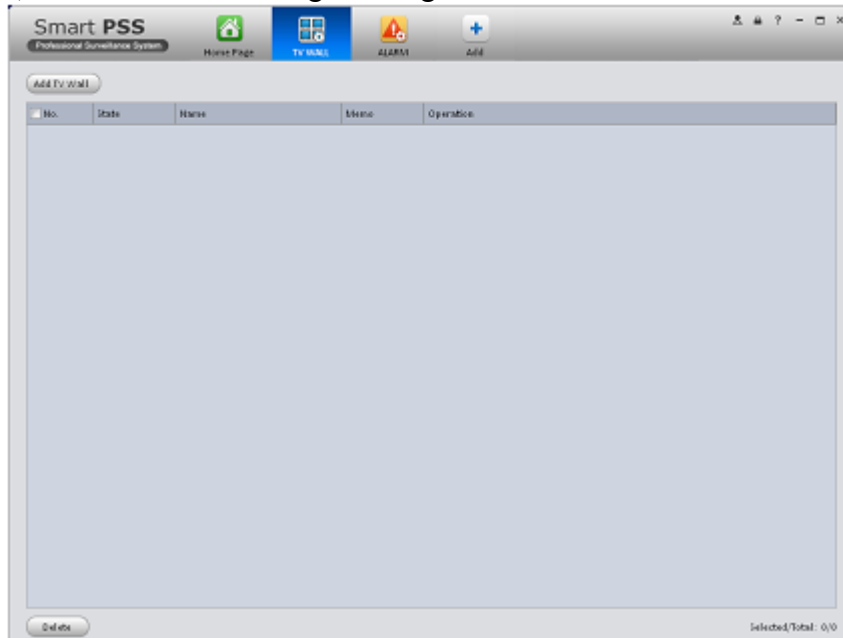
-  : Xóa chương trình
-  : Tắt chương trình
-  : Kích hoạt chương trình
-  : Chọn một hoặc nhiều chương trình (s) và sau đó nhấp vào nút này để xóa.
-  : Nhập thông tin kế hoạch.

- Export : Xuất thông tin kế hoạch

8. Cấu hình TV Wall

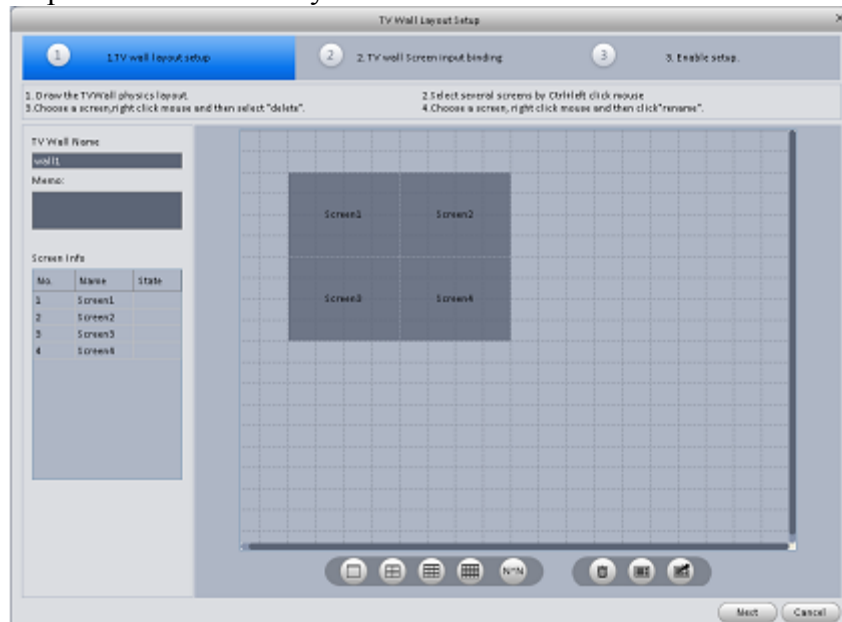
Chức năng này cho phép bạn video đầu ra cho các bức tường TV. Hãy làm theo các bước được liệt kê dưới đây.

- 1) Click hệ thống sẽ đến giao diện cài đặt TV wall. Nhìn hình 3-69



- 2) Nhấn vào nút Add TV wall, bạn có thể thêm tên vào mô tả

- 3) ở dưới cùng của giao diện cho bạn thiết lập 1 * 1, 2 * 2, 3 * 3 hoặc 4 * 4 TV wall. Nhấp vào màn hình ở đây để vẽ hình bố trí TV wall. Xem Hình 3-70.



Hình 3-70

Chú ý

- Bạn có thể bấm vào để tùy chỉnh TV wall của bạn

- Sử dụng Ctrl + chuột trái để chọn 1 số màn hình, nhấp chuột phải để ghét nối hoặc nhấn . Bạn có thể kết hợp 1 số màn hình để thành màn hình ghép nối. Nhấn chuột phải chọn không ghép nối hoặc bạn có thể hủy ghép nối.
- Chọn một màn hình và nhấn chuột phải chọn rename hoặc delete, bạn có thể đổi tên màn hình hoặc xóa một màn hình. Nhấn vào bạn có thể xóa tất cả màn hình.

Nhấn vào nút next chọn , bạn có thể đi đến giao diện công vào TV wall

4) Liên kết kênh mã hóa

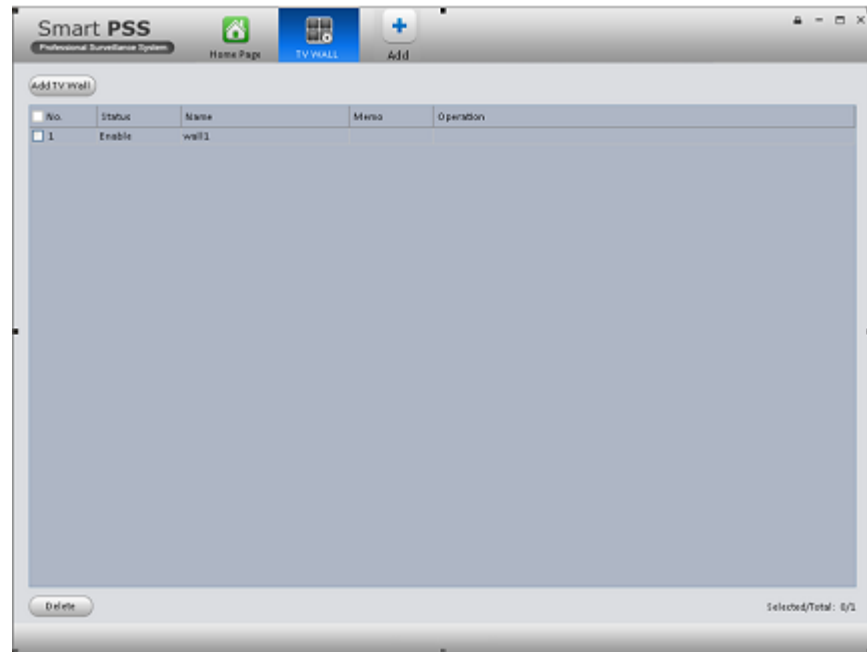
Chọn kênh giải mã và sau đó kéo nó vào màn hình tương ứng của TV wall. Xem Hình 3-71.




Hình 3-71

Nhấn vào nút next hoặc bạn có thể kích hoạt giao diện trạng thái

- 5) Kiểm tra hộp ngay enable setup. Sau đó nhấn nút Finish. Bạn sẽ thấy giao diện như hình 3-72




Hình 3-73

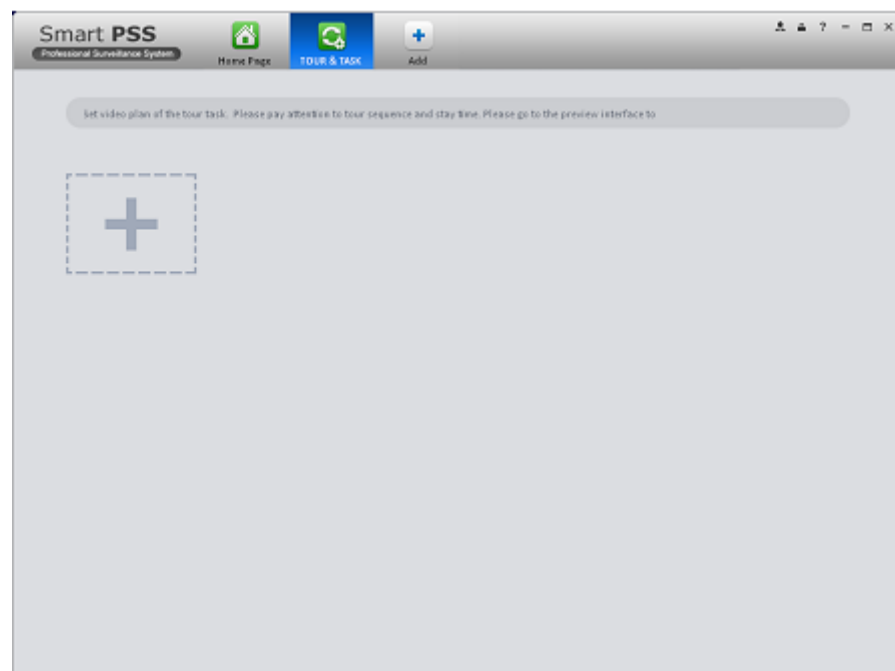
Trong hình 3-73, nhấn 2 lần vào TV wall, hoặc chọn TV wall và nhấn vào nút Modify. Bạn có thể thay đổi cài đặt. bạn cũng có thể nhấn vào nút delete hoặc remove. Trong status column, bạn cần chọn kích hoạt hoặc không kích hoạt TV wall. Nhấn vào  bạn có thể thay đổi cài đặt bật/tắt TV wall.

9. Tour & Task



Đó là để giám sát lịch trình trong mỗi cửa sổ. Hãy làm theo các bước dưới đây để cài đặt.

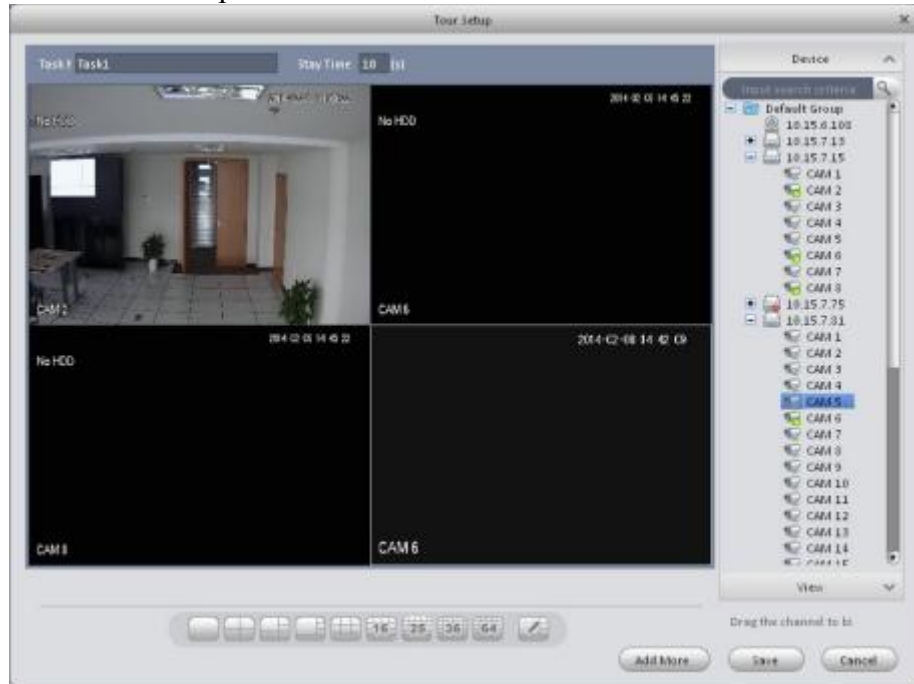


- Nhấn vào icon  trong trang Setting. Bạn có thể vào giao diện giám sát. Xem Hình 3-73.



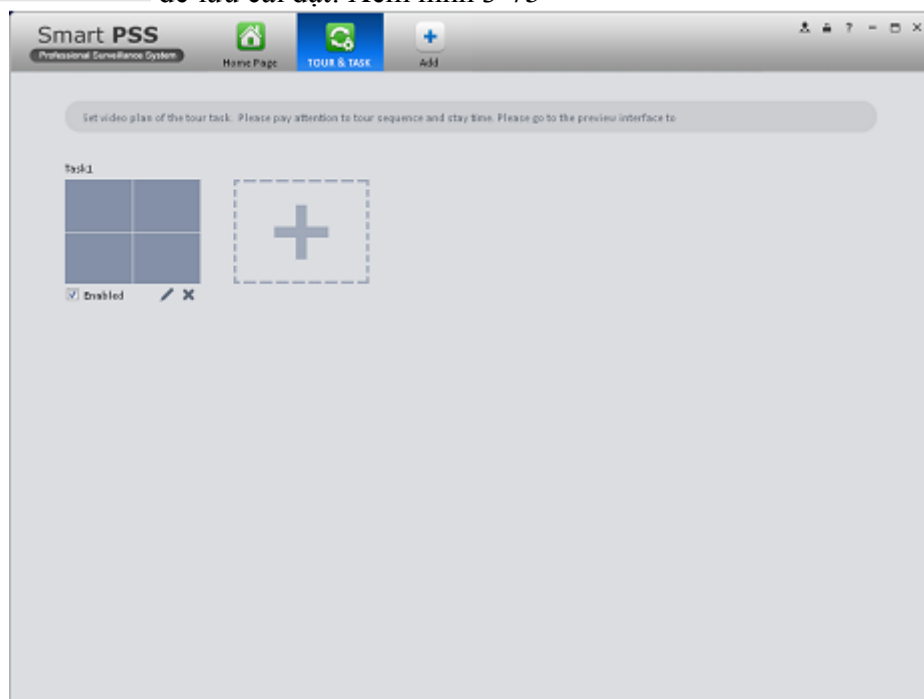
Hình 3-73

- Nhấn vào nút  đến với giao diện Add task
- Điền tên task, thời gian ở lại
- Nhấn vào  ở dưới cùng của giao diện để lựa chọn số giao diện
- Kéo kênh trên cửa sổ bên phải để vào các cửa sổ bên trái. Xem Hình 3-74.



Hình 3-74

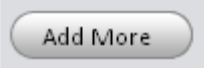


- Nhấn vào  để lưu cài đặt. Xem hình 3-75

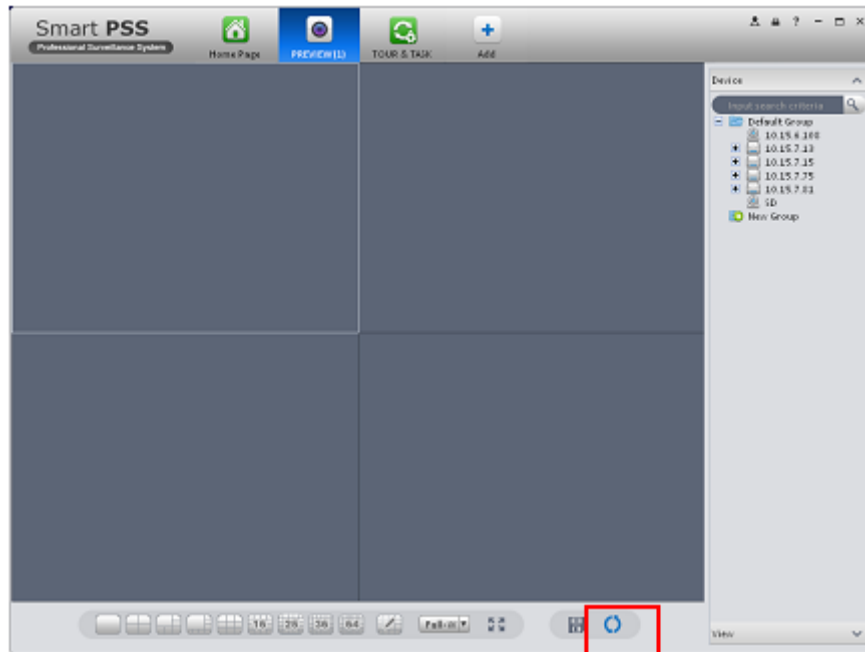


Hình 3-75

Lời khuyên:



Nhấn  để lưu thiết lập và thêm các tasks khác trong cùng 1 thời gian. Trong hình 3-75 bạn có thể kiểm tra nút kích hoạt để mở chương trình hiện tại. Hoặc bạn có thể vào giao diện chính và sau đó nhấp vào nút Preview  để đi đến giao diện sau đây. Xem hình 3-76. Nhấn vào  ở dưới cùng của giao diện cho kích hoạt trình này.



Hình 3-76

10. PC-NVR

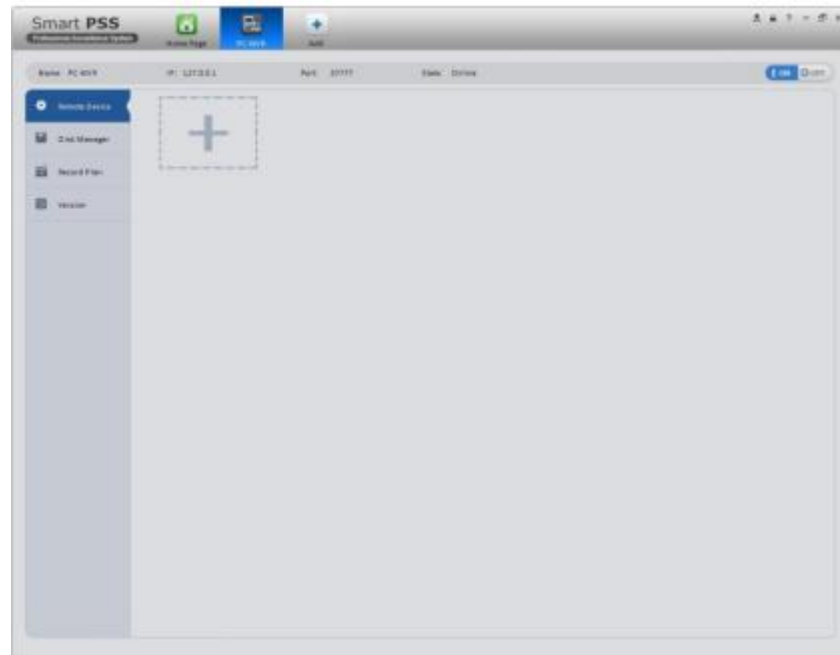
Quan trọng

Trước khi bạn sử dụng chức năng này, hãy chắc chắn rằng bạn đã cài đặt PC-NVR và các ứng dụng PC-NVR đang chạy!

Chức năng này cho phép bạn lưu trữ tập tin bản ghi trên máy tính để sử dụng hiệu quả băng rộng. Bạn có thể thêm, chỉnh sửa hoặc xóa PC-NVR và thiết lập thông số PC-NVR. Hãy làm theo các bước được liệt kê dưới đây.




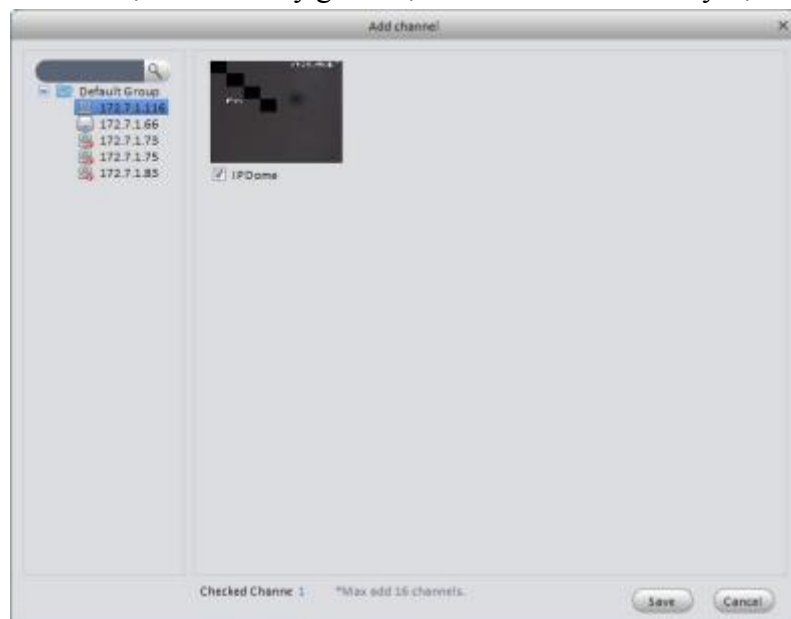
- 1) Nhấn vào icon  trong trang Setting, bạn có thể đi giao diện PC-NVR. Xem Hình 3-77.



Hình 3-77

2) Thiết bị từ xa

- a) Nhấn vào nút  bạn có thể thấy giao diện như hình 3-78. Ở đây bạn có thể thêm kênh

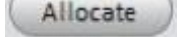


Hình 3-78

- b) Hãy lựa chọn một thiết bị và sau đó kiểm tra các chế độ ghi các kênh
c) Nhấn vào nút Save

3) Quản lý ổ cứng


- a) Trong hình 3-77, bấm vào nút quản lý ổ cứng trên cửa sổ bên trái, bạn có thể vào giao diện cài đặt.

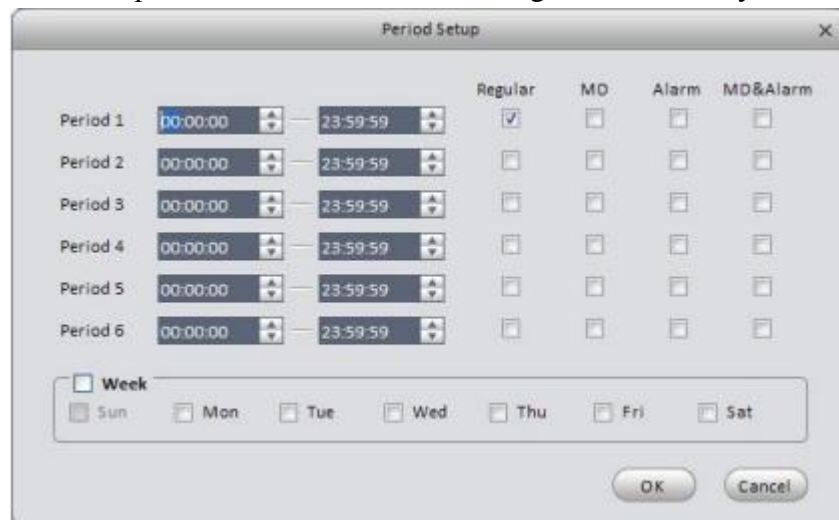
- b) Bạn có thể chọn ổ lưu lại và sau đó nhấp vào  Xem hình 3-79



Hình 3-79

4) Thêm kế hoạch lưu trữ

- a) Trong hình 3-77, bấm nút Record plan trên khung bên trái. Và sau đó lựa chọn một kênh từ danh sách và sau đó nhấp vào nút . Bạn có thể vào giao diện sau đây. Xem Hình 3-80.



- b) Hãy thiết lập thông tin khoảng thời gian, chế độ ghi
c) Hãy đặt thời gian tương ứng và sau đó nhấp vào nút OK. Bạn có thể thấy một giao diện hiển thị như trong hình 3-81.




Hình 3-81

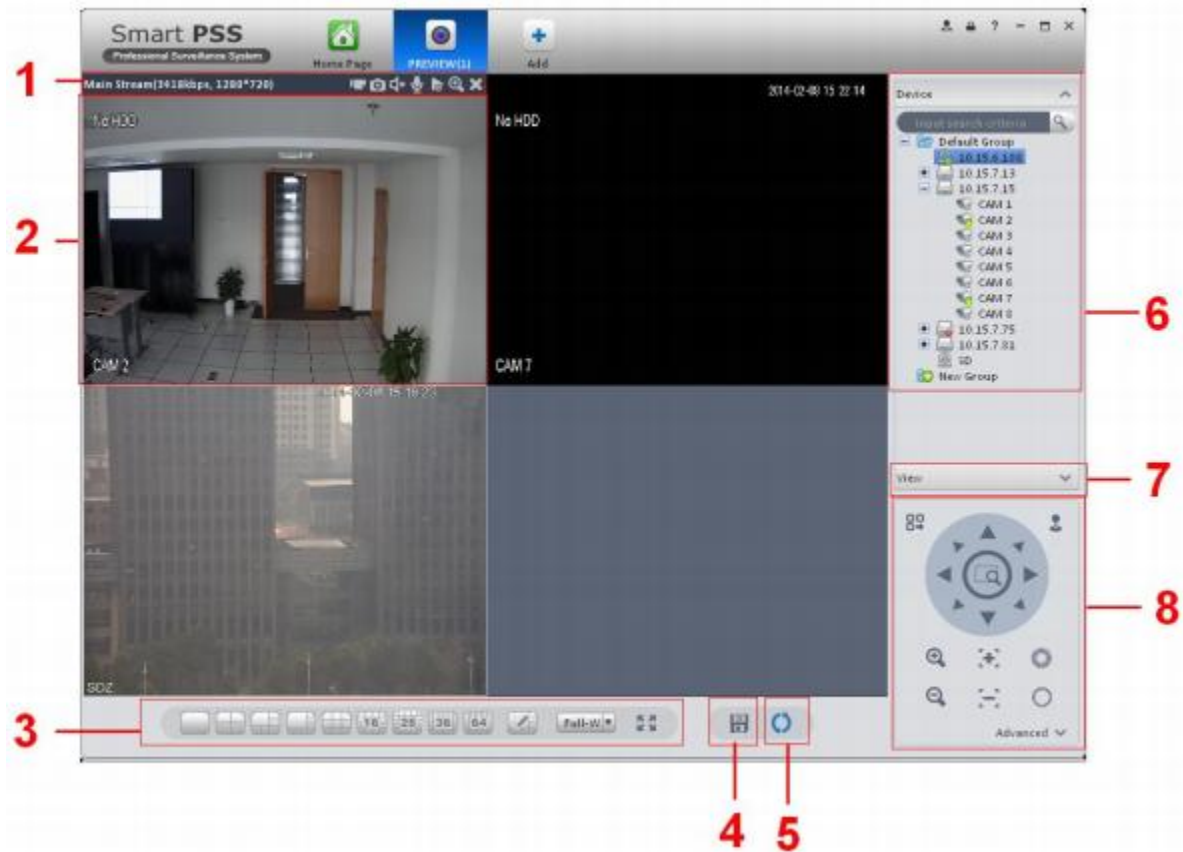
Chú ý:

Sau khi bạn hoàn thành thiết lập cho một kênh, bạn có thể nhấp vào nút Copy trong Hình 3-81 để sao chép thiết lập hiện tại để kênh khác (s).

IV. Hoạt động cơ bản**1. Xem trực tiếp****1.1. Xem thời gian thực**

Sau khi bạn thiết lập nhóm kênh truyền hình, bạn có thể nhận ra thời gian thực xem trực tiếp, ghi âm, snap, hoạt động PTZ và v..v..

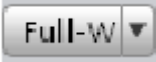

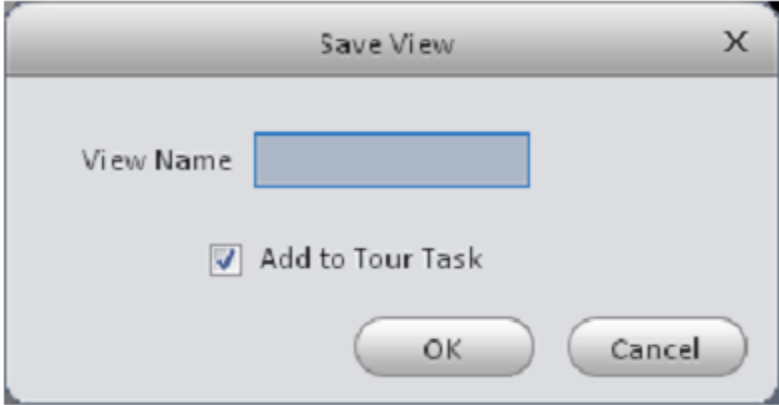

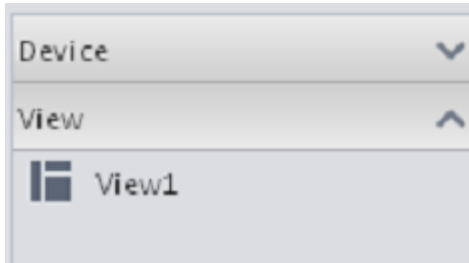
Trên giao diện chính, nhấn vào  trong trang Basic, bạn có thể vào giao diện xem trước. Xem Hình 4-1.



Hình 4-1

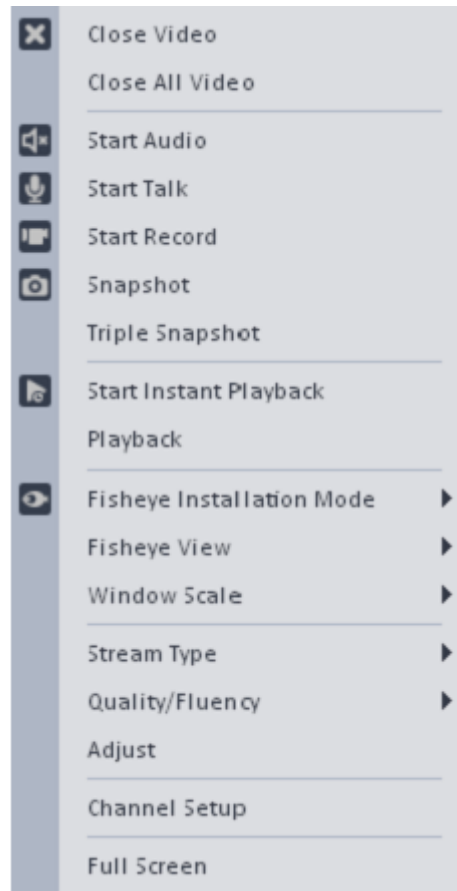
Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

SN	Mục	Tính năng
1	Thông tin khối lượng truyền dữ liệu và phím tắt	<p>Vui lòng tham khảo các nội dung sau đây để biết thông tin chi tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> Bật/ tắt lưu nội bộ Chụp ảnh Tắt/bật âm thanh Bật/tắt đàm thoại Phát lại ngay lập tức Zoom số Đóng cửa sổ
2	Cửa sổ hình ảnh	Hình ảnh thời gian thực
3	Chế độ chia kênh hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> nó để cài chế độ 1->64 khung hình Chọn một cửa sổ và sau đó nhấp vào nút này để thiết lập của nó.

		<ul style="list-style-type: none">  : Điều chỉnh khung hình ảnh  : Toàn màn hình
4	Lưu chế độ xem	<p>Nó là để lưu thiết lập lưu chế độ xem. Click vào nó, bạn có thể thấy một giao diện hiển thị như dưới đây. Xem Hình 4-2. Vui lòng nhập một tên xem và sau đó nhấp vào nút OK.</p>  <p>Hình 4-2</p> <p>Sau khi bạn đã lưu thiết lập điểm hiện tại, bạn có thể nhấp vào nút View tại cửa sổ bên phải (nút 7 trong Hình 4-1) và sau đó nhấp vào một tên để nhanh chóng đi đến thiết lập preview yêu thích của bạn.</p>
5	Kích hoạt lịch trình	<p>Nó để kích hoạt tính tour task. Trước khi bạn sử dụng chức năng này, hãy đi đến chương 3.9 để thêm tour task đầu tiên.</p>
6	Danh mục thiết bị	<p>Nhóm thiết bị hiển thị và các kênh tương ứng. Ở đây bạn có thể tạo một nhóm mới và kéo một thiết bị với nó. Phải bấm vào một kênh, bạn có thể chọn luồng chính/ phụ hoặc nhanh chóng đi đến giao diện cài đặt thiết bị.</p>
7	Quan sát	<p>Sau khi nhấn vào  để lưu chế độ quan sát. (nút 4 trong hình 4-1) bạn cần nhấn vào nút này để nhanh chóng đến chế độ quan sát mà bạn cài đặt</p>  <p>Hình 4-3</p>
8	PTZ	<p>Nó là chế độ điều khiển của camera quay quét, hoặc loạt chế độ của camera mắt cá. Ở đây bạn có thể thiết lập hướng máy ảnh, phóng to, thu nhỏ, iris và vv Nhấn vào nút tiên tiến để thiết lập cài đặt trước, lịch trình, chức năng aux và như vậy.</p>

Chọn một cửa sổ xem trước, nhấp đúp chuột vào một kênh thiết bị trên panel bên phải để mở video. Click đúp vào tên nhóm; bạn có thể mở tất cả các kênh truyền hình theo nhóm hiện nay. Ngay kênh

thiết bị nhấp chuột, bạn có thể chuyển đổi giữa các luồng chính/phụ
Nhấp chuột phải cửa sổ xem trước, bạn có thể thấy một giao diện hiển thị như trong hình 4-4.



Hình 4-4

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Mục	Tính năng
Close video	Nhấn vào nó để đóng 1 cửa sổ
Close all video	Nhấn vào nó để đóng tất cả cửa sổ
Start audio	Nhấn vào nó để bật tính năng âm thanh
Start talk	Nhấn vào nó để bật tính năng đàm thoại
Start record	Nhấn vào nó để bật tính năng lưu nội bộ
Snapshot	Nhấn vào nó để chụp hình. Nó sẽ lưu lại 1 hình ảnh đã chụp
Triple snapshot	Nhấn vào nó để chụp hình. Nó sẽ lưu 3 hình ảnh
Start instant playback	Nó để bật tính năng phát lại ngay lập tức
Play back	Nhấn vào nó để đi đến giao diện phát lại để phát lại của cửa sổ hiện hành.
Fisheye installation mode	Nó để điều chỉnh các chế độ cài đặt mắt cá
Fisheye view	Nó để điều chỉnh chế độ quan sát của mắt cá
Window scale	Nó để điều chỉnh tỉ lệ của cửa sổ
Stream type	Để chuyển giữa luồng chính và luồng phụ
Quality/fluency	
Adjust	Bạn có thể chỉnh sửa độ sáng, độ tương phản, màu sắc, độ bão hòa của hình ảnh

Channel setup	Nhấn vào đó để đến giao diện cài đặt kênh
Full- screen	Nhấn vào nó để chuyển sang chế độ toàn màn hình. Bạn có thể nhấp đúp chuột vào cửa sổ hình ảnh hoặc click chuột phải rồi chọn exit toàn màn hình để thoát.

1.2.Record (Ghi)


Trong suốt quá trình xem trực tiếp, bạn có thể thực hiện những bước dưới đây để ghi lại.

Trong giao diện xem trước tiếp, nhấn chuột phải sau đó chọn nút Record, hoặc bạn có thể ấn nút



ở phía bên trên khung hình ảnh.

Khi biểu tượng chuyển sang  có nghĩa là thiết bị đang được ghi.

Bạn có thể nhấn chuột phải chọn stop record hoặc nhấn vào biểu tượng  để dừng ghi.

File lưu mặc định sẽ được nằm ở SmartPss/Record. Bạn có thể đến mục 3.3 General và sau đó chọn biểu tượng thiết lập tập tin để sửa đổi bản ghi lưu đường dẫn.

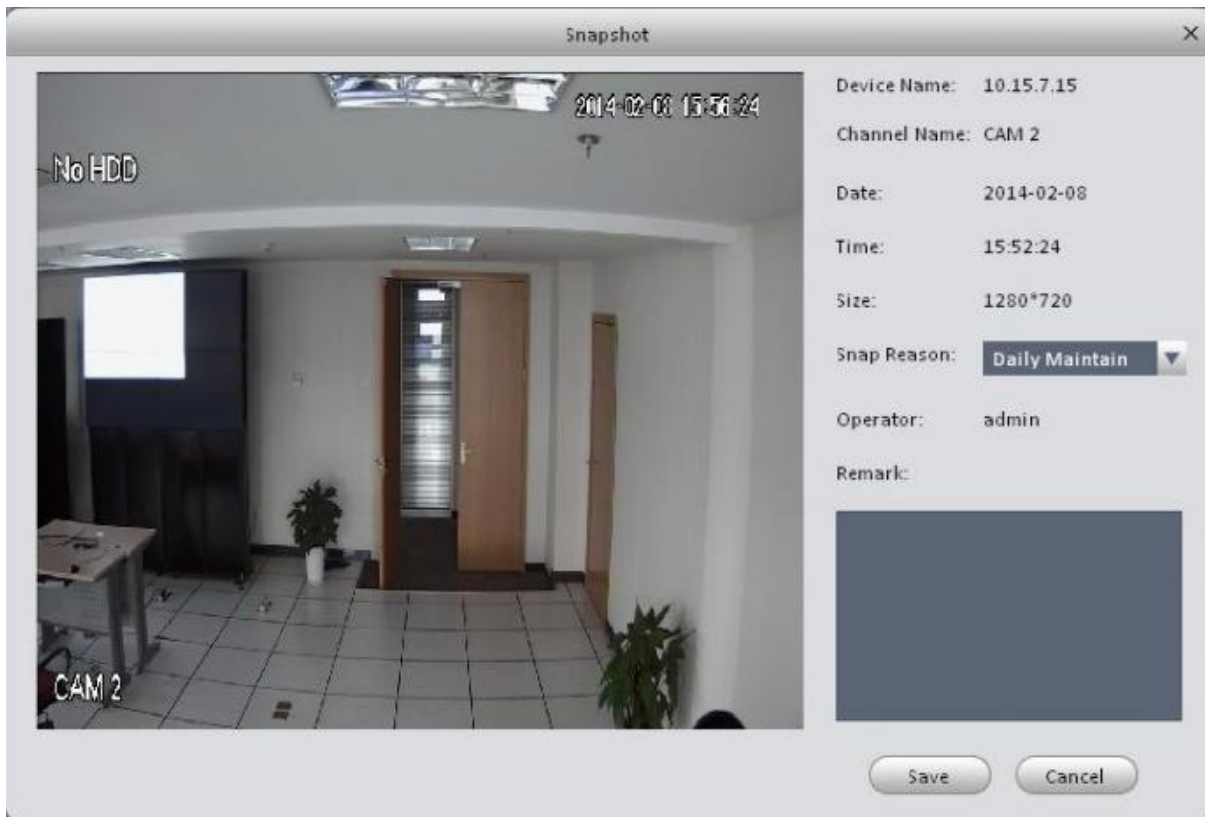
1.3.Snapshot

Trong quá trình xem trước, bạn có thể làm theo các bước dưới đây để chụp.

- 1) Trên cửa sổ xem trước, nhấp chuột phải và chọn snapshot. Bạn có thể thấy hệ thống hiện lên hộp thoại chụp hình. Xem Hình 4-5.

Lời khuyên:

Bạn có thể nhấn vào biểu tượng  ở bên trên khung hình ảnh



Hình 4-5

- 2) Vui lòng chọn tham số tương ứng từ danh sách thả xuống lý do chụp ảnh và sau đó nhập vào các thông tin trong cột Remark.
- 3) Nhấp vào nút saver, bạn có thể thấy hệ thống nhắc nhở "snapshot successfully"
Trên cửa sổ xem trực tiếp, bấm chuột phải và sau đó nhấp vào Triple snapshot, bạn có thể chụp ba hình ảnh cùng một lúc. Bạn có thể thấy các hộp thoại tương ứng nếu các ảnh chụp thành công. Những hình ảnh lưu mặc định đường dẫn là SmartPSS / chụp. Ở đây bạn có thể đi đến chương 3.3 General, sau đó chọn biểu tượng thiết lập tập tin để thay đổi đường dẫn lưu hình ảnh.




1.4.PTZ

Nếu các loại thiết bị là camera quay quét hoặc camera fisheye, bạn có thể nhấp vào nút PTZ để thiết lập. Xem Hình 4-6 ..



Hình 4-6

Xin vui lòng xem bảng bên dưới để biết thêm thông tin

Mục	Chức năng
PTZ Menu	Nhấn vào  để đến PTZ Menu. Xem hình 4-7  Hình 4-7
Nút định hướng	Nó để thiết lập hướng di chuyển
Chuột giả lập	Nhấn vào  bạn có thể dùng chuột để điều khiển PTZ
Định vị 3D	Nó cho phép bạn phóng to hoặc thu nhỏ vùng quy định. Xin lưu ý, bạn chỉ có thể sử dụng chuột để điều khiển.
Step	Nó là để kiểm soát tốc độ di chuyển PTZ. Nó hỗ trợ giá trị từ 1 tới giá trị 8


Zoom	Nó là để kiểm soát tốc độ, chức năng zoom.
Focus	Nó là để điều chỉnh độ nét hình ảnh
Iris	Nó là để điều chỉnh độ sáng.
Preset	Có 128 cài đặt trước theo mặc định. Bạn có thể thiết lập camera với cài đặt trước theo quy định. Sử dụng các phím hướng để di chuyển camera đến vị trí mong muốn của bạn và sau đó giá trị đầu vào cài sẵn. Nhấn vào nút Set, bạn đã thiết lập một cài đặt trước.
Tour	Chức năng này cho phép camera di chuyển giữa các số cài đặt trước.
Auto rotate	Nó là để kích hoạt chức năng tự động xoay
Aux 1	Nó là để thiết lập aux
Scan	Nó là để thiết lập hai giới hạn như vậy là camera có thể di chuyển qua lại.
Pattern	Camera có thể ghi nhớ hoạt động của camera như pan, tilt, và phóng to để lặp lại.

1.4.1. Preset

Chức năng này cho phép bạn thiết lập camera cho một vị trí xác định.

Cài đặt preset


Xin lưu ý hệ thống hỗ trợ 128 cài đặt trước theo mặc định.

- 1) Trong hình 4-6, sử dụng các phím hướng để di chuyển camera đến vị trí mong muốn của bạn
- 2) Chọn Preset từ danh sách và sau đó lựa chọn một số cài đặt trước (1-128) từ danh sách. Nhấn  để lưu thiết lập hiện tại. Bây giờ bạn có thể thấy một giao diện hiển thị như trong Hình 4-8.



Hình 4-8

Gọi preset.

Trong hình 4-6, chọn preset từ danh sách. Chọn một giá trị từ danh sách thả xuống và sau đó nhấp vào nút Goto , bạn có thể gọi preset


1.4.2. Tour

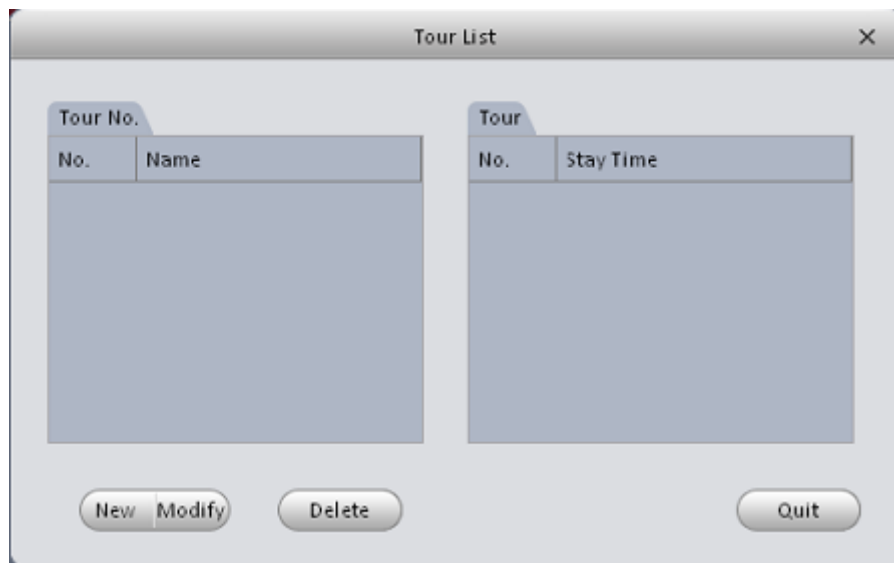
Chức năng này cho phép camera di chuyển giữa các điểm preset cài đặt trước.

Chú ý:

Trước khi bạn sử dụng chức năng này, xin vui lòng thiết lập ít nhất hai cài đặt trước.

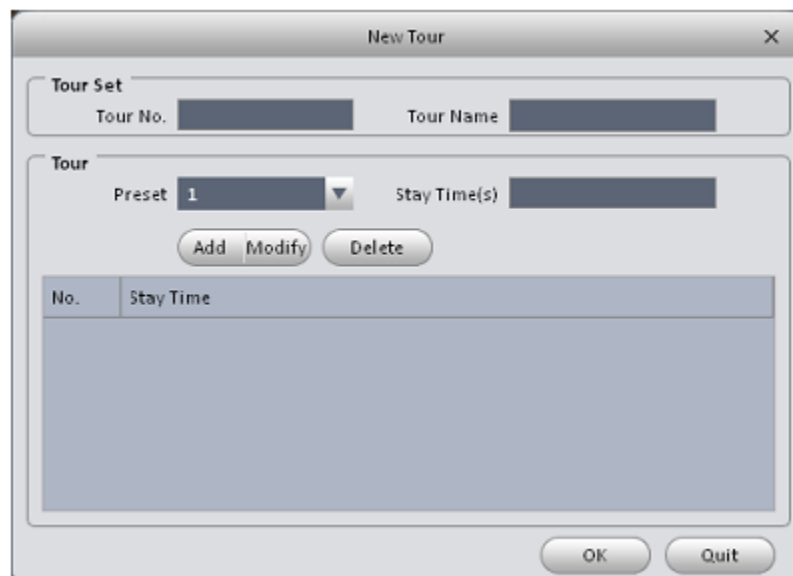
Cài đặt tour

- 1) Trong hình 4-6, chọn Tour từ danh sách và sau đó nhấp vào nút 
- 2) Hệ thống bật lên hộp thoại sau đây. Xem Hình 4-9.



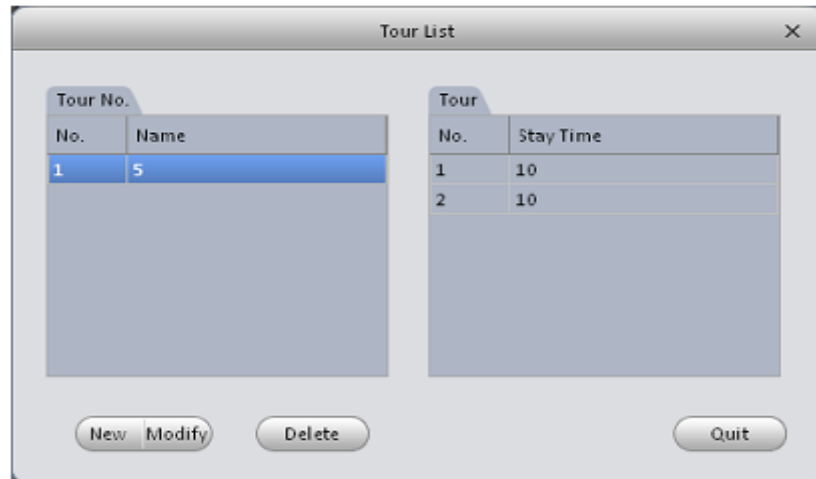
Hình 4-9

- 3) Nhấn vào nút New bạn sẽ có giao diện như hình 4-10
- 4) Điền vào số, tên, thời gian tour sau đó chọn số preset trong danh sách.
- 5) Nhấn vào nút Add để thêm 1 preset cho tour. Chọn 1 số preset trong danh sách sau đó ấn nút add để tiếp tục thêm những preset khác cho các tour.
- 6) Nhấn vào nút OK để hoàn tất cài đặt.



Hình 4-10


Bạn có thể thấy giao diện như hình 4-11



Hình 4-11

Nhấn vào nút **Quit** để thoát

Call Tour

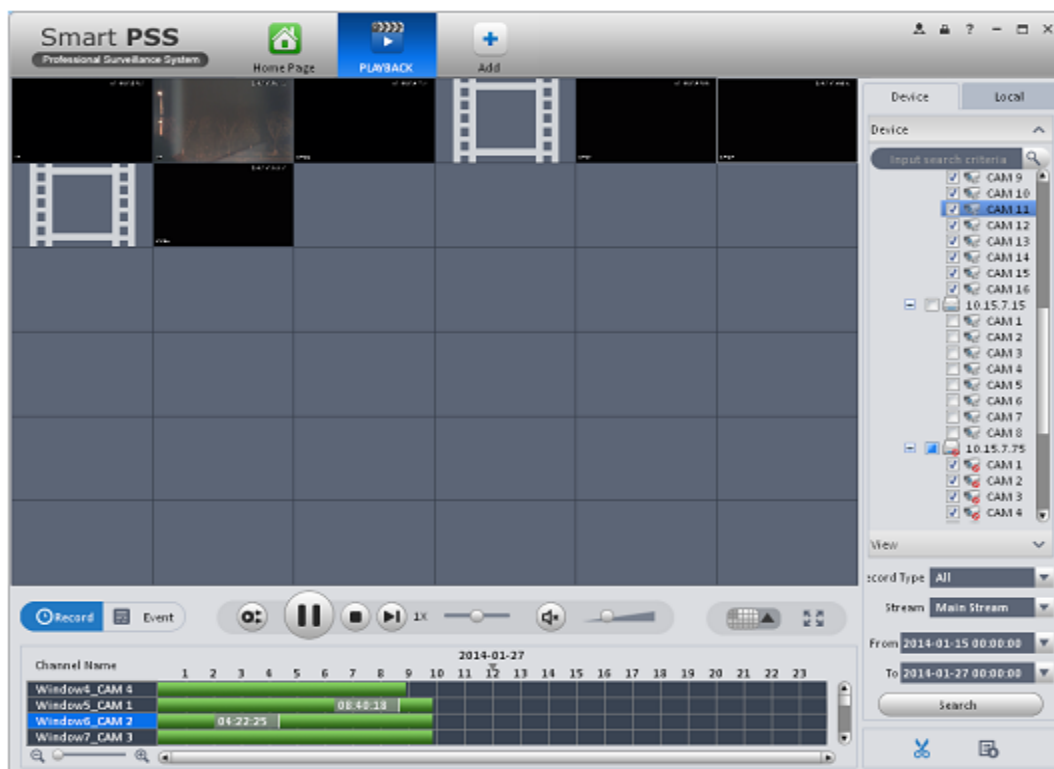
Trong hình 4-6, chọn tour từ danh sách. Chọn giá trị tour tương ứng từ danh sách thả xuống và sau đó nhấp vào nút , bạn có thể gọi nó

2. Xem lại

Sau khi bạn có file lưu. Bạn có thể đi đến giao diện xem lại




Trong giao diện chính, nhấn  trong trang Basic. Bạn đến với giao diện màn hình chính. xem hình 4-12




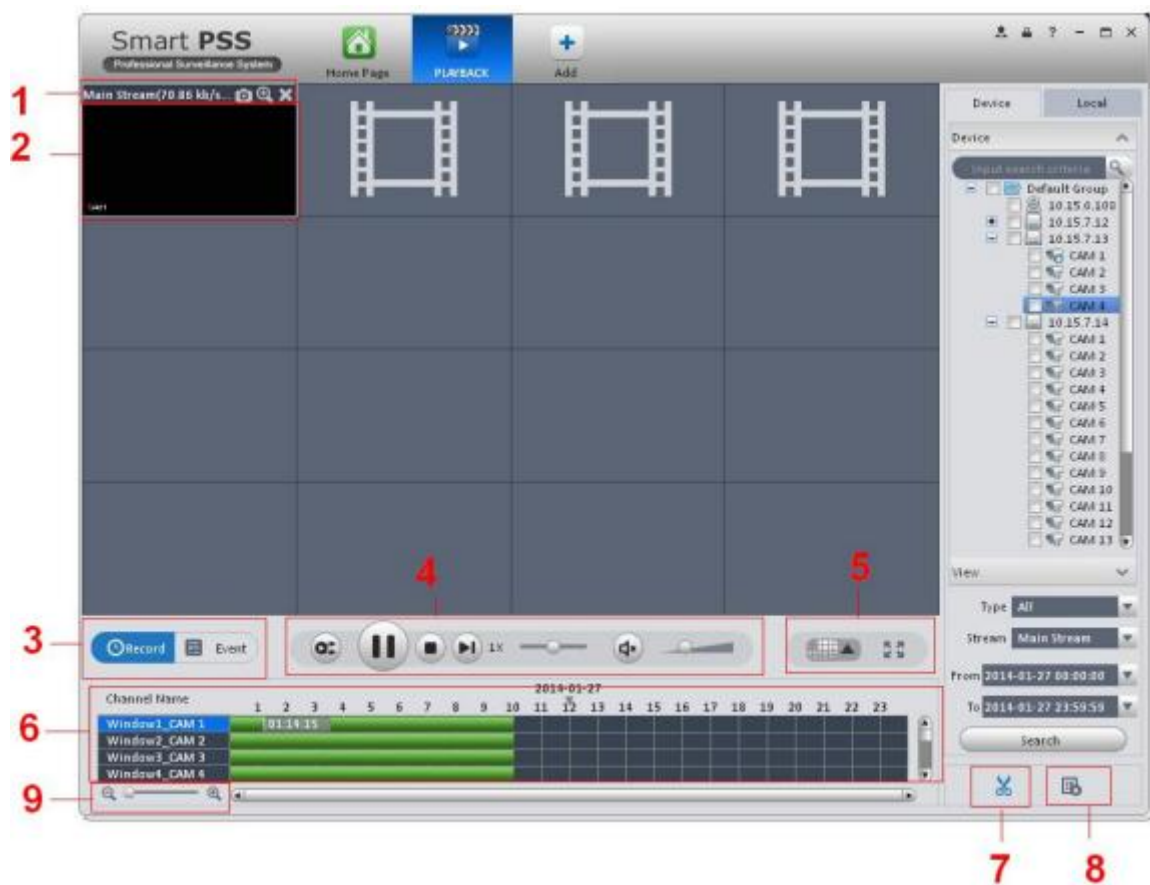
Hình 4-12

2.1. Xem lại thiết bị lưu trữ

Hãy làm theo các bước dưới đây để tìm kiếm bản ghi bạn muốn và sau đó phát lại.




- 1) Trong hình 4-12, bấm nút Device trên cửa sổ bên phải
- 2) Chọn một kênh (hoặc một số kênh) trên danh sách thiết bị trên ô cửa phải.
- 3) Chọn loại hồ sơ, loại dòng và ghi lại thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc.
- 4) Nhấn vào nút  Bạn có thể nhìn thấy tương ứng ngày là màu xanh lá cây nếu có một dữ liệu lưu trữ. Bạn có thể thấy các hộp thoại tương ứng nếu không có file lưu.









- 5) Nhấn vào nút  trong cửa sổ xem lại. Xem hình 4-13



Hình 4-13



Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

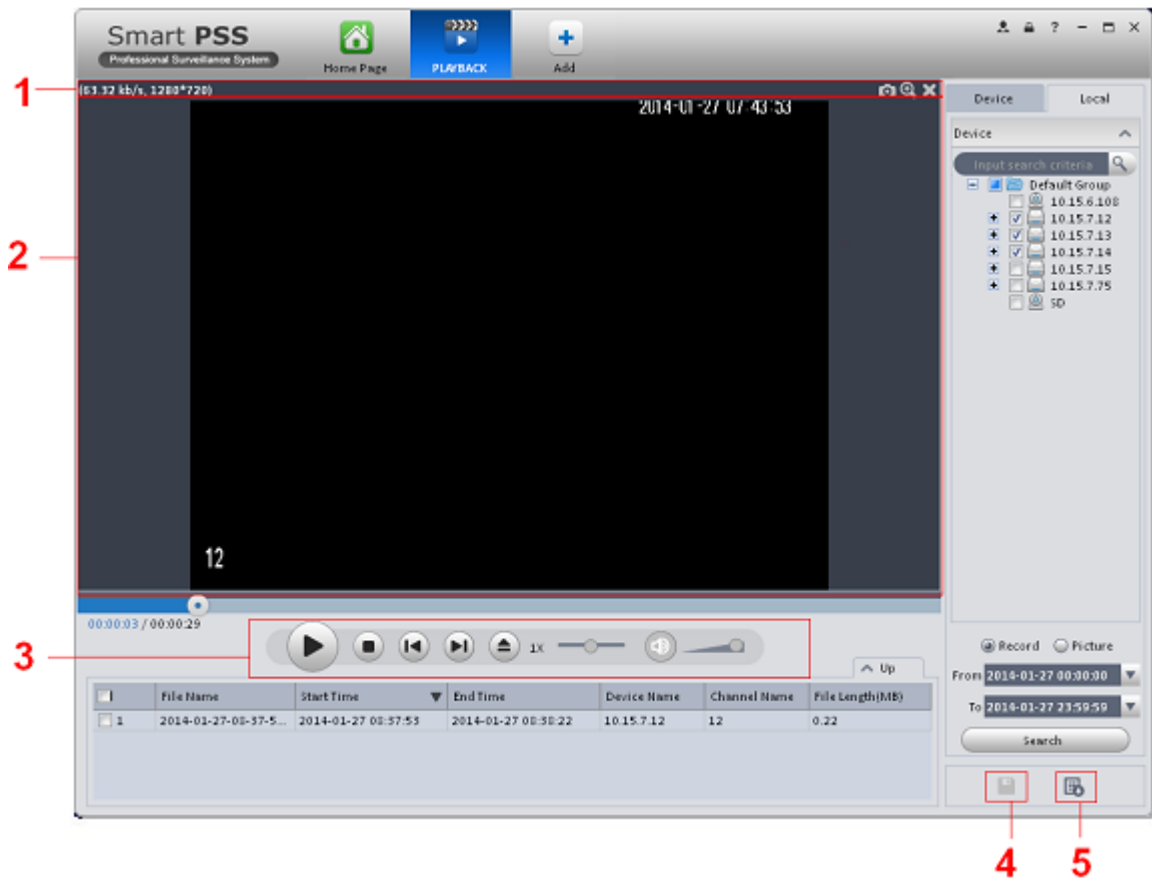
SN	Mục	Tính năng
1	Cột phím tắt	Cách tính năng của phím tắt <ul style="list-style-type: none"> •  Chụp hình •  Zoom •  Đóng cửa sổ hiện tại
2	Cửa sổ xem lại	Xem lại bản ghi
3	Chế độ	Có 2 chế độ xem lại: theo thời gian/ theo sự kiện
4	Thanh công cụ	Nó để kiểm soát quá trình phát lại, âm thanh và vv

	phát lại	<ul style="list-style-type: none">  nút đồng bộ. Khi tính năng này được kích hoạt sẽ đồng bộ tất cả cách tính năng xem lại cho các cửa sổ phát lại  chuyển chế độ tạm dừng và phát  Dừng phát lại  chuyển tiếp  1X Nó là để kiểm soát tốc độ phát lại.  Nó là để điều chỉnh âm lượng.
5	Thiết lập chế độ hiển thị	<p>Nó là để thiết lập chế độ chia cửa sổ. Các giá trị trong khoảng từ 1 cửa sổ đến 36 cửa sổ.</p> <ul style="list-style-type: none">  Chọn một cửa sổ và sau đó nhấp vào nút này để nhận ra thiết lập tùy chỉnh.  Toàn màn hình
6	Thanh công cụ thời gian	Nó là dòng thời gian phát lại
7	Thời gian đoạn video	Nó là để chỉnh sửa dòng thời gian để tải về các file dữ liệu
8	Quá trình tải về	Nó hiển thị quá trình tải dữ liệu
9	Thanh kiểm soát thời gian	Nó để phóng to/ thu nhỏ thanh thời gian

2.2. Xem lại nội bộ

Hãy làm theo các bước dưới đây để tìm kiếm bản ghi bạn muốn và sau đó phát lại.

- Hình 4-12 nhấn vào nút Local trong cột bên phải
- Chọn 1 kênh (hoặc nhiều kênh) trong danh sách thiết bị ở cột bên phải
- Chọn loại hồ sơ, loại dòng và ghi lại thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc.
- Nhấn vào nút  Bạn có thể nhìn thấy tương ứng ngày là màu xanh lá cây nếu có một dữ liệu lưu trữ. Bạn có thể thấy các hộp thoại tương ứng nếu không có file lưu.
- Nhấn vào nút  trong cửa sổ xem lại. Xem hình 4-13






Hình 4-

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

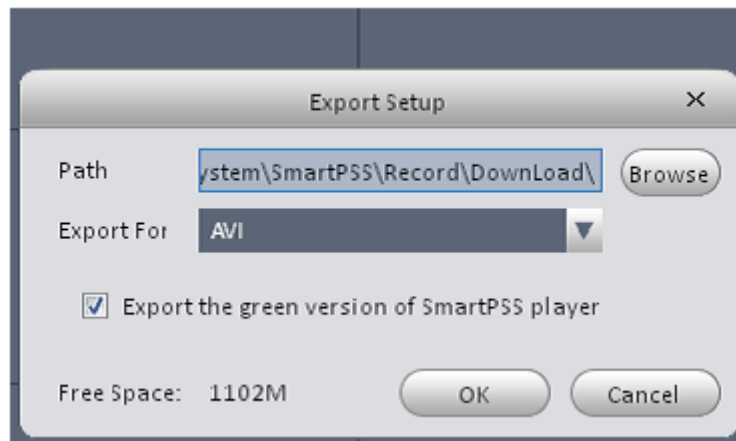
SN	Mục	Tính năng
1	Cột phím tắt	Cách tính năng của phím tắt <ul style="list-style-type: none"> • Chụp hình • Zoom • Đóng cửa sổ hiện tại
2	Cửa sổ xem lại	Xem lại bản ghi
3	Thanh công cụ phát lại	Nó để kiểm soát quá trình phát lại, âm thanh và vv <ul style="list-style-type: none"> • nút đồng bộ. Khi tính năng này được kích hoạt sẽ đồng bộ tất cả cách tính năng xem lại cho các cửa sổ phát lại • chuyển chế độ tạm dừng và phát • Dừng phát lại • chuyển tiếp • 1X Nó là để kiểm soát tốc độ phát lại. • Nó là để điều chỉnh âm lượng.
4	Quản lý tải về	Kiểm tra các dữ liệu phát lại và sau đó tải về.

2.3. Tải dữ liệu

Có ba cách để chọn

- Trong hình 4-13 (giao diện dữ liệu thiết bị), chọn khoảng thời gian trên timeline và sau đó nhấp  vào để tải các bản ghi.
- Trong hình 4-13 (giao diện dữ liệu thiết bị), chọn khoảng thời gian trên timeline và sau đó nhấp  vào để tải các bản ghi.
- Trong hình 4-14 (giao diện dữ liệu thiết bị) kiểm tra dữ liệu lưu trữ đầu tiên và sau đó nhấp vào  để tải các bản ghi


Bạn có thể thấy giao diện tải được thể hiện như trong hình 4-15. Chọn đường dẫn tải về tương ứng và sau đó nhấp vào nút OK để tải về.

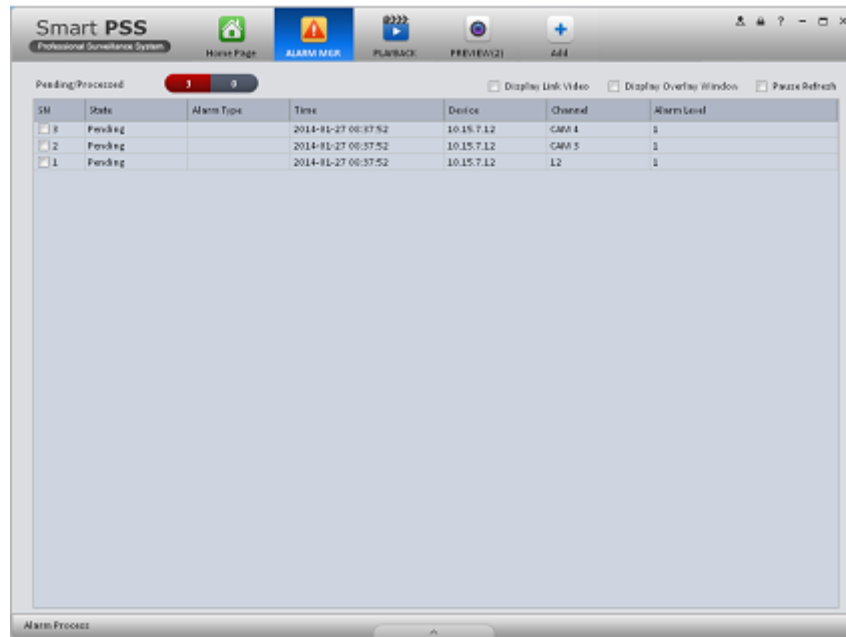


Hình 4-15

3. Quản lý báo động

Nếu bạn đã thiết lập một chương trình báo thức, bạn có thể xem các báo thức tương ứng trong giao diện quản lý báo động. Bạn có thể tham khảo chương 3.7.1 để thiết lập một chương trình báo động đầu tiên.

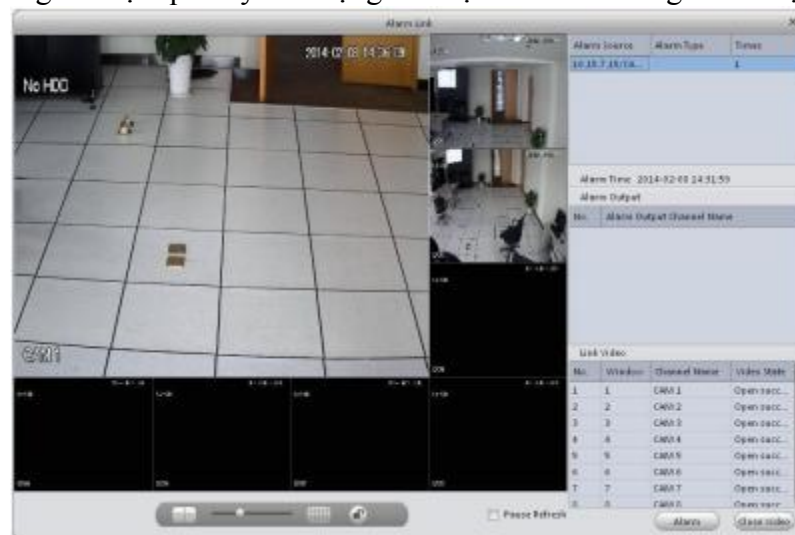
Nhấn vào biểu tượng  trong trang Basic, bạn có thể vào giao diện quản lý báo động. Xem Hình 4-16.



Hình 4-16

Nếu bạn đã thiết lập chức năng video kích hoạt báo động trong thiết lập chương trình báo thức của bạn (chương 3.7), bạn có thể thấy hệ thống bật lên cửa sổ video khi một báo động tương ứng xảy ra. Xem Hình 4-17.

Nếu bạn đánh dấu vào ô ở dưới cùng của giao diện cho tạm dừng, các video mới kích hoạt báo động sẽ không ghi đè lên một trong hiện tại. Nhấn vào báo thức quản lý ở dưới cùng bên phải của giao diện, hệ thống đi vào giao diện quản lý báo động cho bạn xem các bản ghi báo động tương ứng.

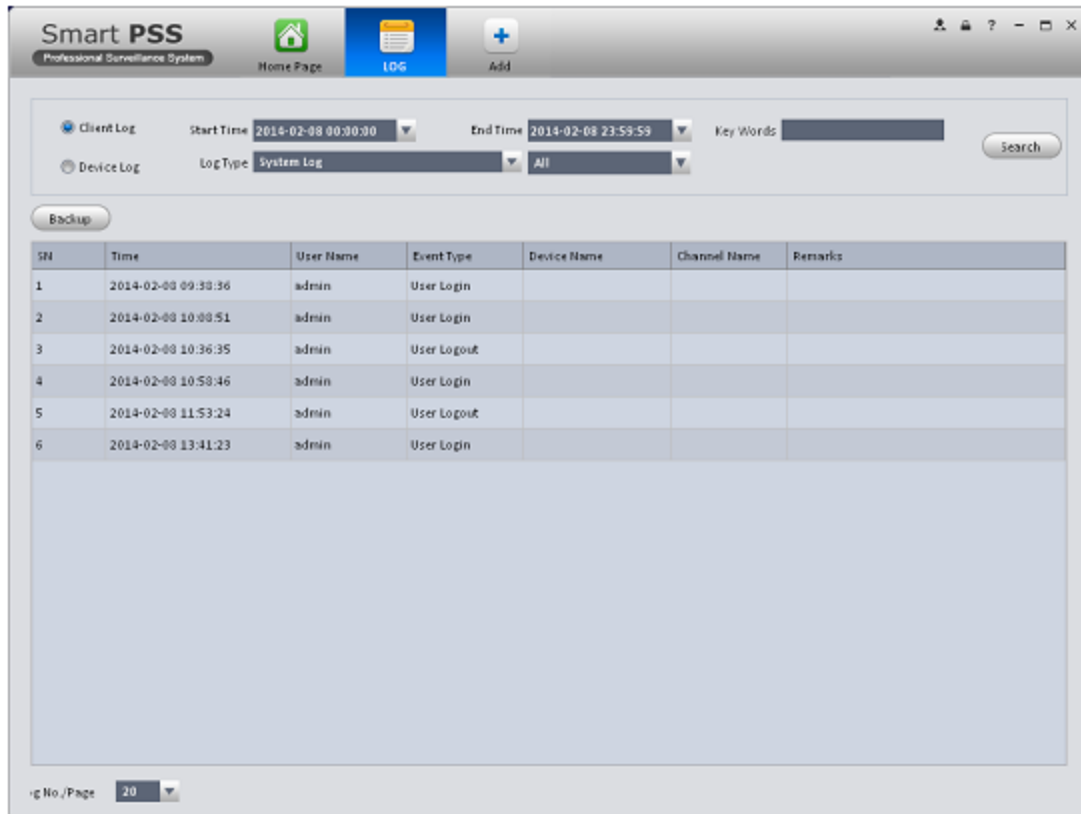


Hình 4-17

4. LOG

Trong giao diện như hình 4-18

Chọn thời gian bắt đầu/thời gian kết thúc và chọn chế độ trong danh sách. Nhấn vào nút Search, bạn có thể thấy thông tin Log



Hình 4-18

V. MỞ RỘNG

1. TV Wall

Sau khi bạn thiết lập thiết lập tường truyền hình (chương 3.8), bạn có thể xuất video vào tường TV. Bạn có thể làm theo các bước dưới đây để cài đặt.

- 1) Nhấn vào biểu tượng  trong giao diện chính. Bạn đến với giao diện như hình 5-1




Hình 5-1

- 2) Chọn TV Wall tương ứng từ danh sách thông tin màn hình. Bạn

có thể kiểm tra để chọn chế độ thời gian thực nếu cần thiết. Khi bạn kích hoạt chế độ -thời gian thực, hệ thống tự động đầu ra video để tường truyền hình sau khi bạn hoàn thành việc cài đặt. Nếu không, nó không đầu ra video để TV Wall.



3) Kéo các kênh trên cửa sổ bên phải để màn hình tương ứng và sau đó ràng buộc.

Lời khuyên:


Chọn một màn hình và sau đó sử dụng các thanh tiến trình  bạn có thể thiết lập bốn chế độ: 1/4/9/16-window. Bạn có thể thấy các hộp thoại tương ứng, nếu màn hình hiện tại không hỗ trợ chế độ mà bạn đặt vào đây.

- 4) Nhấp vào lưu như nút task, bạn có thể thấy hệ thống sẽ bật lên một hộp thoại cho bạn tên task đầu vào.
- 5) Vui lòng nhập tên task và nhấn nút Save
- 6) Nhấn vào công ra hình ảnh (output video)

Lưu ý:

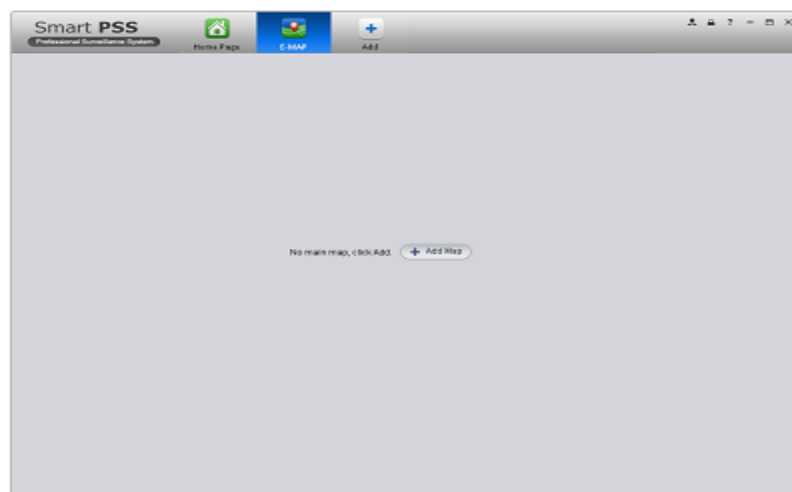
- Bạn có thể chọn nhiệm vụ TV wall từ tên công việc trong danh sách và sau đó nhấp vào nút video Output để xem các video.
- Nhấn vào công việc quản lý, bạn có thể xem trạng thái công việc hiện tại. Hoặc bạn có thể chọn 1 task và nhấn vào  hoặc  để chỉnh sửa hoặc xóa nhiệm vụ hiện tại

2. E-Map

Nhấn vào biểu tượng  trong giao diện chính, bạn đi đến giao diện E-map. Bạn cần quan sát thiết bị trên e-map. Trong quan sát giao diện map, bạn có thể zoom map hoặc mở hình ảnh nhưng ko thể chỉnh sửa được nó. Trong giao diện Edit e-map, bạn có thể chỉnh sửa, thêm camera và nhiều hoạt động khác.

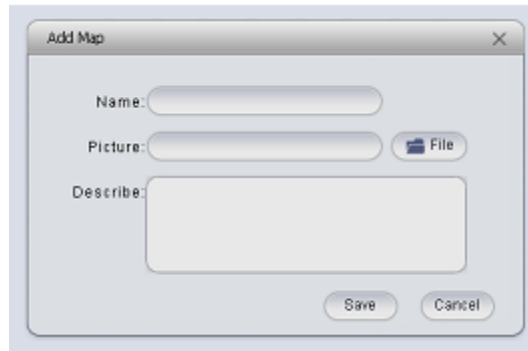
2.1.Thêm E-MAP

Nếu đó là lần đầu tiên bạn sử dụng e-bản đồ, bạn có thể thấy một giao diện hiển thị như dưới đây. Xem Hình 5-2



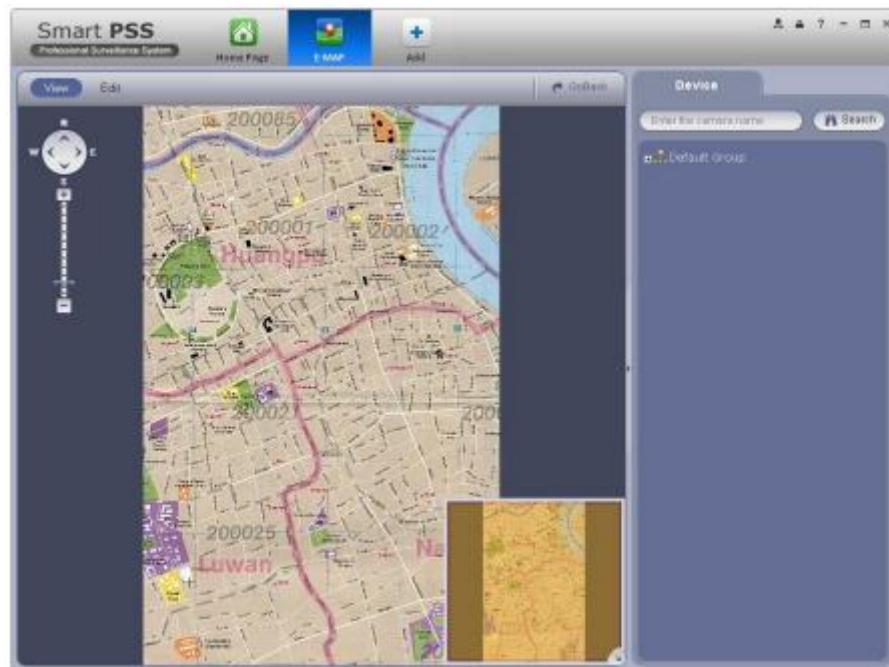
Hình 5-2

Nhấn vào nút Add Map, giao diện được hiện thị như hình 5-3. Hãy thêm tên e-map và sau đó chọn hình ảnh e-map. Bạn có thể nhập 1 số thông tin cần thiết.



Hình 5-3

Sau khi bạn đã thêm vào một e-bản đồ, giao diện được hiển thị như dưới đây. Xem Hình 5-4.

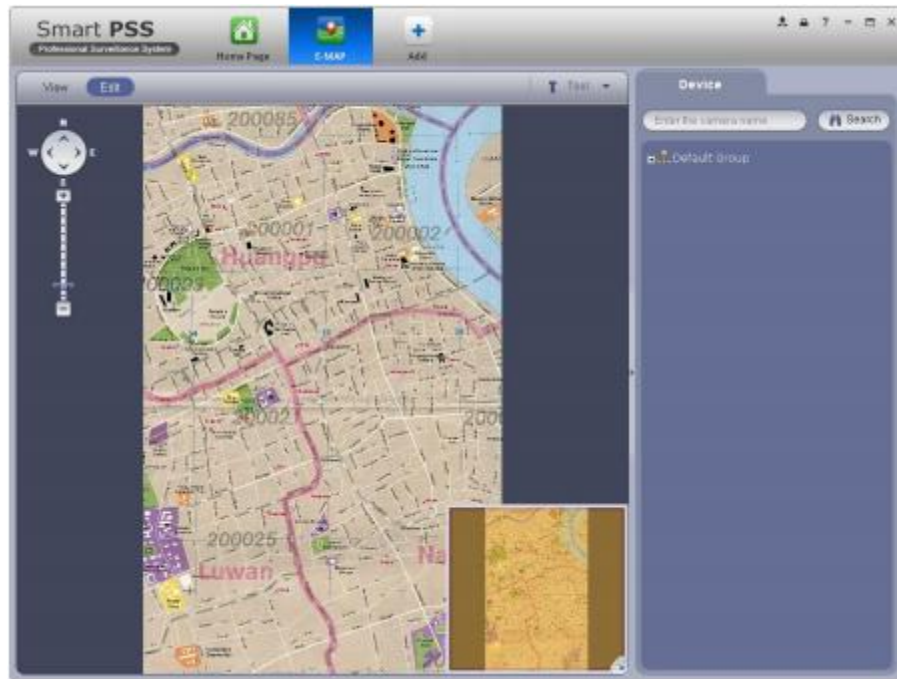


Hình 5-4.


2.2.Sửa e-map

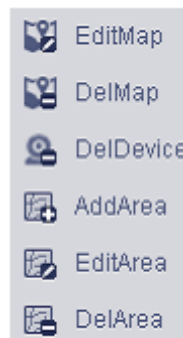
Nhấn vào nút **Edit**, bạn có thể đến với giao diện chỉnh sửa. hình 5-5. Nhấn Tool bạn có thể chỉnh sửa e-map, xóa e-map, xóa thiết bị, thêm vùng, thay đổi vùng, xóa vùng và nhiều thứ khác.





Hình 5-5

Nhấn nút  Tool bạn có hiển thị tính năng thanh công cụ. Xem hình 5-6.



Hình 5-6

Vui lòng tham khảo bảng dưới đây để biết thông tin chi tiết.

Mục	Tính năng
Edit map	Nó là dành cho bạn để thay đổi tên e-bản đồ, hình ảnh, mô tả
Del map	Xóa e-map hiện tại
Del device	Xóa thiết bị hiện tại
Add area	Thêm vùng
Edit area	Chỉnh sửa vùng
Del area	Xóa vùng

2.3. Xem trước E-map

Sau khi bạn chỉnh sửa các e-map, bạn có thể nhấp vào nút Xem để xem trước. Nút ở phía trên bên trái của giao diện có thể phóng to, thu nhỏ hoặc di chuyển e-map. Kích đúp vào một máy ảnh trên e-map, bạn có thể xem video. Xem Hình 5-7.






Hình 5-7

3. Thiết bị hiển thị và điều khiển

Các loại thiết bị hỗ trợ sản phẩm loạt NVR6000. Dưới đây là dành cho bạn để thiết lập chế độ phân chia và kênh hiển thị.





Nhấn vào biểu tượng , bạn có thể đến giao diện bạn có thể vào giao diện sau đây. Kéo một kênh trên cửa sổ bên phải để các cửa sổ để ràng buộc.

Nhấp vào nút thiết lập chế độ hiển thị cửa sổ ở dưới cùng của giao diện; bạn có thể xem 128 kênh của NVR6000. Trong hình 5-8, bạn có thể xem các chế độ 4-chia. Bạn có thể bấm vào phạm vi kênh để chọn kênh tương ứng.

001_004	041_044	081_084	121_124
005_008	045_048	085_088	125_128
009_012	049_052	089_092	
013_016	053_056	093_096	
017_020	057_060	097_100	
021_024	061_064	101_104	
025_028	065_068	105_108	
029_032	069_072	109_112	
033_036	073_076	113_116	
037_040	077_080	117_120	

Hình 5-8

Di chuyển chuột đến 1 cửa sổ, nhấn  bạn chuyển giữa luồng chính/luồng phụ/tự động.

Nhấn vào  để hủy bỏ ràng buộc. Hoặc bạn có thể nhấp chuột phải để hủy bỏ ràng buộc hoặc thay đổi kiểu luồng.

Chú ý:

- **Hướng dẫn này là dành cho chỉ tham khảo. Khác biệt nhỏ có thể được tìm thấy trong giao diện người dùng.**
- **Tất cả các thiết kế và phần mềm ở đây có thể thay đổi mà không cần báo trước bằng văn bản.**
- **Tất cả các nhãn hiệu và đăng ký thương hiệu là tài sản của chủ sở hữu tương ứng của họ**
- **Nếu bạn không chắc chắn hay tranh cãi, xin vui lòng tham khảo các lời giải thích cuối cùng của chúng tôi.**
- **Vui lòng truy cập trang web của chúng tôi hoặc liên hệ với kỹ sư dịch vụ của bạn để biết thêm thông tin.**

..........